

Số: 17042018-01TB/EVPL

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
UBCKNN VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty : Công ty Cổ phần Everpia
Mã chứng khoán : EVE
Địa chỉ trụ sở chính : Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại : 04.38276490 Fax: 04.38276492
Người thực hiện công bố thông tin: Cho Yong Hwan
Địa chỉ : Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại : 0321.3791 777
Loại thông tin công bố : Định kỳ
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2017

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17 tháng 04 năm 2018 tại đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cau-thuong-nien-va-bao-cau-quy.aspx>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

-

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2018
Người được ủy quyền công bố thông tin


CHO YONG HWAN



năm

Đổi mới
để phát triển



Everpia JSC.

Mọi câu hỏi liên quan đến Công ty cổ phần Everpia, Quý cổ đông và các nhà đầu tư có thể liên hệ theo địa chỉ sau:

PHÒNG KẾ HOẠCH
Chi nhánh CTCP Everpia

- A Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
- T (0321) 3791777 (Máy lẻ: 348)
- F (0321) 3791999
- W www.everpia.vn
- E info@everpia.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2017



TRIẾT LÝ HOẠT ĐỘNG

Tầm nhìn

- Trở thành công ty toàn cầu mang đến giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động và xã hội

Sứ mệnh

- Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng
- Kiến tạo giá trị
- Phát triển thị trường

Chính sách quản lý

- Minh bạch
- Sáng tạo
- Gìn giữ giá trị cốt lõi

GIỚI THIỆU CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA - EVE

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Everpia
Tên viết tắt	: Everpia JSC
Vốn điều lệ	: 419.797.730.000 đồng
Trụ sở chính	: Cụm dân cư Nội Thương, Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam
Mã cổ phiếu	: EVE
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0101402121
Điện thoại	: (+84-4) 3827 6490
Fax	: (+84-4) 3678 2030
Website	: www.everpia.vn
Email	: info@everpia.vn

MỤC LỤC



3 THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

A - 5 GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 6 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 7 GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
- 8 QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
- 9 THÔNG TIN CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 11 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH
- 12 ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI
- 16 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

B - 19 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 21 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 25 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY CON TẠI NƯỚC NGOÀI
- 26 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 29 HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG NGUYÊN VẬT LIỆU
- 29 HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
- 30 HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ
- 31 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ
- 32 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHO NĂM 2018
- 34 MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

C - 37 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 39 THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
- 40 CÁC THÀNH VIÊN HĐQT
- 42 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 47 KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D - 51 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 52 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 55 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
- 55 CÁC GIAO DỊCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

E - 57 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 58 CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG
- 62 CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

F - 85 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

DOANH THU

	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	880,6	863,9	994,4

(Đơn vị: Tỷ đồng)

LỢI NHUẬN

	2015	2016	2017
Lợi nhuận gộp	317,1	291,1	329,9
Lợi nhuận trước thuế	148,3	113,5	63,3
Lợi nhuận sau thuế	113,5	89,6	50,9

(Đơn vị: Tỷ đồng)

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

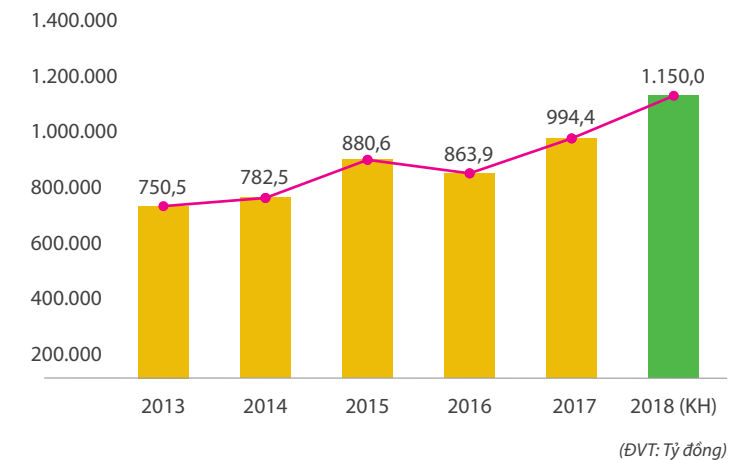
	2015	2016	2017
ROA	10,2%	8%	4%
ROE	12,5%	9,3%	5,6%
ROS	12,9%	10,4%	5,1%
EBIT	158,6	117,8	71,2
Nợ/VCSH	22,16%	16,17%	39,27%

CÁC THÔNG TIN KHÁC

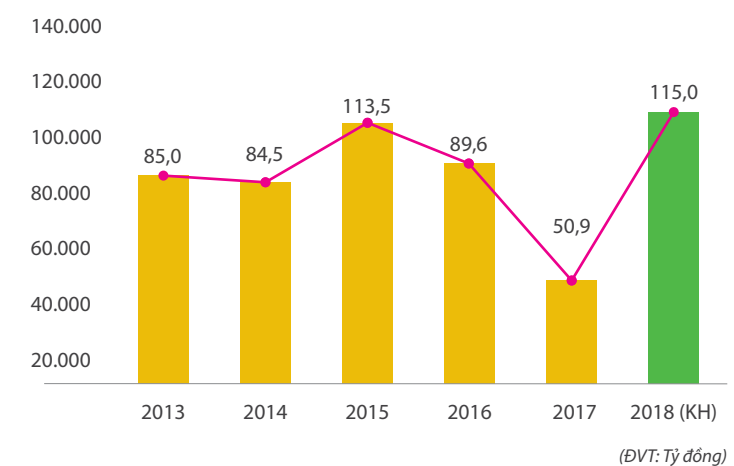
	2015	2016	2017
Số lượng chi nhánh	5	5	5
Số lượng công ty con	2	3	1
Số lượng đại lý (*)	540	520	375
Số lượng Showroom	11	10	12
Số lượng nhân viên	1.324	1.341	1.303

(*): số lượng đại lý năm 2017 không bao gồm các đại lý cấp 1 thuộc sự quản lý của Tổng đại lý tại các tỉnh

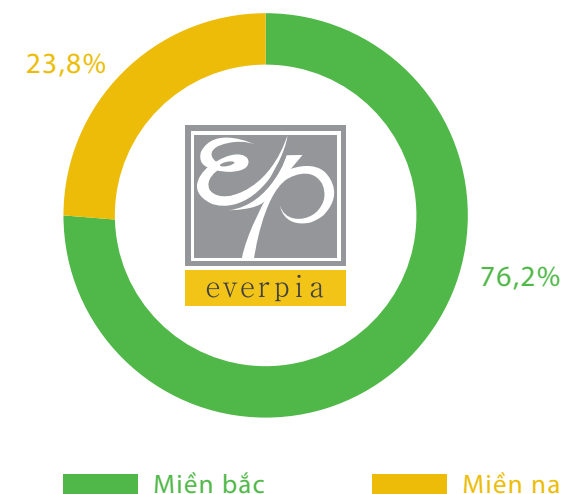
DOANH THU



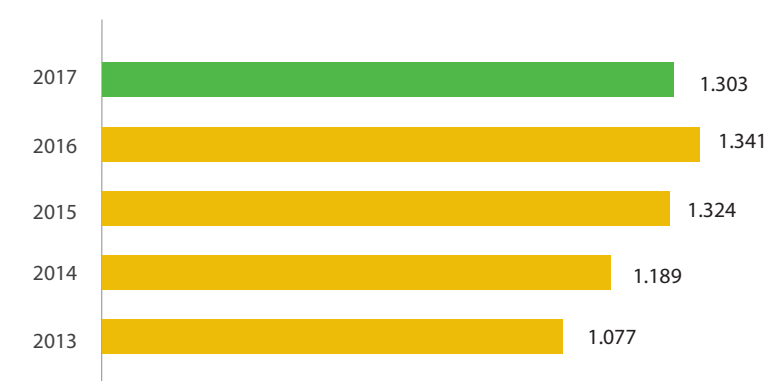
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



CƠ CẤU DOANH THU NỘI ĐỊA THEO ĐỊA BÀN



SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN





A - GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



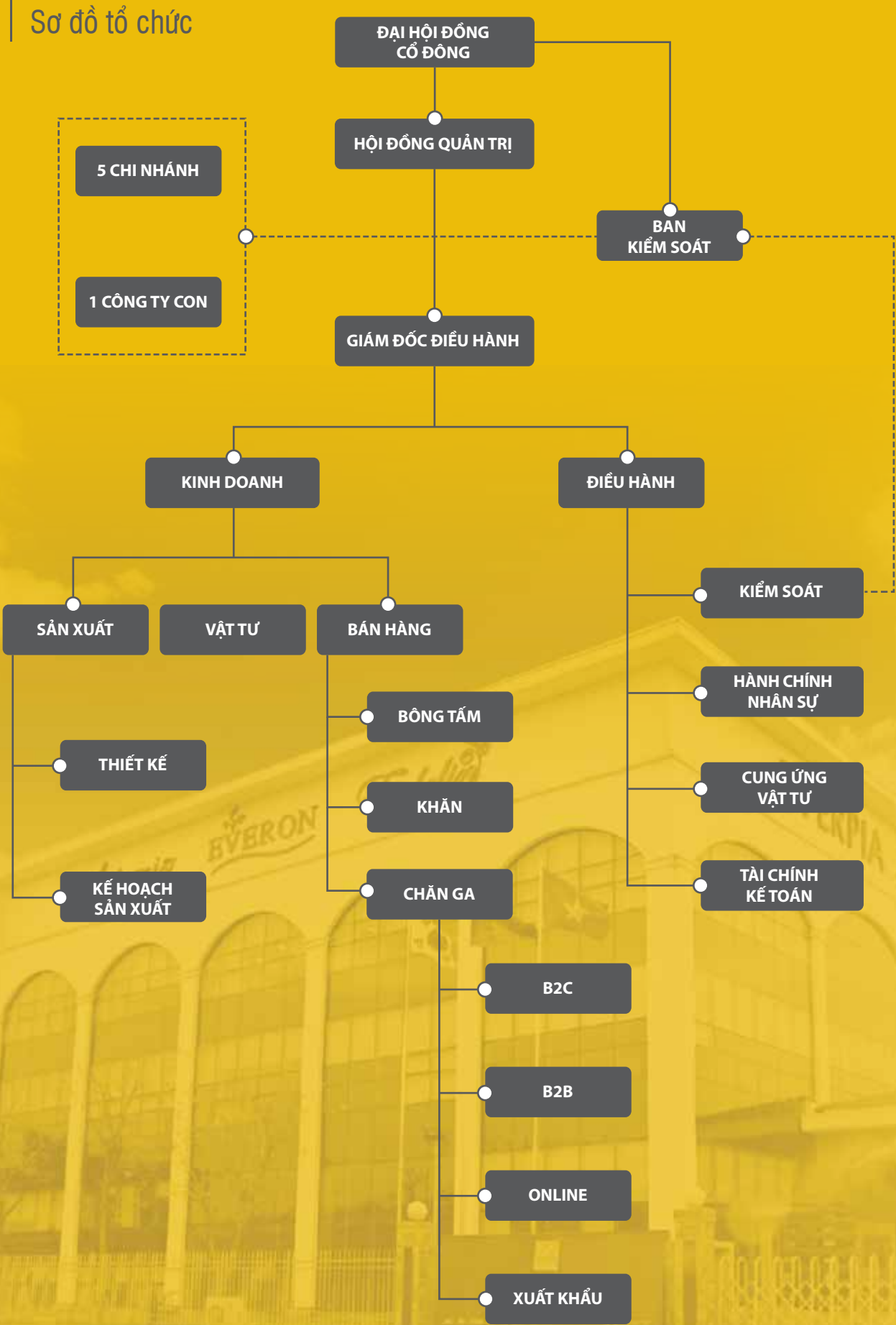
2. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Với mục tiêu nâng cao vị thế của công ty tại thị trường trong nước cũng như quốc tế, từ một nhà máy duy nhất đặt tại Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội, cho đến năm 2007, Everpia đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến năm 2009 và năm 2010, sau hai lần phát hành cổ phần riêng lẻ thành công cho các đối tác chiến lược, Công ty Everpia đã có đủ vốn để đầu tư xây dựng thêm nhà máy mới. Năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc mua mới nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai. Tháng 11 năm 2012, thêm một nhà máy tại Hưng Yên đã chính thức đi vào hoạt động, nâng tổng công suất công ty lên gấp đôi. Tháng 3/2017, gần 2.000 m2 nhà xưởng bao gồm 1 xưởng thuê và 1 xưởng ruột chần gối được xây mở rộng thêm tại nhà máy Hưng Yên. Đến nay, công suất thiết kế tại ba nhà máy đã đạt 4 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm và 25 triệu yard Bông tấm mỗi năm. Từ năm 2018, Công ty sẽ tiếp nhận và vận hành toàn bộ dự án sản xuất khăn và vải dùng may khăn từ Công ty liên kết Texpia, với công suất thiết kế 15 triệu sản phẩm mỗi năm.

THỜI GIAN PHÁT HÀNH	ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH	SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	VỐN ĐIỀU LỆ SAU PHÁT HÀNH
06/2007	Quỹ đầu tư mạo hiểm Mirae Asset	480.000	52.800.000.000
10/2007	Quỹ đầu tư Dream No.7	200.000	54.800.000.000
08/2008	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1	2.740.000	82.200.000.000
06/2009	- CTCP CK Bảo Việt - CTCP Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam - Ông Trần Ngọc Bê	2.500.000	107.200.000.000
06/2010	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%)	1.607.996	123.279.960.000
07/2010	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược - Red River Holdings - Quỹ thành viên Việt Nhật - CTCP Quản lý quỹ FPT - CT TNHH Đầu tư FC	3.000.000	153.279.960.000
07/2011	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%)	7.663.990	229.919.860.000
11/2011	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt	410.000	234.019.860.000
07/2012	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%)	4.584.532	279.865.180.000
07/2016	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%)	13.993.255	419.797.730.000

3. THÔNG TIN CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ tổ chức



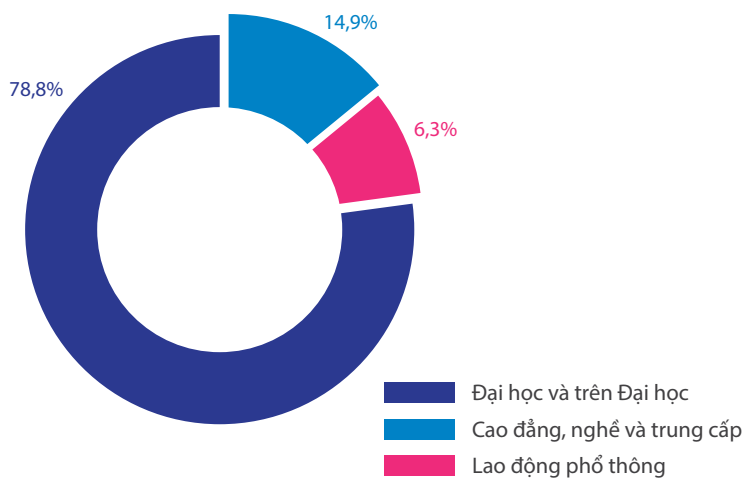
Cơ cấu lao động

Tính đến cuối năm 2017, tổng số lao động tại công ty là 1,308 người: 1,045 công nhân cùng 258 nhân viên văn phòng và nhân viên bán hàng tại các showroom.

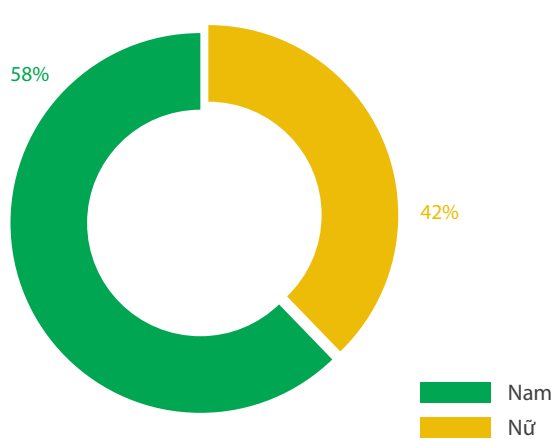


Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Theo trình độ học vấn		
Đại học và trên đại học	194	14,9%
Cao đẳng, Nghề và Trung cấp	82	6,3%
Lao động phổ thông	1.027	78,8%
Theo đối tượng lao động		
Trực tiếp	1.045	80,2%
Gián tiếp	258	19,8%
Theo giới tính		
Nam	551	42,3%
Nữ	752	57,7%

Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn



Cơ cấu lao động theo giới tính



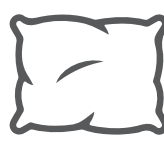
4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH TẠO RA DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

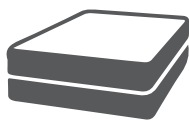
NGÀNH HÀNG CHĂN-GA-GỐI-ĐỆM



Sản phẩm vỏ chăn, vỏ gối, ga trải giường



Sản phẩm ruột chăn, ruột gối



Sản phẩm đệm

Gần **2.500.000**

sản phẩm Chăn ga gối đệm bán ra

EVERON

Artemis

EVERON Lite

LOVELON

Gần **670 tỷ đồng**

doanh thu thuộc các thương hiệu

Cutie Everon

INVISTA

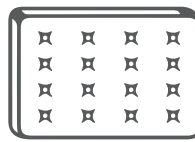
ADVANS A Europe's polyester leader

STYLEMASTER PROUDLY AUSTRALIAN SINCE 1999

NGÀNH HÀNG BÔNG TẮM



Sản phẩm bông



Sản phẩm chăn bông

Gần **18 triệu** yard bông

Gần **13 triệu USD**

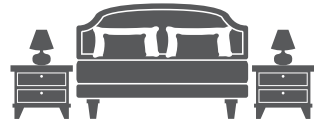
doanh thu thuộc các thương hiệu

DEXFIL

THERMOLITE

DACRON Resilience it's what's inside that matters

ĐỒ GỖ NỘI THẤT VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÁC



Sản phẩm nội thất bằng gỗ tự nhiên



Các sản phẩm gia đình từ vải: gối tựa, khăn, đồ dùng nhà bếp, sản phẩm chăn ga phụ trợ

1,2 triệu các sản phẩm khác

Hơn **41 tỷ đồng**

doanh thu thuộc các thương hiệu

EVERON FURNITURE

Home Decor EVERON

5. ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Địa bàn kinh doanh

Hệ thống phân phối của Everpia được đánh giá là mạnh và rộng khắp, nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn, Everpia tập trung mọi nguồn lực không ngừng phát triển hệ thống phân phối, xúc tiến xuất khẩu cũng như có mặt trên đa dạng kênh phân phối.

MẠNG LƯỚI TRONG NƯỚC

Kênh phân phối truyền thống: Chúng tôi đã thiết lập hệ thống gồm 375 đại lý và tổng đại lý độc quyền trên toàn quốc, tiếp cận đến người tiêu dùng một cách thuận tiện, nhanh chóng và trong điều kiện tốt nhất.

Kênh phân phối hiện đại: Everpia bán hàng trực tiếp đến các siêu thị, trung tâm thương mại lớn tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, đồng thời thành lập nhiều showroom diện tích lớn, bài trí quy chuẩn tại các khu vực sầm uất nhằm tăng nhận diện thương hiệu. Nhận thấy đây là kênh phân phối sẽ phát triển trong tương lai, Everpia vẫn đang tiếp tục mở rộng mạng lưới này để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân một cách tốt nhất.



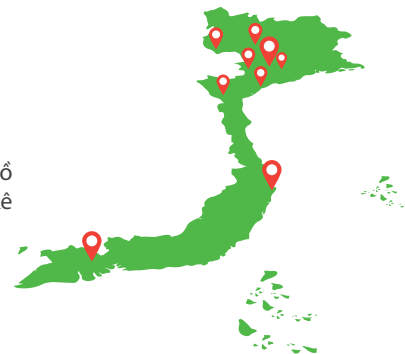
KHÁCH HÀNG

Phân khúc khách hàng đa dạng, khách hàng thu nhập khá-trung bình chiếm tỷ lệ lớn.

Bên cạnh khách hàng cá nhân, trong hơn 5 năm vừa qua, Everpia đã và đang gây dựng cho mình hệ thống mạng lưới kinh doanh thông qua các khách hàng doanh nghiệp, các khách sạn và khu nghỉ dưỡng, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe nhất của khách hàng về sản phẩm, thiết kế với các đơn hàng đặc biệt.

ĐỊA BÀN TRỌNG ĐIỂM

Hà Nội, Thanh Hóa, Sơn La, Nghệ An, Hưng Yên, Phú Thọ, Ninh Bình, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, là một số địa bàn đơn vị kinh doanh quan trọng theo kết quả thống kê trong năm



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Đối với sản phẩm Bông tắm: 51,1% doanh thu đến từ các đơn hàng nước ngoài, chủ yếu là Hàn Quốc.

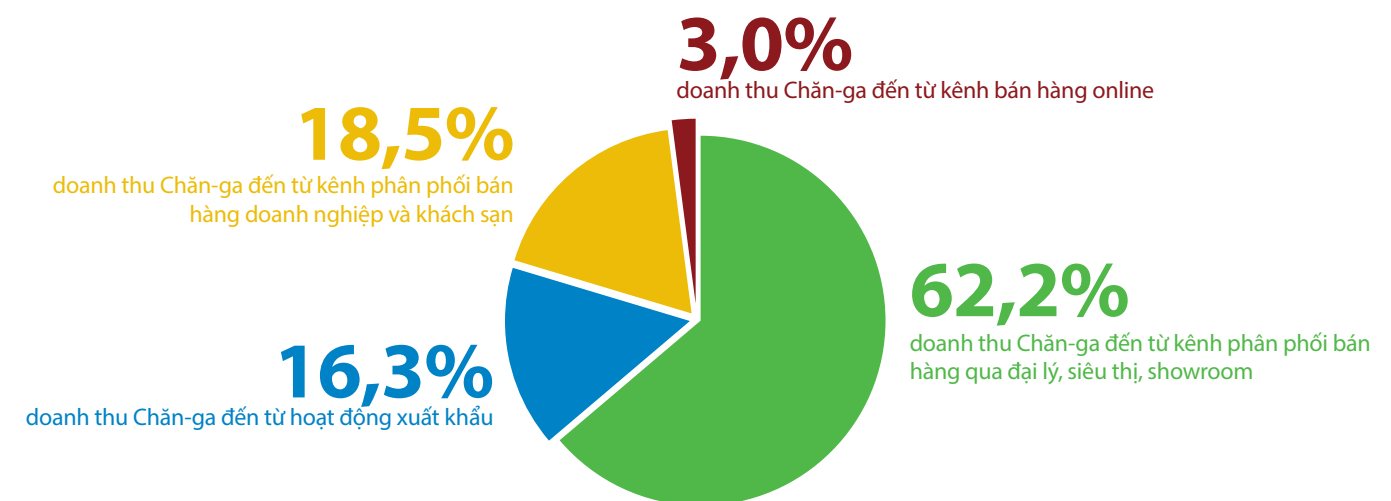
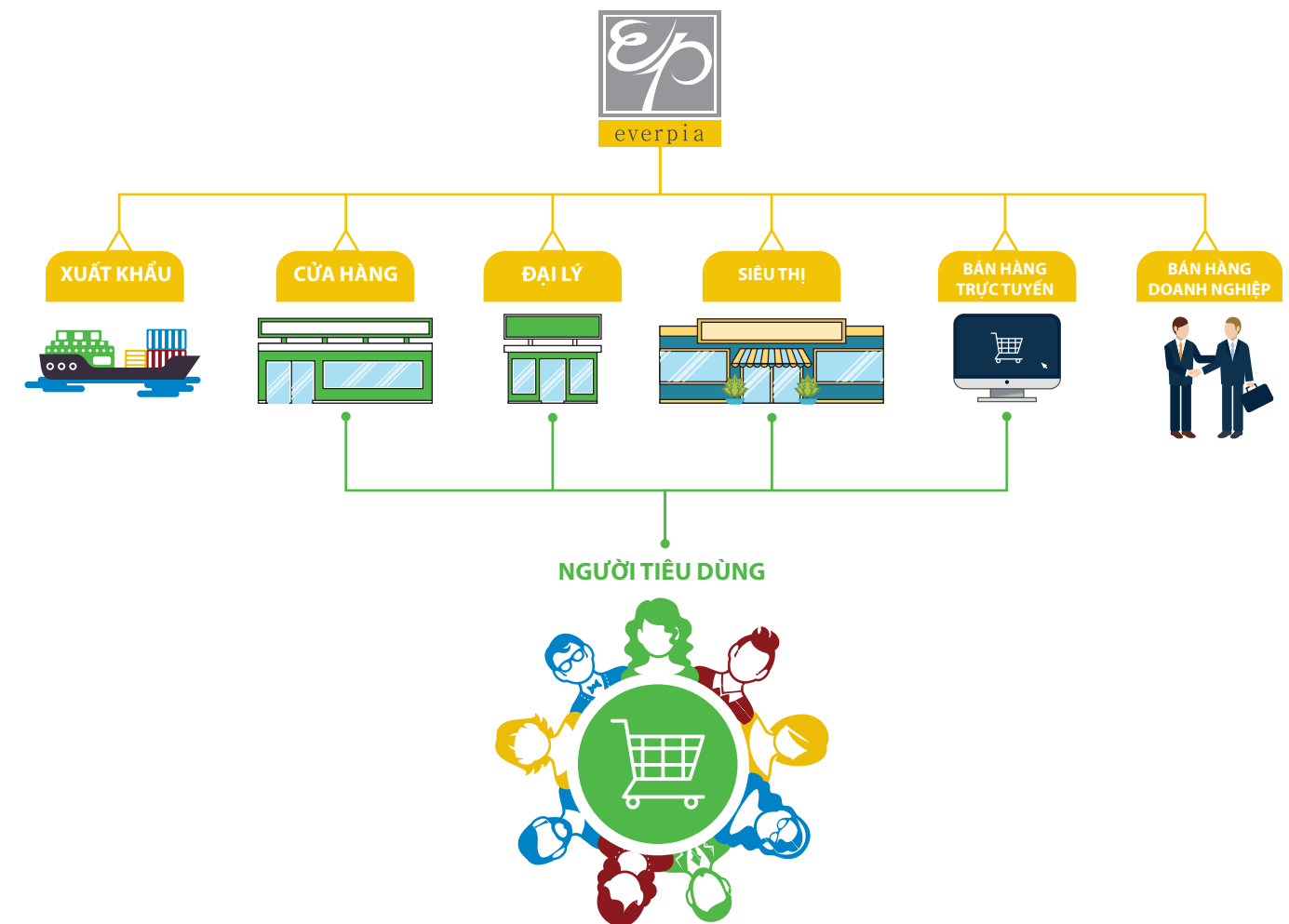
Đối với sản phẩm Chăn - ga - gối - đệm: Công ty hiện tại xuất khẩu tới các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Dubai theo hướng sản xuất theo đơn đặt hàng OEM. Năm 2017 là một năm cực kỳ khởi sắc của xuất khẩu chăn ga, với tốc độ tăng trưởng lên tới gần 150%. Trong tương lai, công ty tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu theo hai hướng OEM và xuất khẩu nhãn hiệu tiếp cận tới các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ, Đông Nam Á, Châu Âu.

Đối với sản phẩm Khăn: Thị trường xuất khẩu trọng điểm của Công ty là các nước châu Âu, Mỹ và Hàn Quốc, chủ yếu dưới hình thức gia công mua đứt bán đoạn. Dự kiến, kênh phân phối Khăn hiện tại sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu cho sản phẩm Chăn ga trong thời gian tới và ngược lại.



5. ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI (TIẾP THEO)

Mô hình hệ thống phân phối kinh doanh Chăn-ga-gối-đệm



5. ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI (TIẾP THEO)

Danh sách nhà máy, chi nhánh giao dịch và công ty con

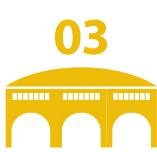
Everpia hiện có:

01



01 Trụ sở chính: Cụm dân cư Nội Thương, Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội

03



03 Nhà máy sản xuất tại Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai

03



03 chi nhánh giao dịch trên toàn quốc

01



01 công ty con tại nước ngoài



CHI NHÁNH GIAO DỊCH

- Chi nhánh giao dịch Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: Số 27-31 đường 9A, khu dân cư Trung Sơn, phường Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
Diện tích: 107m2
Tel: (84-8) 6261 2078 Fax: (84-8) 6261 1541
- Chi nhánh giao dịch Đà Nẵng**
Địa chỉ: Số 439 đường Hoàng Diệu, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
Diện tích: 356 m2
Tel: (84-51) 1381 5579 Fax: (84-51) 1381 5679
- Chi nhánh giao dịch Hòa Bình**
Địa chỉ: Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Diện tích: 7,035 m2



CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Ngành nghề:
(i) Kinh doanh, thực hiện quyền xuất nhập khẩu, tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Đức;
(ii) Thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu các sản phẩm: Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh, đồ dùng văn phòng, đồ trang trí nội thất, đồ dùng gia đình và/hoặc đồ dùng cho các mục đích tương tự; Đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác;

Vốn điều lệ: 34.000.000.000 VND

Địa chỉ: 18 104 Gil Samsung-ro Kangnam-gu, thành phố Seoul (Samsung-dong, Samsung Building), Hàn Quốc

5. ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI (TIẾP THEO)

NHÀ MÁY SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG TRANG THIẾT BỊ MÁY MÓC
NHÀ MÁY HÀ NỘI	
Cụm dân cư Nội Thương, Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội Diện tích: 15,000m ² Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tằm Công suất hoạt động: 15 triệu yards Bông tằm Tel: (84-4) 3827 6490 Fax: (84-4) 3827 6492	03 dây chuyền sản xuất bông tằm 01 dây chuyền sản xuất bông hạt 01 dây chuyền sản xuất bông microfiber 01 dây chuyền ép méch 25 máy chần 06 máy đánh suốt 19 máy may 1 kim 05 máy dò kim loại
NHÀ MÁY HƯNG YÊN	
Khu công nghiệp Tân Quang - Tân Quang – Văn Lâm – Hưng Yên Diện tích: 17,670m ² Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Chăn – ga - gối – đệm Công suất hoạt động: 3 triệu sản phẩm Chăn – ga - gối – đệm Tel: (84-321) 3791 777 Fax: (84-321) 3791 999	233 máy may 21 Máy vắt sổ 13 Máy cắt 23 Máy bọc viền 12 máy thêu (1 máy thêu chạy mẫu) 02 máy trải vải 03 máy can vải 01 máy kiểm vải 25 máy chần 02 máy đánh suốt 04 Máy trộn, cấp xơ 03 máy cán, trải bông 05 máy thổi ruột chăn/gối 02 dây chuyền sản xuất đệm lò xo 01 dây chuyền sản xuất đệm bông ép
NHÀ MÁY ĐỒNG NAI	
Lô 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai Diện tích: 37,762m ² Nhà xưởng: 07 Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tằm, Chăn – ga - gối - đệm, các sản phẩm Khăn Công suất sản xuất: 10 triệu yard Bông tằm, 1 triệu sản phẩm Chăn – ga - gối - đệm & 15 triệu sản phẩm Khăn. Tel: (84-61) 8869 161 Fax: (84-61) 8869 151	150 máy may 05 máy vắt sổ 02 máy cắt 05 máy thêu 02 máy thổi ruột chăn/gối 01 máy kiểm vải 34 máy chần 15 máy đánh suốt 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo 01 dây chuyền sản xuất đệm bông ép 02 máy trộn, cấp xơ 02 máy cán, trải bông 02 dây chuyền sản xuất bông tằm 01 dây chuyền sản xuất bông hạt 01 dây chuyền sản xuất bông microfiber 02 máy dò kim loại Xưởng sản xuất khăn: 40 máy vắt sổ 30 máy may 07 máy dệt ngang 13 máy dệt tròn

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần
Tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Everpia là 41.979.773 cổ phần, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 39.547.973 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 2.431.800 cổ phiếu. Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (theo danh sách tại ngày 20/3/2018)
Công ty Cổ phần Everpia có hơn 1,700 nhà đầu tư bao gồm cả nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

(Tất cả những tính toán sau đây về tỷ lệ sở hữu đều đã loại trừ cổ phiếu quỹ)

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	6.706.800	17,0%	1	0	1
	- Trong nước	0	0,0%	0	0	0
	- Nước ngoài	6.706.800	17,0%	1	0	1
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	5.339.590	13,5%	2	2	0
	- Trong nước	0	0,0%	0	0	0
	- Nước ngoài	5.339.590	13,5%	2	2	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	3.290.881	8,4%	42	42	0
	- Trong nước	312.732	0,8%	29	29	0
	- Nước ngoài	2.978.149	7,6%	13	13	0
TỔNG CỘNG		15.337.271	38,9%	45	44	1



6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TIẾP THEO)

Loại hình sở hữu

ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CP HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG	SỐ LƯỢNG CP CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I. Cổ đông đặc biệt	0	7.833.060	7.833.060	19,8%
1. Hội đồng quản trị	0	7.173.830	7.173.830	18,1%
2. Ban Giám đốc	0	7.173.830	7.173.830	18,1%
3. Ban Kiểm soát	0	655.630	655.630	1,7%
4. Giám đốc Tài chính	0	2.000	2.000	0,01%
5. Kế toán trưởng	0	3.600	3.600	0,01%
6. Người được ủy quyền CBTT	0	372.000	372.000	0,1%
7. Chức danh cho HĐQT bổ nhiệm	0	93.030	93.030	0,2%
II. Cổ phiếu quỹ	0	2.431.800	2.431.800	0,0%
III. Công đoàn công ty	0	0	0	0,0%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0,0%
V. Cổ đông khác	0	0	0	0,0%
1. Trong nước	0	12.806.834	12.806.834	32,4%
1.1 Cá nhân	0	12.298.892	12.298.892	31,1%
1.2 Tổ chức	0	507.942	507.942	1,3%
Trong đó nhà nước:	0	0	0	0,0%
2. Nước ngoài	0	18.908.079	18.908.079	47,8%
2.1 Cá nhân	0	10.543.765	10.543.765	26,7%
2.2 Tổ chức	0	8.364.314	8.364.314	21,2%
TỔNG CỘNG	0	41.979.773	41.979.773	

Ghi chú: Toàn bộ Ban Giám đốc đều thuộc Hội đồng Quản trị

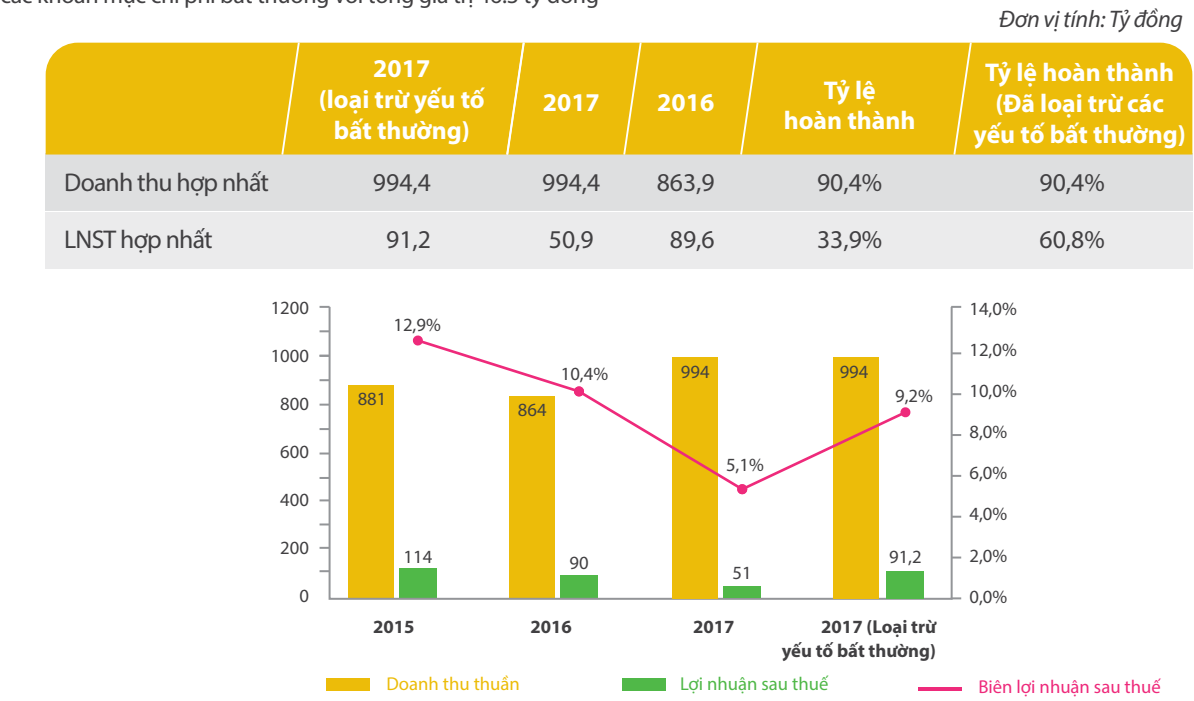


B - BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trải qua cuộc hành trình dài 25 năm hình thành và phát triển, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận đạt được, Everpia cũng dần bộc lộ một số điểm hạn chế nhất định trong cách thức kinh doanh và quản trị. Để có thể quay lại quỹ đạo phát triển, gây dựng những nền tảng vững chắc cho đà tăng trưởng dài hạn trong tương lai, Ban điều hành công ty quyết định biến năm 2017 là năm của những cải tổ và đổi mới.

Công cuộc cải tổ công ty được thực hiện qua các hoạt động chính: i) hoạt động kinh doanh: làm mới hình ảnh thương hiệu Chăn-ga-gối-đệm số 1 trên thị trường nội địa, mở rộng danh mục khách hàng cho ngành hàng Bông tằm; ii) nghiên cứu và phát triển sản phẩm: phát triển chất liệu vải mới dùng cho ngành hàng Chăn ga, cải tiến sản phẩm Bông để đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra hóa chất; iii) nâng cao năng lực quản trị: hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro cho mười quy trình vận hành chính của công ty, xây dựng kế hoạch quản trị chi phí đối với từng bộ phận kinh doanh, nâng cấp hệ thống phần mềm ERP.

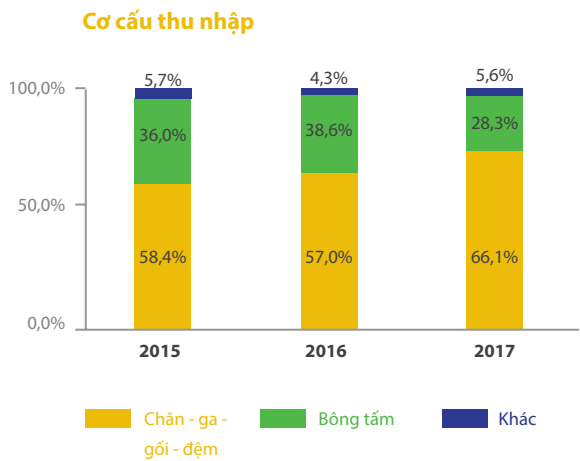
Sự cải tổ là cần thiết và cần thực hiện đồng bộ. Do đó, trong năm tài chính 2017, một khoản tiền lớn đã được Công ty đầu tư để thực hiện các hoạt động này. Điều này phần nào đã khiến lợi nhuận hoạt động toàn Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ 2016. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 đạt 994.4 tỷ đồng tăng 15.1% so với năm 2016, đạt 90.4% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế giảm sâu đạt 50.9 tỷ đồng, giảm 43.2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 33.9% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế giảm sâu là do ảnh hưởng của các khoản mục chi phí bất thường với tổng giá trị 46.3 tỷ đồng



Doanh thu năm 2017 tăng 15,1% so với cùng kỳ nhờ vào sự tăng trưởng đáng kể của ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm, tăng 32,6%. Trong đó hai mảng hoạt động: kinh doanh các đơn hàng doanh nghiệp và Xuất khẩu tăng trưởng lần lượt là 55,0% và 149,8%.

Ngành hàng Bông tằm chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt tại cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Tại thị trường nội địa, rất nhiều doanh nghiệp dệt may đã lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất các loại bông thông dụng để tự cung ứng bông cho sản xuất, thậm chí còn cung cấp phần bán thành phẩm dư thừa ra ngoài thị trường.

Bên cạnh đó, để đón đầu CPTPP, nhiều đơn vị cung ứng nhỏ lẻ đã được thành lập, họ sẵn sàng hạ giá bán sản phẩm để tìm kiếm khách hàng. Dưới áp lực cạnh tranh gay gắt, mặc dù đã nỗ lực cải tiến sản phẩm thông qua việc cho ra mắt các dòng sản phẩm mới, đẩy mạnh các hoạt động marketing nhằm tìm kiếm các khách hàng mới, doanh thu Bông tằm của Công ty đã giảm 16,2% so với năm trước.



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Ngành hàng Chăn - ga - gối - đệm

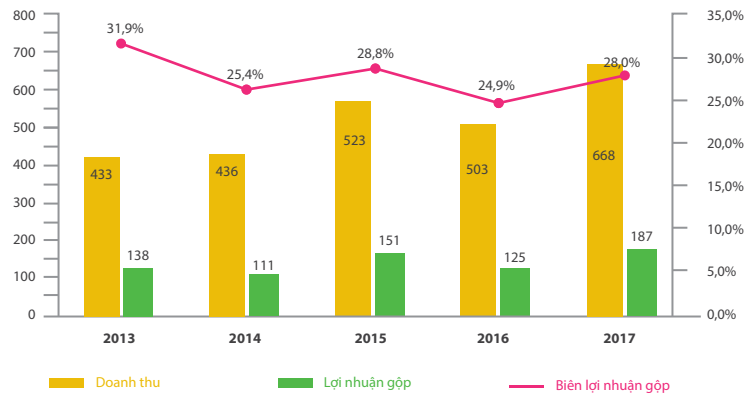
Chăn - ga - gối - đệm là hoạt động kinh doanh cốt lõi chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh của công ty với doanh thu đạt 667,7 tỷ đồng tương đương với 66,1% trên tổng thu nhập của công ty năm 2017. Trong đó doanh thu đến từ mảng bán lẻ (B2C) đạt 415,3 tỷ VNĐ, doanh thu mảng khách hàng doanh nghiệp (B2B) là 123,7 tỷ đồng, doanh thu mảng online đạt 19,8 tỷ đồng và doanh thu mảng xuất khẩu đạt 108,9 tỷ đồng, chiếm lần lượt là 62,2%, 18,5%, 3% và 16,3% trong cơ cấu doanh thu chăn ga.

Đối với mảng B2C, năm 2017 là năm để Công ty củng cố lại vị thế thương hiệu như một phần trong chiến lược để giành lại và gia tăng thị phần trong giai đoạn 2018 – 2022. Trong kỳ, công ty đã thực hiện bán giảm giá các mẫu thiết kế lâu năm nhằm giảm tối đa lượng hàng tồn kho lâu ngày, xóa bỏ nhãn hàng Edelin, đẩy mạnh phát triển nhãn hàng Everon Lite – sản phẩm tập trung vào giới trẻ. Ghi nhận kết quả từ việc củng cố thương hiệu, các chương trình giảm giá và sự phát triển của nhãn hàng Everon Lite; doanh thu B2C đã tăng trưởng đáng kể từ mức 371,3 tỷ đồng lên mức 415,3 tỷ đồng với mức tăng trưởng đạt 11.8% so với năm 2016.

Bắt đầu từ năm 2013, ngành hàng B2B được tách ra thành một bộ phận kinh doanh chuyên biệt. Sau gần 5 năm phát triển, bộ phận B2B đã xây dựng được ngày càng nhiều mối quan hệ với khách hàng và không ngừng tăng trưởng về doanh thu và thị phần. Sự tiến bộ của bộ phận B2B về cả kĩ năng, mạng lưới khách hàng và chất lượng sản phẩm cung cấp được thể hiện rõ nét qua kết quả kinh doanh trong kỳ, doanh thu ghi nhận sự bùng nổ khi tăng trưởng từ mức 79,8 tỷ đồng năm trước lên mức 123,7 tỷ đồng năm 2017.



Để khai thác tiềm năng của hoạt động Xuất khẩu chăn ga, năm 2014, Công ty đã thành lập một phòng ban chuyên biệt để phát triển ngành hàng này. Từ ngày thành lập tới nay, phòng Xuất khẩu chăn ga đã không ngừng trau dồi và phát triển kĩ năng, tìm kiếm và kiến tạo thêm ngày càng nhiều mối quan hệ với các bạn hàng quốc tế và tư vấn điều chỉnh, góp ý để hoàn thiện thiết kế và chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Ghi nhận những nỗ lực phát triển trong một thời gian dài, năm 2017, doanh thu xuất khẩu chăn ga thực sự bùng nổ với mức tăng trưởng doanh thu lên tới 149,8% so với cùng kì. Trong đó, Công ty ghi nhận mức tăng trước vượt bậc về giá bán bình quân và tăng nhẹ về sản lượng tiêu thụ



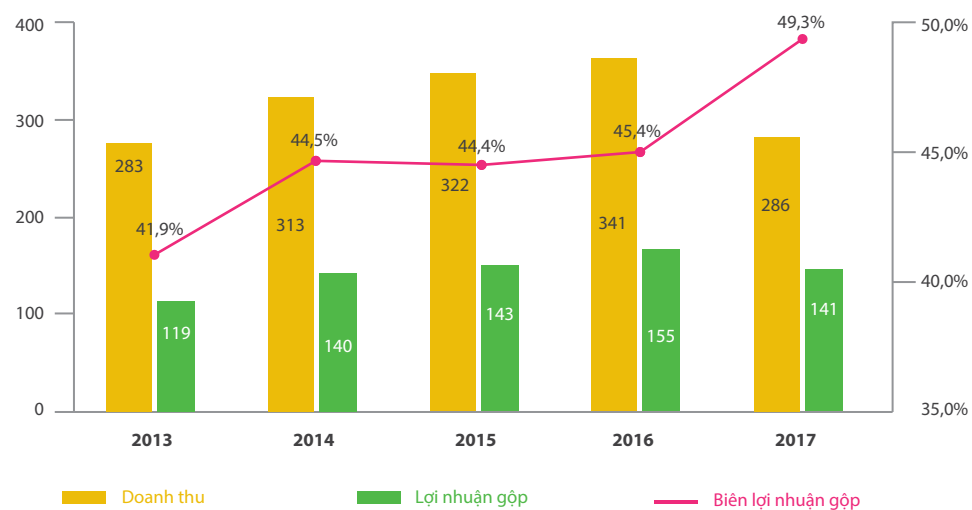
Hiệu quả sản xuất kinh doanh ngành Chăn – ga – gối – đệm

Hoạt động bán hàng Online hiện nay vẫn chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong năm 2017, doanh thu từ bán hàng online tăng trưởng 127,8% từ mức 8,7 tỷ đồng năm 2016 lên mức 19,8 tỷ đồng năm 2017.

1.2. Ngành hàng Bông tằm

Doanh thu từ bông tằm và chăn bông chiếm tổng cộng 28,3% trong tổng các nguồn thu nhập của Everpia và được dự đoán sẽ hồi phục trong tương lai gần. Đây là ngành hàng đem lại lợi nhuận lớn cho công ty với biên lợi nhuận gộp năm 2017 lên tới 49,3% và luôn duy trì ở mức hơn 45% trong năm năm trở lại đây. Tuy nhiên, đi cùng với sự hấp dẫn của ngành hàng này, ngày càng nhiều công ty mới đã tham gia thị trường với mức chào giá khá thấp. Do đó, trong năm 2017, Công ty đã phải hạ giá bán sản phẩm để cạnh tranh với đối thủ. Cụ thể: giá bán bình quân các sản phẩm bông tằm và chăn bông lần lượt giảm 6,5% và 5,9% so với cùng kì.

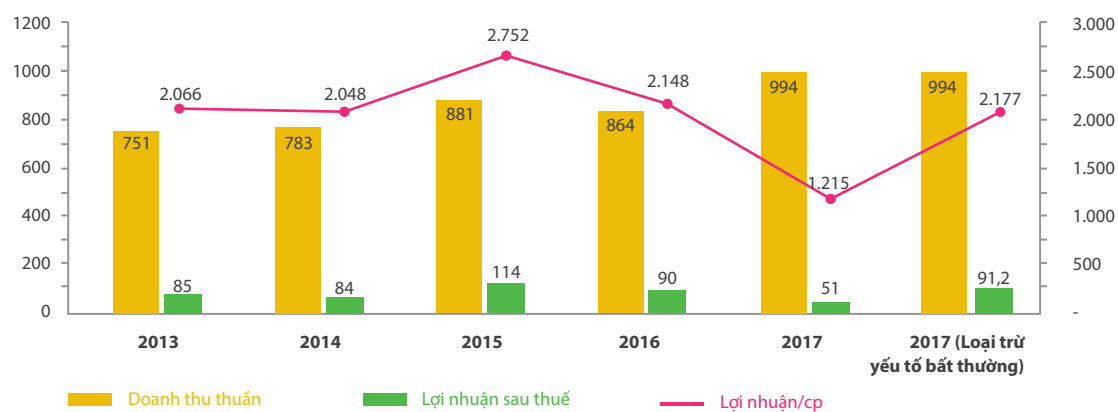
Hơn nữa, một số khách hàng của chúng ta đã xây dựng nhà máy để tự sản xuất nguyên liệu và cung ứng sản phẩm ra thị trường. Dưới áp lực của sự cạnh tranh khốc liệt, năm nay doanh thu ngành hàng Bông tằm đã sụt giảm 16,2% so với cùng kì từ mức 340,9 tỷ đồng năm 2016 xuống mức 285,6 tỷ đồng năm 2017. Trong đó, doanh thu chăn bông giảm 30,4% và bông tằm giảm 12,0%.



Hiệu quả sản xuất kinh doanh ngành Bông tằm

1.3. Các sản phẩm khác

Bên cạnh các ngành hàng chính, Công ty còn kinh doanh các mặt hàng, dịch vụ bổ trợ như đồ nội thất, trang trí, đồ nhà bếp và tư vấn thiết kế để gia tăng sự hài lòng của khách hàng và hỗ trợ cho ngành hàng chính của công ty. Năm 2017, doanh thu từ các sản phẩm khác đạt 41,2 tỷ đồng và chiếm 4.1% trong tổng thu nhập của EVE.

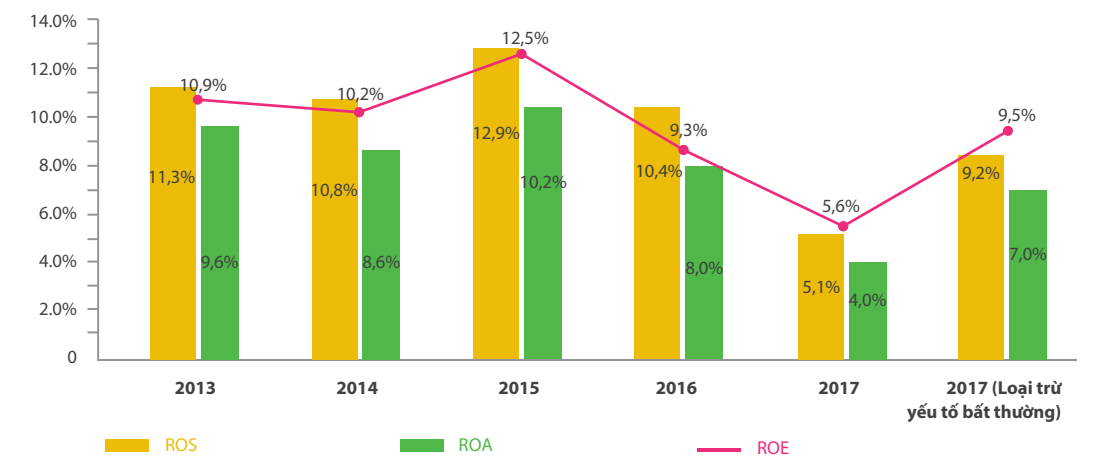


Lãi Lỗ

1.4. Hiệu quả kinh doanh

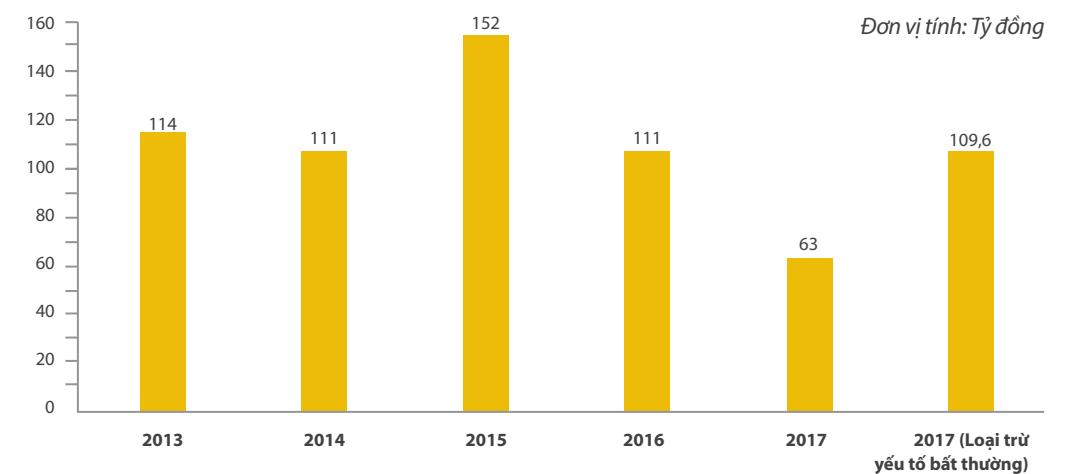
Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2017 (Loại trừ yếu tố bất thường)
Biên lợi nhuận gộp	36,0%	33,7%	33,2%	33,6%
Biên lợi nhuận trước thuế	16,8%	13,1%	6,4%	11,0%
LNST/doanh thu thuần (ROS)	12,9%	10,4%	5,1%	9,2%
LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	12,5%	9,3%	5,6%	9,5%
LNST/Tổng tài sản (ROA)	10,2%	8,0%	4,0%	7,0%

Năm 2017, lợi nhuận gộp tăng trưởng khá nhanh với tốc độ 13,3% so với 2016, trong đó biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ từ mức 33,7% năm 2016 xuống 33,2% năm 2017.



Hiệu quả kinh doanh

Sự tăng trưởng của lợi nhuận gộp chủ yếu đến từ sự tăng trưởng doanh thu thuần (doanh thu thuần tăng 15,1%) và kết quả của các biện pháp cải tổ nhà máy. Trong đó, lợi nhuận gộp của mảng Bông tằm đạt 49%. Lợi nhuận gộp từ ngành Chăn - ga - gối - đệm đạt mức 28.0%.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, lợi nhuận trước thuế giảm xuống mức 63,3 tỷ đồng (giảm 44,3% so với năm 2016). Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm lợi nhuận đến từ các yếu tố bất thường ở khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2017 và một phần nhỏ chi phí bất thường trong giá vốn hàng bán.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

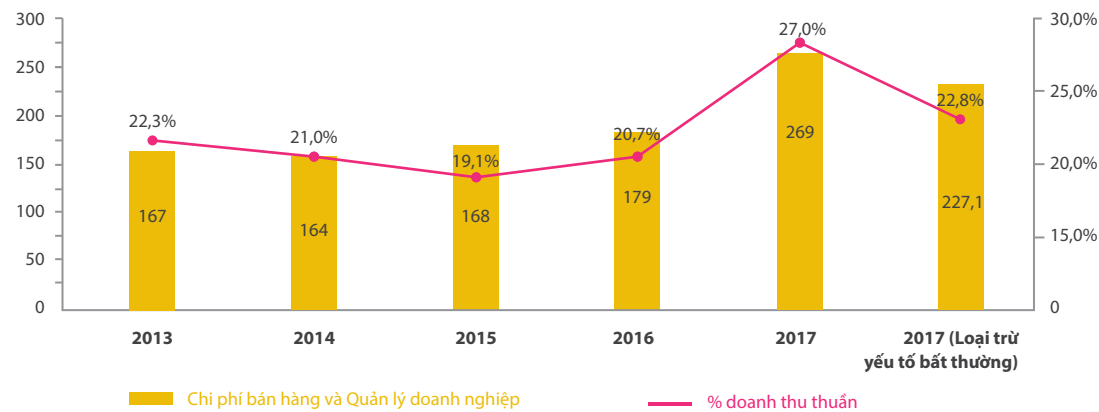
KHOẢN MỤC	TRỊ GIÁ
Lợi nhuận sau thuế	50,9
Chi phí bất thường	40,3
- Chi phí quảng cáo	9,2
- Trợ cấp cho người Hàn Quốc trước ngày 1/1/2017	6,5
- Dự phòng phải thu của Texpia	25,4
- Chi phí hoàn nguyên tại Đồng Nai	0,6
- Rút ngắn thời gian khấu hao	4,7
Thuế tương ứng của các khoản chi phí bất thường	-6,0
Lợi nhuận sau thuế (đã loại trừ chi phí bất thường)	91,2

Đối với chi phí bán hàng, nhằm củng cố thương hiệu, trong kỳ Công ty đã ký hợp đồng đại diện thương hiệu với nữ diễn viên số 1 Hàn Quốc Kim Tae Hee. Cùng với đại diện thương hiệu mới, các hoạt động quảng cáo được đẩy mạnh trên các phương diện: quảng cáo truyền hình, hệ thống biển bảng, báo chí. Tổng chi phí quảng cáo năm 2017 tăng so với thông lệ hàng năm 9,2 tỷ đồng.

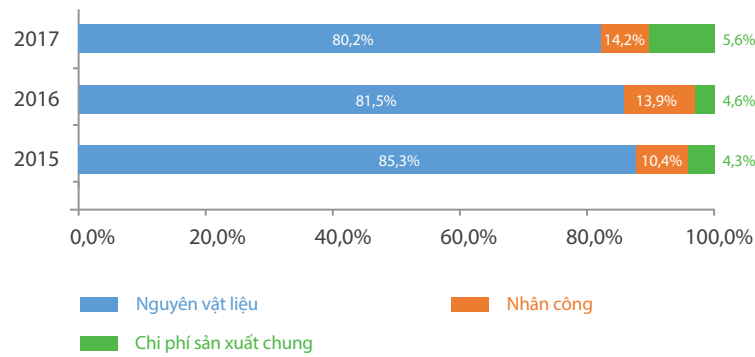
Đối với chi phí quản lý, trong 2017 Công ty đã ghi nhận 6,5 tỷ đồng chi phí trợ cấp thất nghiệp cho người Hàn Quốc từ lúc họ bắt đầu làm đến hết ngày 31/12/2016; 25,4 tỷ đồng dự phòng cho khoản cho vay và lãi vay tương ứng với Texpia và cuối cùng là 0,6 tỷ đồng chi phí hoàn nguyên tại nhà máy Đồng Nai.

Đối với chi phí giá vốn hàng bán, do nhà máy Đồng Nai có thể phải di dời khỏi khu đất hiện tại vào năm 2022 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai có kế hoạch chuyển đổi công năng toàn bộ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại – dịch vụ nên trong năm 2017, Công ty đã phải rút ngắn thời gian khấu hao còn lại của nhà máy. Đi liền với thời gian khấu hao giảm là chi phí khấu hao trong năm tăng lên. Trong năm 2017, tổng chi phí khấu hao tăng thêm trị giá 4,7 tỷ đồng

Với các khoản chi phí bất thường như trên, tổng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp năm 2017 đã tăng tới 50,5% từ mức 178,6 tỷ đồng năm 2016 lên mức 268,7 tỷ đồng năm 2017 và chiếm 27% doanh thu thuần. Đây là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế suy giảm.



Chi phí bán hàng và Quản lý doanh nghiệp



Chi phí sản xuất theo yếu tố

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY CON TẠI NƯỚC NGOÀI

Sau khi đánh giá lại các hoạt động đầu tư của công ty, Hội đồng Quản trị công ty đã quyết định thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty con tại Campuchia (Công ty cổ phần Everpia Cambodia) và hủy kế hoạch đầu tư tại Đức (Công ty TNHH Everpia Intermaru) theo tinh thần Nghị quyết số 002/2017/HĐQT/NQ ngày 16/03/2017.

Kết thúc năm 2017, công ty có một công ty liên kết - Công ty cổ phần Texpia và một công ty con tại Hàn Quốc – Công ty cổ phần Everpia Korea.

2.1. Công ty cổ phần Texpia

Everpia đầu tư vào Công ty cổ phần Texpia từ thời điểm 31/08/2015 với số lượng cổ phần sở hữu tương đương 44% vốn điều lệ. Texpia là công ty chuyên sản xuất các loại khăn sử dụng Microfiber đây là sản phẩm mới đối với thị trường Việt Nam nhưng là sản phẩm thông dụng được ưa chuộng tại các nước Châu Âu và Châu Mỹ. Doanh thu của Texpia 100% đến từ các hoạt động xuất khẩu trong đó có nhiều khách hàng lớn có tên tuổi tại các thị trường Mỹ, Đức, Úc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Việc đầu tư vào Texpia cho phép các sản phẩm của Everpia sẽ có cơ hội xuất khẩu vào thị trường châu Âu thông qua mạng lưới khách hàng hiện có của Texpia và Everpia cũng sẽ phục vụ khách hàng tốt hơn thông qua việc phân phối các sản phẩm của Texpia tại thị trường Việt Nam.

Do chỉ mới đi vào hoạt động nên Texpia hiện gặp nhiều khó khăn về vốn hoạt động và kinh nghiệm quản lý đặc biệt quản lý công nợ và hàng tồn kho. Năm 2017, Công ty đã tiến hành can thiệp sâu hơn vào hoạt động của Texpia để xử lý các vấn đề quan trọng của công ty. Dưới sự hỗ trợ của Everpia, Texpia đã dần dần giảm chi phí hoạt động, giảm lỗ và bắt đầu có lợi nhuận trong từ tháng 9/2017 đến nay. Tuy nhiên, nhận định rằng tiến độ cải cách ở Texpia chưa nhanh và nếu tiếp nhận dây chuyền sản xuất và toàn bộ quyền kinh doanh của Texpia sẽ là cơ hội lớn cho Everpia trong việc mở rộng ngành nghề, mở rộng kênh phân phối từ đó ghi nhận sự tăng trưởng về doanh thu. Đầu năm 2018, công ty đã ký kết hợp đồng tiếp nhận toàn bộ dự án công ty cổ phần Texpia.

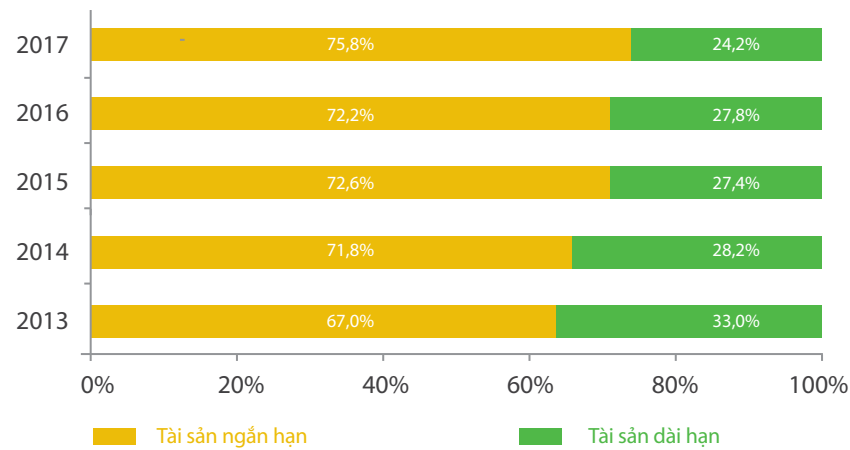


2.2. Công ty cổ phần Everpia Korea

Trong những năm gần đây, hoạt động xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc luôn chiếm hơn 1/2 tổng doanh thu xuất khẩu của công ty. Trong năm 2017, có 62,3% nguyên vật liệu chính được nhập từ phía Hàn Quốc. Để hỗ trợ công ty chủ động, chuyên nghiệp và hiệu quả trong việc tiếp cận khách hàng Hàn Quốc cũng như để thu hút vốn đầu tư trong tương lai, Công ty con tại Hàn Quốc được thành lập vào năm 2016 và chính thức đi vào hoạt động từ giữa năm 2017.

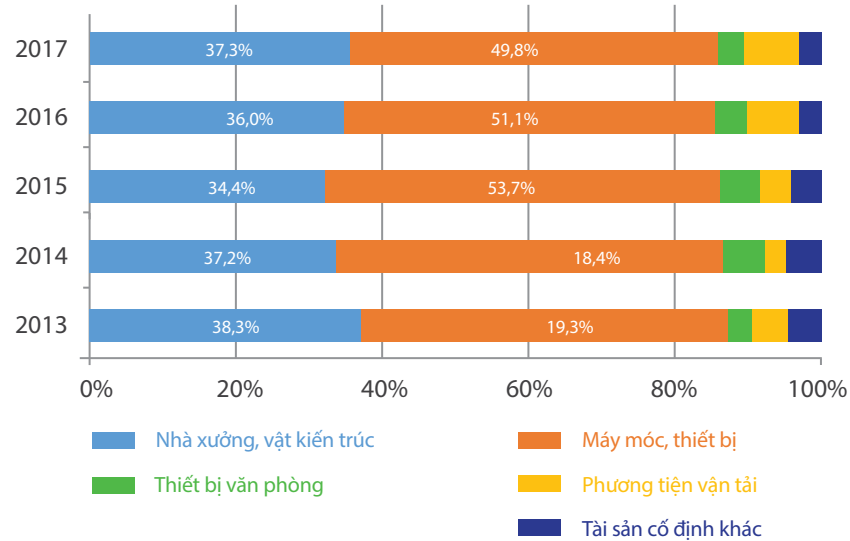
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản



Trong năm 2017, tài sản ngắn hạn tăng trưởng 20,2% trong khi tài sản dài hạn hầu như không đổi. Do đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn đã tăng trưởng 3,6% và tỷ trọng tài sản dài hạn giảm tương ứng so với năm 2016

Cơ cấu nguyên giá tài sản cố định hữu hình

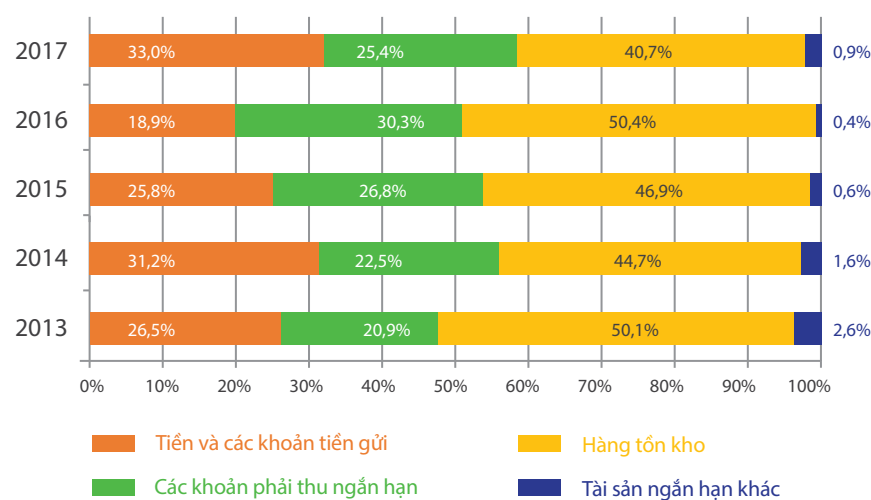


Cơ cấu tài sản cố định giữ ổn định so với năm trước. Năm 2017, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tiếp tục chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu tài sản. Điều này cho thấy hiệu suất sử dụng mặt bằng của công ty ổn định, tình hình trang bị máy móc, thiết bị đồng bộ.

Tổng tài sản đến 31/12/2017 đạt 1.276,4 tỷ đồng, tăng trưởng 14,5% so với cuối năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 75,8%, tăng trưởng 3,6% về mặt tỷ trọng và 20,2% về giá trị

Tài sản ngắn hạn gồm có tỷ trọng hàng tồn kho (nguyên vật liệu và thành phẩm) chiếm 40,7% (giảm 9,7% so với năm trước), các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 25,4% (giảm 4,9% so với năm trước) và phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác.

Sự tăng trưởng của tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ sự tăng trưởng của tiền và các khoản tiền gửi với tốc độ tăng trưởng đạt 109,8%.



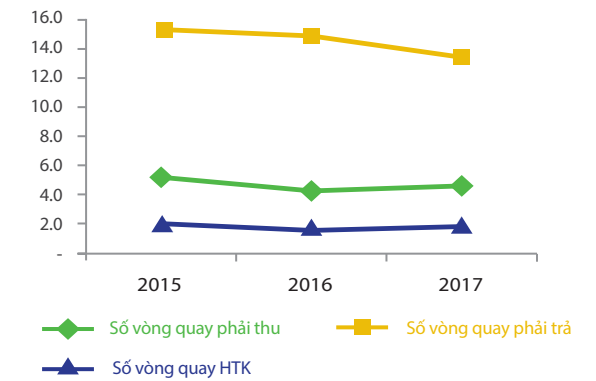
Hiệu suất sử dụng tài sản

Chỉ tiêu	2015	2016	2017
Số ngày tồn kho	225	249	220
Số ngày phải thu thương mại	78	97	90
Số ngày phải trả thương mại	24	25	28
Thời gian chu chuyển vốn lưu động	278	322	282

Trong năm 2017, Công ty đã cố gắng giảm giá trị hàng tồn kho thông qua các chương trình giảm giá, sản xuất bộ sưu tập mới trong sự kết hợp với mẫu vải từ các năm trước. Ghi nhận kết quả từ các nỗ lực đó, số ngày tồn kho trong năm đã giảm 29 ngày từ mức 249 ngày xuống 220 ngày năm 2017. Điều này đã giúp công ty tiết kiệm được 108,1 tỷ đồng giá trị hàng lưu kho và 5,8 tỷ đồng chi phí lãi vay cơ hội (áp dụng mức lãi vay bình quân: 5,4%)

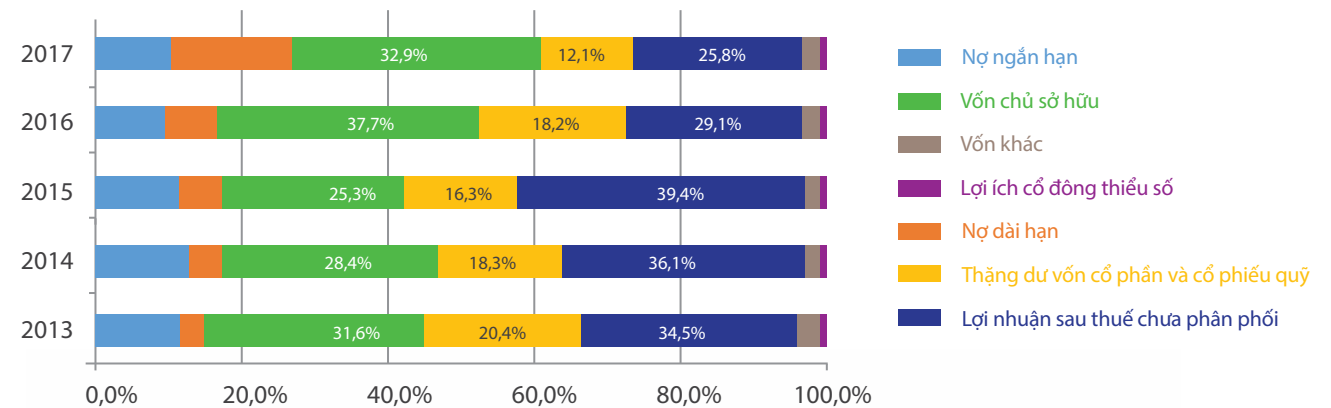
Trong năm 2017, bằng những nỗ lực trong việc kiểm soát công nợ. Công ty đã giảm được 7 ngày các khoản phải thu tương ứng tiết giảm được 39,8 tỷ đồng phải thu và 2,1 tỷ đồng chi phí lãi vay cơ hội (áp dụng mức lãi vay bình quân: 5,4%)

Số ngày các khoản phải trả cũng tăng nhẹ thêm 3 ngày lên mức 28 ngày trong năm góp phần rút ngắn thời gian chu chuyển vốn lưu động của công ty.



Nguồn vốn

Tại ngày 31/12/2017 vốn chủ sở hữu tăng 4,5% so với cùng kỳ năm ngoái chiếm 71,8% nguồn vốn hoạt động toàn công ty. Vốn chủ giảm chủ yếu do việc mua cổ phiếu quỹ trong năm 2017 với tổng giá trị mua đạt 49 tỷ đồng. Tổng nợ phải trả tăng 131,9% do trong năm đã phát hành 150 tỷ đồng trái phiếu để phục vụ cho nhu cầu mở rộng kênh phân phối, triển khai các hoạt động marketing và đầu tư nhà xưởng, máy móc trong các năm tiếp theo.



Hệ số thanh toán

Chỉ tiêu	2015	2016	2017
Hệ số thanh toán hiện hành	5,0	7,4	5,9
Hệ số thanh toán nhanh	2,7	3,7	3,4
Hệ số đảm bảo lãi vay	53,4	27,2	9,0

Tồn kho trong kì tăng trưởng nhẹ với tốc độ tăng trưởng 2,8% nhưng hiện vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (40,7%) đã hỗ trợ cho tỷ suất thanh toán nhanh khi tổng tài sản ngắn hạn trừ đi hàng tồn kho đạt 573,4 tỷ đồng (tương đương gấp 3,4 lần nợ ngắn hạn) thể hiện khả năng thanh toán tốt của công ty. Trong kì, nợ ngắn hạn tăng trưởng 52% trong khi tổng tài sản ngắn hạn tăng 20,2% và tài sản ngắn hạn trừ đi hàng tồn kho tăng 43,6% đã làm cả chỉ số thanh toán nhanh và chỉ số khả năng thanh toán tổng quát đều suy giảm. Tính đến thời điểm cuối năm, chỉ số thanh toán nhanh và khả năng thanh toán tổng quát lần lượt đạt 5,9 và 3,4 lần.

Hệ số đảm bảo lãi vay trong kì giảm mạnh từ mức 27,2 năm 2016 xuống mức 9,0 năm 2017 do các khoản chi phí bất thường làm lợi nhuận trước thuế sụt giảm và lãi vay từ trái phiếu trong năm.

Tình hình dòng tiền

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	71	65	106
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-74	40	-143
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	15	-72	88
Tiền và tương đương tiền cuối năm	47	79	132

Tính đến cuối năm 2017, tiền và tương đương tiền của công ty đang duy trì ở mức 132 tỷ VNĐ. Nhờ chính sách bán hàng linh động và việc quản lý công nợ hiệu quả mà dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty luôn dương, trong năm 2017, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đạt 106 tỷ đồng. Năm 2017, dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư đạt -143 tỷ và hoạt động tài chính đạt 88 tỷ đồng. Việc duy trì dòng tiền dương cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty vẫn hoạt động hiệu quả và có khả năng tạo ra tiền lớn cho việc vận hành của công ty.

Đòn bẩy tài chính

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,20	0,22	0,16	0,39
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,12	0,16	0,18	0,14	0,28

Năm 2017, hệ số nợ tăng trưởng nhanh đáng kể do công ty phát hành trái phiếu 150 tỷ đồng. Hiện tại, tỷ số nợ/vốn đạt 0,39 lần, năm 2016 là 0,16 lần



4. HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Phần lớn nguyên vật liệu của công ty là xơ và vải. Nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lần lượt 81,5% và 80,2% trong cơ cấu đầu giá vốn sản phẩm chi phí sản xuất năm 2016 và 2017. Các loại nguyên vật liệu chính này chủ yếu được nhập từ các nhà cung cấp có uy tín tại Hàn Quốc, Malaysia, Pakistan.... Để hỗ trợ công ty phát triển ngành hàng xuất khẩu và B2B cũng như triển khai các sản phẩm mới như Everon Lite, Công ty đã mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu bằng cách tìm kiếm các nhà cung cấp mới bao gồm cả các nhà cung cấp trong nước.

Trong kì, việc cung ứng nguyên vật liệu kịp thời với chất lượng và giá cả hợp lý đã giúp công ty ổn định chất lượng sản phẩm và tốc độ sản xuất. Cùng với đó công ty cũng thực hiện các hoạt động lưu trữ và bảo quản thích hợp để tránh sản phẩm không bị hỏng hóc, suy giảm chất lượng trong quá trình bảo quản.



5. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Trong năm 2017, dưới sự chỉ đạo của ban điều hành, phòng kế toán đã phối hợp cùng các phòng ban liên quan xây dựng các báo cáo quản trị để hỗ trợ ban điều hành trong việc kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh. Đây là một bước tiến lớn trong việc cung cấp dữ liệu tài chính cho mục đích quản trị nội bộ của Công ty. Chi tiết như sau:

- Thiết lập và giám sát, kiểm soát, hoàn thiện báo cáo về việc thực hiện kế hoạch ngân quỹ hàng tháng, quý, năm để tăng cường hiệu suất vận hành.
- Cải tiến hệ thống ERP, thiết lập các mã bộ phận kinh doanh, mã tài khoản kế toán quản trị và lập báo cáo phân tích chi phí theo các loại chi phí cùng báo cáo lãi lỗ của các bộ phận kinh doanh (B2B, B2C, Xuất khẩu chăn ga, Online, Bông tằm)

Bên cạnh sự cải tiến về mặt kế toán quản trị, trong năm 2017, bộ phận kế toán còn hoàn thành các công việc sau:

- Hoàn thành báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS cho năm tài chính 2015 và 2016
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng góp phần tạo sự chủ động và linh hoạt về ngân sách hoạt động cho công ty.
- Phối hợp với kiểm toán độc lập để lập báo cáo tài chính đúng hạn và công bố lên thị trường chứng khoán theo quy định
- Thực hiện công tác quyết toán thuế theo đúng quy định của nhà nước. Kiểm tra, kiểm soát chứng từ hóa đơn hợp lý, hợp lệ, đúng quy định. Phát hiện và điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý góp phần hoàn thiện sổ sách chứng từ kế toán

6. HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ

Tổng số nhân sự tính đến 31/12/2017 là 1.303 người. Trong đó, đại học và trên đại học là 194 lao động, cao đẳng và trung cấp là 82 người, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông là 1.027 người.

Trong năm 2017, công ty đã tuyển dụng 186 lao động. Tuy nhiên, Công ty Everpia đã ban hành 224 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, do công ty chủ động chấm dứt hợp đồng hoặc do cá nhân người lao động. Tỷ lệ thôi việc năm 2017 là 17,2% (trong tổng số 1.303 lao động).

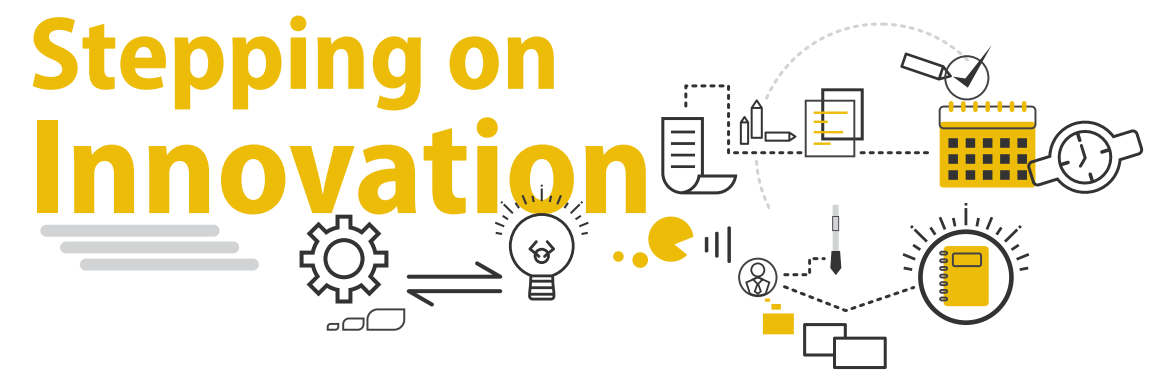
Năm 2017, công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBNV. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CBNV.

Nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của CBNV, công ty đã hỗ trợ 100% chi phí cho CBNV ở một số bộ phận có thành tích xuất sắc đi tham quan du lịch trong và ngoài nước.

Ngoài ra, công ty cũng đã có hỗ trợ chi phí đào tạo, tham quan công tác để CBNV có thể nâng cao kỹ năng nghiệp vụ phục vụ cho công việc.



Stepping on Innovation



7. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ

7.1. Hệ thống phân phối

Theo thống kê của công ty, tính đến thời điểm cuối năm 2017, công ty hiện có 375 đại lý hoạt động hiệu quả (không bao gồm các đại lý cấp 1 thuộc sự quản lý của Tổng đại lý tại các tỉnh). Trong năm, công ty tiếp tục triển khai chiến dịch cơ cấu lại hệ thống đại lý, đảm bảo các yêu cầu về trưng bày và giới thiệu sản phẩm, theo đó, công ty đã đóng cửa 39 đại lý có diện tích dưới 50m² và mở cửa thêm 18 đại lý có diện tích từ 80m² trở lên.

7.2. Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế

Để chuẩn bị cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán Hàn Quốc, Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế cho năm tài chính 2015 và 2016. Báo cáo năm 2017 theo chuẩn mực quốc tế hiện đang được gấp rút hoàn thành. Bên cạnh mục tiêu tiếp cận thị trường vốn quốc tế, việc áp dụng IFRS giúp tăng cường khả năng so sánh và tính minh bạch của hoạt động báo cáo tài chính. Theo đó, các nhà đầu tư có thể so sánh các chỉ tiêu hoạt động của EVE với các chứng khoán niêm yết khác trên các thị trường khu vực và quốc tế từ đó đưa ra những nhận định chính xác và có một bức tranh toàn diện hơn về hoạt động của Công ty.

7.3. Kế toán quản trị

Năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc thiết lập quy tắc và mã hóa các tài khoản kế toán quản trị, phát triển hệ thống ERP và chứng từ đi kèm để phân tách, tính toán chi phí của các bộ phận, lên kế hoạch ngân sách một cách chính xác. Các báo cáo này đã hỗ trợ ban giám đốc rất nhiều trong việc kiểm soát ngân sách của các bộ phận, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, nâng cao nhận thức của tất cả các bộ phận, phòng ban về việc sử dụng chi phí một cách hiệu quả.



7.4. Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai SoX để kiểm soát rủi ro, phát triển quy trình kiểm soát nội bộ. Dựa trên kết quả kiểm tra SoX, ban điều hành và các bộ phận liên quan đã tiến hành thảo luận nhiều lần để tìm ra các rủi ro hiện hữu. Từ đó, chúng tôi thay đổi quy trình nội bộ để tiết kiệm thời gian và gia tăng hiệu quả làm việc của các phòng.

7.5. Cải tổ nhà máy

Năm 2017, Công ty đã thiết lập một nhóm chuyên cải tổ nhà máy và để thúc đẩy tiến trình cải tổ diễn ra nhanh hơn và hiệu quả hơn; đầu năm 2018, Công ty đã thuê một nhóm chuyên gia Hàn Quốc nhiều kinh nghiệm để tư vấn các hoạt động cải tổ. Nhóm cải tổ đã thực hiện phân tích cách bố trí máy móc, sắp xếp nhân công, phân tích thao tác lao động và sắp xếp lại hệ thống kho bãi để tăng tính thuận tiện trong hoạt động nhập, xuất hàng và dễ dàng xử lý hàng tồn kho lâu ngày. Tiến trình cải tổ nhà máy sẽ giúp Công ty ngày càng tối ưu hóa được việc sử dụng nguyên vật liệu, tận dụng nguyên liệu tồn kho, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng năng suất lao động. Ghi nhận kết quả, sự nỗ lực của tiến trình cải tổ trong năm 2017, biên lợi nhuận gộp của cả 2 ngành hàng Chăn - ga - gối - đệm và Bông tắm đều ghi nhận sự tăng trưởng tốt trước điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường. Xa hơn nữa, bằng việc tiết giảm chi phí sản xuất, gia tăng năng suất lao động; lợi thế cạnh tranh của Công ty sẽ gia tăng đáng kể trong thời gian tới. Đặc biệt là khi lợi thế đó được cộng hưởng từ thương hiệu mạnh hơn do chiến dịch củng cố lại vị thế thương hiệu đã nêu ở trên.

8. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHO NĂM 2018

Trước tình hình cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ cả trong và ngoài nước đối với cả hai ngành hàng trọng yếu của Công ty, ngay từ ngày đầu tiên của năm 2018, Ban Giám đốc công ty cùng các trưởng bộ phận đã họp bàn xây dựng kế hoạch kinh doanh nội bộ cho năm 2018. Kế hoạch kinh doanh nội bộ sẽ là cơ sở để Hội đồng quản trị lập kế hoạch kinh doanh chung trình Đại hội cổ đông thường niên. Theo đó, kế hoạch được đề xuất sẽ là:

Để hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận cho năm tài chính 2018, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch hành động chi tiết cho toàn Công ty như sau:

8.1. Ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm

a. Hoạt động bán lẻ trong nước:



Đa dạng hóa danh mục sản phẩm: Năm 2018, Công ty sẽ phát triển thêm một số dòng sản phẩm mới nhằm tăng tính linh hoạt trong việc cung ứng sản phẩm ra thị trường, bao gồm:

- Đệm: Bổ sung sản phẩm đệm cao su latex và một số dòng đệm lò xo mới vào danh mục. Được nhập khẩu từ Bỉ, đệm cao su latex có khả năng đàn hồi tốt, độ bền cao, nâng đỡ tốt cho cột sống. Sản phẩm được thiết kế đẹp mắt với giá thành hợp lý có thể thỏa mãn yêu cầu của phần lớn đối tượng khách hàng.
- Ruột gối: đa dạng hóa chất liệu từ xốp, latex, hạt hoa oải hương với thiết kế chuyên dụng nhằm bảo vệ sức khỏe tốt hơn cho người sử dụng như: bảo vệ cổ, chống ngáy,....

Mở rộng thị trường: Trong chiến lược 5 năm 2018-2022, Công ty sẽ chú trọng đẩy mạnh chiếm lĩnh thị trường phía Nam và mở rộng thêm những kênh bán hàng mới hiện đại bên cạnh việc duy trì các kênh bán hàng truyền thống.

- Tại thị trường miền nam: Công ty dự kiến sẽ tăng cường mở mới 30 đại lý quy mô lớn, 5 showroom công ty, hoặc nâng cấp các đại lý đủ tiêu chuẩn lên thành showroom để chuẩn hóa hình ảnh thương hiệu. Đồng thời, ngay trong năm 2018, Công ty sẽ thành lập riêng một Viện thiết kế cho thị trường phía Nam để nghiên cứu thị trường với những đặc trưng về khí hậu, thị hiếu tại đây, nhằm đưa ra những sản phẩm riêng biệt phù hợp nhất với người tiêu dùng miền Nam. Thời gian cho ra mắt các bộ sưu tập cũng sẽ theo đặc thù vùng miền riêng, không phụ thuộc vào miền Bắc.
- Phát triển hệ thống showroom: Công ty dự kiến phát triển hệ thống showroom như một kiểu mẫu cho các đại lý. Bên cạnh việc trưng bày và kinh doanh các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm, showroom sẽ nơi Công ty giới thiệu các sản phẩm mới, thăm dò và khảo sát trực tiếp thị hiếu khách hàng. Theo kế hoạch, các sản phẩm khăn, rèm cuốn, đệm lò xo mang thương hiệu hàng đầu thế giới sẽ được trưng bày và bán tại showroom từ cuối quý 2 năm 2018.

Hệ thống đại lý: Tiếp nối chiến dịch chuyển hướng phát triển đại lý tập trung vào chất lượng. Số lượng đại lý trong các năm tới dự kiến sẽ giảm khoảng một nửa, trong khi quy mô trung bình trên một đơn vị sẽ tăng gấp bốn lần. Các đại lý sẽ được hỗ trợ đầy đủ về mặt quảng bá, nhận diện thương hiệu, bao gồm quảng cáo trên các kênh địa phương, bảng quảng cáo và nội thất... Đối lại, các đại lý phải đạt được các mức doanh thu cam kết cao hơn với Công ty.

b. Hoạt động kinh doanh các đơn hàng doanh nghiệp (B2B):



Hiện tại, doanh số bán hàng của B2B khá khiêm tốn so với phân khúc thị trường cho các khách hàng doanh nghiệp và khách sạn, phân khúc này được đánh giá là rất có tiềm năng và Công ty định hướng B2B sẽ là mảng kinh doanh đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu Chăn ga trong thời gian tới với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 30%.

Khách hàng là các khách sạn, khu nghỉ dưỡng: để đáp ứng đa dạng nhu cầu của các khách sạn thuộc các phân khúc khác nhau, Công ty sẽ thay đổi và mở rộng danh mục sản phẩm theo hướng:

- Sản phẩm chăn ga: (i) Đa dạng hóa vật liệu vải; (ii) Phát triển các bộ combo như bộ phòng tắm, bộ phòng ăn với các thiết kế đặc biệt phù hợp với từng phong cách của mỗi khách sạn.
- Sản phẩm đệm: Gia tăng doanh thu từ đệm lò xo đặc biệt là đệm lò xo mang thương hiệu quốc tế sẽ được công ty bổ sung vào danh mục sản phẩm từ tháng 5/2018.

Khách hàng là các doanh nghiệp: Về sản phẩm: Đa dạng hóa danh mục sản phẩm cung ứng gồm có:

- Thực hiện nghiên cứu về thị hiếu của khách hàng và bổ sung thêm nhiều mặt hàng được quan tâm vào catalogue chào hàng;
- Lựa chọn và ký kết hợp đồng cung cấp độc quyền một số sản phẩm quà tặng độc đáo nhập khẩu từ Hàn Quốc và Trung Quốc
- Đối với sản phẩm chất lượng cao, thương lượng với nhà cung cấp để trở thành nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam.

c. Hoạt động bán hàng Online:



- Các sản phẩm Chăn ga gối đệm được thiết kế chuyên biệt cho hoạt động kinh doanh trực tuyến
- Xây dựng website bán hàng chuyên biệt của công ty

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017	Kế hoạch 2018	+/-
Doanh thu	994,4	1.150	15,6%
LNST	50,9	115	125,8%

d. Hoạt động xuất khẩu chăn ga:



• **Thị trường mục tiêu: Hàn Quốc.** Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu truyền thống của EVE do sự hiểu biết về cơ chế quản lý thị trường tại thị trường này cũng như lợi thế của các hiệp định thương mại hai chiều của hai nước.

• **Sản xuất:** Vấn đề hiện nay là nâng cao năng lực sản xuất và kiểm soát chất lượng để thích ứng với số lượng lớn các đơn đặt hàng. Từ năm 2018, Công ty sẽ tách riêng các chuyển sản xuất chuyên biệt cho ngành hàng xuất khẩu chăn ga.

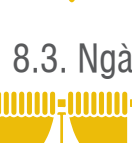
• **Kiểm soát chi phí:** Công ty sẽ hợp tác với các công ty vận chuyển và xuất khẩu phía Hàn Quốc để tận dụng lợi thế của các tàu vận chuyển hàng hoá từ Hàn Quốc đến Việt Nam và trở lại. Bằng cách này, chi phí vận chuyển sẽ thấp hơn nhiều so với đơn đặt hàng xuất một chiều cho Hàn Quốc.

8.2. Ngành hàng Bông tắm:



• **Về sản phẩm:** Bên cạnh việc phát huy lợi thế của các sản phẩm bông truyền thống, công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm Bông mới để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Năm 2017, công ty đã sản xuất thành công sản phẩm bông không sử dụng keo formalin đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm tra về mặt hóa chất của khách hàng. Năm 2018, ngoài việc giới thiệu rộng rãi sản phẩm mới này để tăng lợi thế cạnh tranh cho công ty (đặc biệt là khách hàng Nhật Bản), công ty sẽ tiếp tục tung ra các sản phẩm bông tắm mới để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng như: sản phẩm bông tái chế đạt tiêu chuẩn RCS (Tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm tái chế), bông microfiber, bông Wellon – bông giả lông ngỗng.

• **Về việc mở rộng thị trường:** i) duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống, ii) tìm kiếm cơ hội cung cấp hàng hóa nhiều hơn cho các khách hàng hiện tại, iii) tiếp cận các nhà máy, công ty may mới thành lập; iv) Phát triển thêm các nhóm khách hàng ở ngoài ngành may mặc nhưng vẫn có nhu cầu mua các sản phẩm Bông tắm để làm phụ liệu cho việc sản xuất các sản phẩm như: khẩu trang, ghế sofa, ga trải....

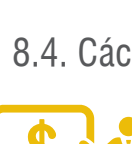


8.3. Ngành hàng mới:



Mặt hàng rèm rèm cuốn: Được cấp phép sản xuất kinh doanh từ giữa năm 2017, Công ty dự kiến sẽ giới thiệu các sản phẩm rèm thông qua hệ thống đại lý và showroom bắt đầu từ cuối Quý 2/2018. Dự kiến, đây cũng sẽ là dòng sản phẩm trung – cao cấp với nguyên liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc, thiết kế bắt mắt và thân thiện với môi trường.

Các dòng khăn, khăn lau: Trong quý 1 năm 2018, Công ty sẽ triển khai phân phối rộng rãi các sản phẩm khăn của Texpia sau khi mua lại toàn bộ dây chuyền sản xuất khăn của công ty này. Các dòng khăn và khăn lau sẽ được thiết kế chuyên biệt theo phân khúc khách hàng và được chi thành hai loại chính: khăn dùng cho gia đình và khăn lau vệ sinh công nghiệp.



8.4. Các hoạt động khác:



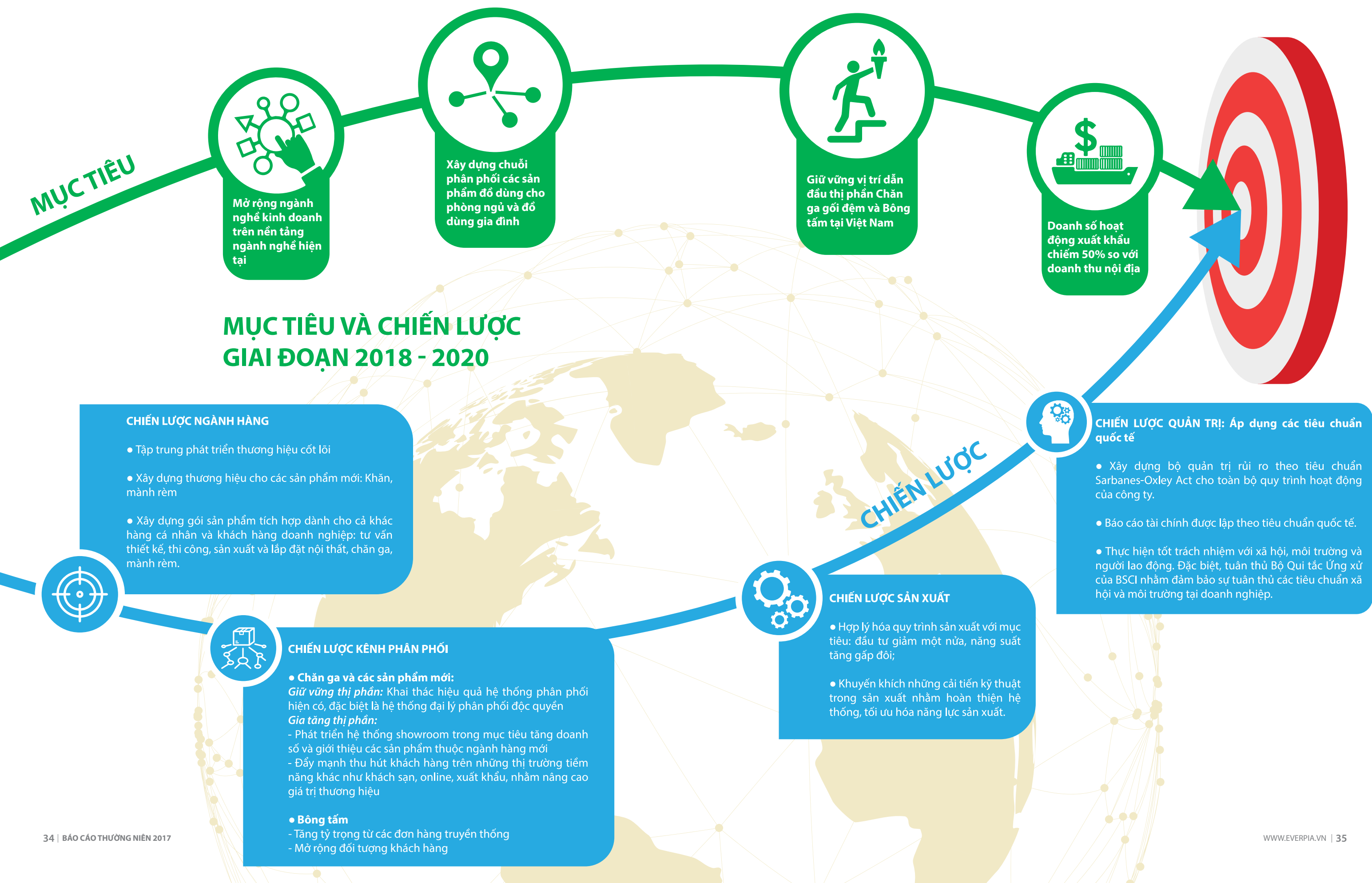
Bên cạnh mục tiêu doanh thu, công ty còn có các kế hoạch khác để cải thiện hiệu quả kinh doanh như sau:

- Đối với ngành hàng B2B và xuất khẩu chăn ga, Công ty sẽ điều chỉnh lại tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phân bổ dựa trên đặc thù hoạt động của ngành để dự tính trước chi phí của các đơn hàng và định kì đánh giá lại hiệu quả hoạt động qua chỉ tiêu lãi, lỗ theo các bộ phận kinh doanh
- Cải thiện khả năng sinh lời bằng cách theo dõi, giám sát chặt doanh thu cùng lãi/lỗ theo bộ phận kinh doanh để phân tích và có các giải pháp kịp thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận kinh doanh
- Đưa thêm chỉ tiêu lợi nhuận vào việc đánh giá và tính thưởng cho bộ phận kinh doanh bên cạnh chỉ tiêu doanh thu.
- Tiếp tục đưa việc đánh giá công nợ vào việc đánh giá hiệu quả hoạt động và chính sách khen thưởng cho các bộ phận kinh doanh.

Kế hoạch đầu tư 2018

Để phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh các đơn hàng cho khách sạn cùng các đơn hàng xuất khẩu, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nâng cấp và mở rộng xưởng sản xuất, phát triển kênh phân phối. Theo đó, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các hoạt động đầu tư như sau:

Hạng mục	Số tiền tạm tính	Hạng mục	Số tiền tạm tính
Mở rộng hoạt động kinh doanh	62.000	Nâng cao năng lực sản xuất	15.000
Mở mới showroom	20.000	Dây chuyền sản xuất Bông	10.000
Nâng cấp đại lý	9.000	Dây chuyền sản xuất Chăn ga	5.000
Hoạt động quảng cáo	28.000		
Nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm mới	5.000		
Tổng			77.000





C- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



I. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa quý cổ đông,

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021 khi được thành lập đã xây dựng mục tiêu đầy tham vọng, tăng trưởng 20% mỗi năm cả về doanh thu và lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, ngay từ cuộc họp đầu tiên, HĐQT đã xây dựng lộ trình thực hiện gồm: xử lý triệt để các vấn đề tồn đọng, phát triển công ty trên nền tảng ngành nghề cốt lõi, tăng trưởng vượt bậc thông qua việc mở rộng ngành nghề và thay đổi phương thức kinh doanh.

Xét trên phương diện điều hành, năm 2017 là năm thành công đối với HĐQT và Ban giám đốc công ty bởi chúng ta đã xử lý được triệt để các vấn đề tồn đọng, tiếp tục giữ vững thị phần tại cả hai ngành nghề kinh doanh Chăn ga gối đệm và Bông tấm trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt. Cụ thể, Công ty đã chấm dứt hoàn toàn các khoản đầu tư không hiệu quả: Đóng cửa công ty con tại Đức và Campuchia, thu hồi khoản đầu tư thông qua việc mua lại tài sản và tiếp nhận quyền kinh doanh từ công ty liên kết – Texpia. Việc đầu tư mạnh cho hoạt động Marketing gắn với mục tiêu tiếp cận đối tượng khách hàng trẻ tuổi và củng cố vị trí thương hiệu Chăn ga gối đệm số 1 trên thị trường Việt Nam. Những quyết định này được thông qua vì mục tiêu phát triển dài hạn và vững bền của công ty trong tương lai. Doanh thu ngành hàng Chăn ga gối đệm tăng 33% so với cùng kỳ, góp phần đưa doanh số toàn công ty tăng 15% đã phần nào thể hiện tính hiệu quả của những quyết định này.

Năm 2018 đánh dấu cột mốc quan trọng trong sự hình thành và phát triển của công ty: ngày 11/11/2018, Everpia tròn hai lăm năm tuổi. Nhìn lại cuộc hành trình hai lăm năm với nhiều biến cố, Công ty tự hào với những thành quả mà đội ngũ CBCNV nhiều thế hệ đã cùng nhau gây dựng: dẫn đầu trên cả thị trường Chăn ga gối đệm và Bông tấm; nguồn lực tài chính vững mạnh; hệ thống phân phối rộng khắp; quyền lợi và chế độ làm việc tốt nhất cho CBCNV; đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước thông qua nghĩa vụ thuế, các hoạt động từ thiện xã hội; sự hợp tác bền vững, lâu dài trên tinh thần hài hòa lợi ích với các đối tác, nhà cung cấp và các cổ đông.

Bên cạnh các thành tựu đạt được, HĐQT cũng nhận thấy nhiều nhiều yếu điểm và bất cập trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Trong cuộc hành trình mới, để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng 20% mỗi năm cả về doanh thu và lợi nhuận, HĐQT thống nhất tập trung thực hiện bốn nhóm giải pháp chiến lược như sau:

Ngành nghề kinh doanh: Bên cạnh mục tiêu duy trì thị trường, tiếp tục phát triển lĩnh vực kinh doanh Chăn-ga-gối-đệm và Bông tấm, công ty sẽ mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh thông qua việc sản xuất và phân phối các sản phẩm: khăn, rèm cửa và các đồ nội thất trong nhà như bàn ghế, tủ kệ, đèn trang trí, phụ kiện trang trí... hướng tới thị trường mục tiêu từ trung cấp trở lên cùng biên lợi nhuận ròng dự kiến tối thiểu 10 – 12%.

Kênh phân phối: Xây dựng mô hình chuỗi bán lẻ cung cấp đồng thời các giải pháp trang trí và nội thất cho gia đình thông qua việc ưu tiên đầu tư cho các đại lý có diện tích lớn và mở mới các showroom tại các tuyến phố lớn. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh các đơn hàng doanh nghiệp (B2B) và xuất khẩu chăn ga tiếp tục được ưu tiên đẩy mạnh. Mặc dù doanh số từ các hoạt động này tăng mạnh trong năm 2017 nhưng so với quy mô thị trường thị sự tăng trưởng này là chưa tương xứng. Tôi tin tưởng rằng, cùng với kinh nghiệm đã được tích lũy, thực hiện triển khai hoạt động kinh doanh tích cực trên cơ sở thương hiệu đã có, đảm bảo chất lượng sản phẩm cùng dịch vụ bán hàng chuyên nghiệp, chúng ta có thể đạt được những tăng trưởng lớn về doanh thu.

Nâng cao năng suất: Mục tiêu của công ty trong ba năm tới là chi phí đầu tư cho mua mới tài sản giảm một nửa nhưng năng suất tăng gấp đôi. Dưới sự tư vấn của nhóm chuyên gia nhiều kinh nghiệm đến từ Hàn Quốc, công ty sẽ cơ cấu lại dây chuyền sản xuất tại từng xưởng, xây dựng hệ thống kết nối giữa các xưởng nhằm giảm thiểu tối đa thời gian trống trong sản xuất, người lao động tại các công đoạn sản xuất khác nhau có thể phối hợp nhịp nhàng, tập trung hoàn toàn vào sản xuất.

Cải thiện năng lực quản trị: Mô hình quản trị theo khuyến nghị mới nhất của OECD và G20 về thông lệ tốt của quốc tế về quản trị doanh nghiệp sẽ được nghiên cứu và áp dụng tại Everpia với mục tiêu tối cao là ngăn chặn rủi ro tiềm tàng, đảm bảo tối đa các khoản đầu tư của cổ đông.

Năm 2018 là năm đánh dấu mười lăm năm tôi trực tiếp điều hành công ty trên cương vị Tổng giám đốc. Tôi xin nhận lỗi với Quý cổ đông về kết quả kinh doanh không hoàn thành kế hoạch như ĐHĐCĐ đã giao phó, về những hạn chế tồn tại của công ty. Với tư cách là người đứng đầu, tôi cam kết nỗ lực hết sức hoàn thành mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận của năm tài chính 2018, xây dựng nền móng vững chắc cho những năm tiếp theo, giữ vững vị thế công ty của những thương hiệu hàng đầu. Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và gắn bó cùng Everpia trong những năm qua. Chúng tôi đã, đang và sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý vị trên chặng đường phát triển mới.

Tháng 4 năm 2018

Lee Jae Eun
Chủ tịch Hội đồng quản trị

II. CÁC THÀNH VIÊN HĐQT



Ông Lee Jae Eun

Quốc tịch:
Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế trường ĐH Sung Kyun Kwan

Kinh nghiệm:

- Trước khi làm việc tại EVE, ông từng có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư tại Hàn Quốc.
- Sau 15 năm điều hành với vai trò Tổng giám đốc, ông đã đưa Everpia trở thành một trong 20 công ty Hàn Quốc có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất tại Việt Nam, TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững, thương hiệu Chăn-ga-gối-đệm Everon là thương hiệu Chăn ga được tin dùng nhất.



Ông Park Sung Jin

Quốc tịch:
Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân quản trị kinh doanh – Trường Đại học Yonsei

Kinh nghiệm:

- Ông có 20 năm kinh nghiệm làm việc tại công ty quản lý vốn tại Hàn Quốc
- Gia nhập Everpia từ tháng 8 năm 2009, trực tiếp điều hành nhà máy Đồng Nai từ năm 2011. Dưới sự kiểm soát chặt chẽ của ông, hoạt động sản xuất tại nhà máy cũng như hoạt động kinh doanh của công ty tại thị trường phía Nam đã đóng góp một giá trị lớn cho doanh thu toàn công ty.



Ông Cho Yong Hwan

Quốc tịch:
Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Công nghệ Hóa học Polymer tại trường ĐH Quốc gia Kyungbook.

Kinh nghiệm:

- Với kiến thức sâu rộng về hóa chất tổng hợp – Polymer, ông đã góp phần rất lớn trong việc cho ra mắt thương hiệu chăn ga hàng đầu Việt Nam – Everon.
- Gia nhập Everpia từ ngày đầu thành lập, trực tiếp điều hành hoạt động Kinh doanh, ông đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì thị phần, phát triển sản phẩm mới, mở rộng kênh phân phối và gia tăng năng lực cạnh tranh cho EVE. Dưới sự chỉ đạo của ông, công ty vẫn luôn chiếm lĩnh vị trí số 1 tại cả hai ngành hàng Chăn-ga-gối-đệm và Bông tấm.



Bà Lê Thị Thu Hiền

Quốc tịch:
Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tín dụng – Học viện Ngân hàng
- Chứng chỉ sau đại học Fulbright - trường Kinh doanh Harvard.

Kinh nghiệm:

- Tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam từ những năm đầu với tư cách trưởng phòng Tư vấn, Tài chính doanh nghiệp, đã tư vấn cho nhiều công ty, tập đoàn, tổ chức kinh tế lớn trong nước.
- Đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT độc lập trong suốt hai nhiệm kỳ, bà đã hỗ trợ rất lớn trong hoạt động Quan hệ nhà đầu tư và nâng cao hình ảnh Everpia trên thị trường tài chính trong nước.



Ông Yu Sung Dae

Quốc tịch:
Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ chuyên ngành kế toán – Đại học Hanyang, Hàn Quốc

Kinh nghiệm

- Ông có 26 năm kinh nghiệm làm việc tại công ty kiểm toán hàng đầu thế giới – PricewaterhouseCoopers, 28 năm là thành viên Hiệp hội kiểm toán Hàn Quốc.
- Gia nhập Everpia với vai trò thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng giám đốc phụ trách các bộ phận Quản lý, không chỉ hướng tới xây dựng Báo cáo tài chính, Hệ thống kiểm soát rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế, ông còn chú trọng các hoạt động cải tổ nhà máy góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí vận hành. Những nỗ lực của ông góp phần xây dựng một Everpia vững bền và thịnh vượng.



Ông Nguyễn Khắc Hùng

Quốc tịch:
Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính – Học viện Ngân hàng

Kinh nghiệm:

- Ông có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý cấp cao tại các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực: Giám đốc tài chính – Công ty TNHH Elico Oil, Cổ đông sáng lập – Công ty cổ phần hạ tầng Fecon, Chủ tịch HĐQT – Công ty NKG Partners Vietnam.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Quy chế quản trị (“QTCT”) công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Việt Nam, Everpia hiện đang từng bước thực hiện quản trị công ty theo các nguyên tắc quản trị công ty của OECD (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế), chuẩn mực QTCT theo thể điểm QTCT khu vực ASEAN (ACGS). Đây là nỗ lực của Hội đồng quản trị công ty trong việc ứng dụng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về QTCT với mục tiêu xây dựng môi trường kinh doanh trên nền tảng phát triển bền vững.

1. Các hoạt động của hội đồng quản trị trong năm 2017

1.1. Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2017 HĐQT công ty đã tiến hành 13 phiên họp trong đó có 4 phiên họp thường kỳ mỗi quý và các phiên họp lấy ý kiến. Các cuộc họp của công ty đều được thực hiện theo đúng các quy trình thủ tục với sự tham gia tích cực đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua của các thành viên của HĐQT.

Ngoài các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, các cuộc họp trong năm 2017 chủ yếu xoay quanh các vấn đề liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó. Bám sát diễn biến của kết quả kinh doanh trong từng quý để có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời phù hợp với các biến động của thị trường. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QĐ	NGÀY	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
01	001/2017/HĐQT/NQ	03/03/2017	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017	Đã hoàn thành
02	002/2017/HĐQT/NQ	16/03/2017	• Thông qua việc bán 100% phần vốn góp và công nợ tại Công ty TNHH Everpia Cambodia • Thông qua việc hủy kế hoạch đầu tư tại Đức	Đã hoàn thành
03	004/2017/HĐQT/NQ	05/05/2017	• Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 • Thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2016 bằng tiền	Đã hoàn thành
04	008/2017/NQ-HĐQT	03/08/2017	• Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm • Thông qua việc thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hưng Yên để đảm bảo cho mọi nghĩa vụ của Công ty và chi nhánh tại Ngân hàng này.	Đã hoàn thành
05	009/2017/HĐQT/NQ	14/08/2017	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.	Đã hoàn thành
06	010/2017/HĐQT/NQ	10/10/2017	Quyết định bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh, điều chỉnh mục tiêu và quy mô của dự án đầu tư cho các chi nhánh	Đã hoàn thành
07	011/2017/HĐQT/NQ	08/11/2017	Thông qua phương án mua lại 3.000.000 cổ phiếu quỹ với giá không cao hơn giá trị sổ sách trong vòng 30 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận.	Đã hoàn thành (Công ty đã thực hiện mua : 2.431.800 cổ phiếu từ ngày 06/12/2017 đến ngày 29/12/2017)

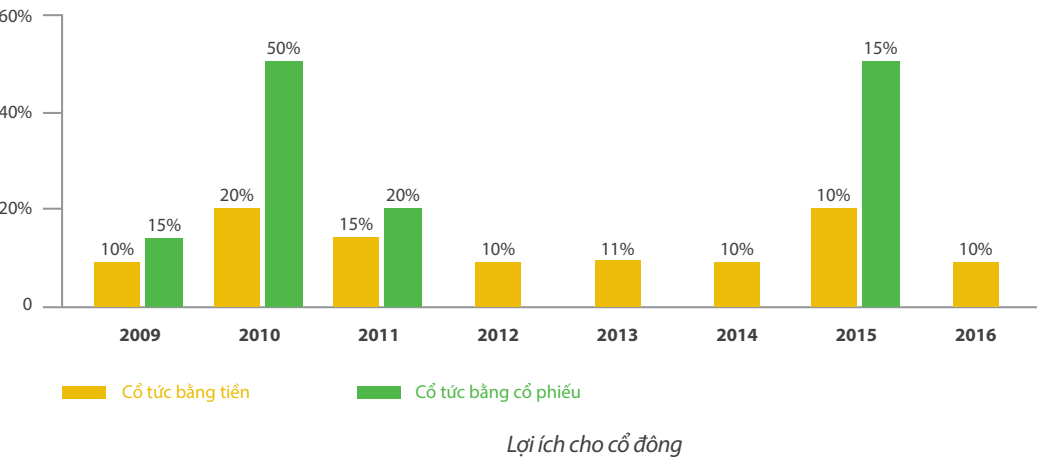
1.2. Kết quả hoạt động

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục	Thực hiện	Kế hoạch	Hoàn thành
Doanh số	994.425	1.100.000	90,4%
Lợi nhuận sau thuế	50.919	150.000	33,9%
LNAT sau khi loại bỏ các khoản chi phí bất thường	91.226		60,8%

b. Cổ tức



Cổ tức bằng tiền được công ty thực hiện chi trả đều đặn hàng năm dựa trên chính sách phân phối lợi nhuận: Một phần ba cho cổ tức, một phần ba cho hoạt động sản xuất kinh doanh và một phần ba cho hoạt động đầu tư.

Từ năm 2017, do hoạt động tại các nhà máy đã đi vào ổn định và nhằm gia tăng lợi ích cho cổ đông, HĐQT đã đề xuất và được chấp thuận thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 1.000 đồng/ cổ phiếu tương đương 47% lợi nhuận sau thuế năm 2016.

Danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2016 được chốt vào ngày 16/05/2017 và được thanh toán vào ngày 26/06/2017.





1.3. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT

Do mô hình hoạt động của công ty không có nhiều công ty con, hoạt động kinh doanh hiện tập trung hai ngành hàng cơ bản có yếu tố hỗ trợ nhau, 2/3 số lượng thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh quản lý tại công ty nên HĐQT không thành lập các tiểu ban. Căn cứ vào Điều lệ công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với hoạt động giám sát và đưa ra các quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức thực hiện.

Hoạt động hoạch định chiến lược

- Xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017 – 2020.
- Tổ chức đánh giá tính khả thi tại các dự án đầu tư tại công ty con và công ty liên kết.
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn.
- Cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT tập trung vào việc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, xác định các vấn đề mới nổi có thể ảnh hưởng đến Công ty trong tương lai từ cơ sở phối hợp cùng Ban điều hành xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp.

Kiểm soát rủi ro

- Từ báo cáo của bộ phận chuyên môn về việc tuân thủ quy trình nội bộ, rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào cũng như các rủi ro về năng lực cạnh tranh, HĐQT thường xuyên đánh giá và đưa ra các chiến lược dự phòng đối với quản trị khủng hoảng, kiểm soát rủi ro hoạt động.
- Tổ chức các buổi trao đổi với các chuyên gia để nâng cao năng lực quản trị, hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành và phát triển

1.4. Giám sát và đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành

Phương pháp giám sát

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, HĐQT đã trao đổi và chất vấn Ban điều hành về các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghe báo cáo của đại diện Ban điều hành về các khó khăn vướng mắc, cùng thảo luận bàn bạc và đưa ra các giải pháp tháo gỡ.
- Kết hợp với Ban kiểm soát để nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp.
- Đưa ra các nghị quyết sau các buổi họp HĐQT để Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

Kết quả giám sát

Trong năm 2017, Ban điều hành đã điều hành hoạt động công ty trên tinh thần các nghị quyết và quyết định của HĐQT để ra trong năm, đồng thời luôn báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động hàng quý cho HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời, chi tiết.

Ban điều hành đã đưa ra những quyết sách hợp lý phù hợp với biến động của thị trường, cũng như tình trạng của công ty để có thể mang lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất.

2. Quản trị công ty

2.1. Quyền của cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản

Công ty công nhân và coi trọng quyền của các cổ đông, những người chủ sở hữu của Công ty thông qua việc:

- Công ty luôn tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền của các cổ đông thông qua việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, minh bạch những thay đổi đáng kể có thể ảnh hưởng tới giá trị cổ phiếu của công ty;
- Tất cả các cổ đông công ty đều được đối xử công bằng thông qua quyền tiếp cận thông tin bình đẳng và ngang bằng;
- Các công tác truyền thông tới các cổ đông không chỉ thông qua cổng công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, UBCKNN mà còn thông qua website công ty và Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư. Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư được trình bày trong phần Thông tin NĐT của Báo cáo thường niên này và cũng có sẵn trong phần Quan hệ Nhà đầu tư trên website công ty: <http://www.everpia.vn/everon/ir/tro-giup-nha-dau-tu.aspx>



Quyền của cổ đông

a. Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty

- Sửa đổi Điều lệ Công ty, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Cho phép phát hành thêm, mức cổ tức đối với cổ phần từng loại;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất.

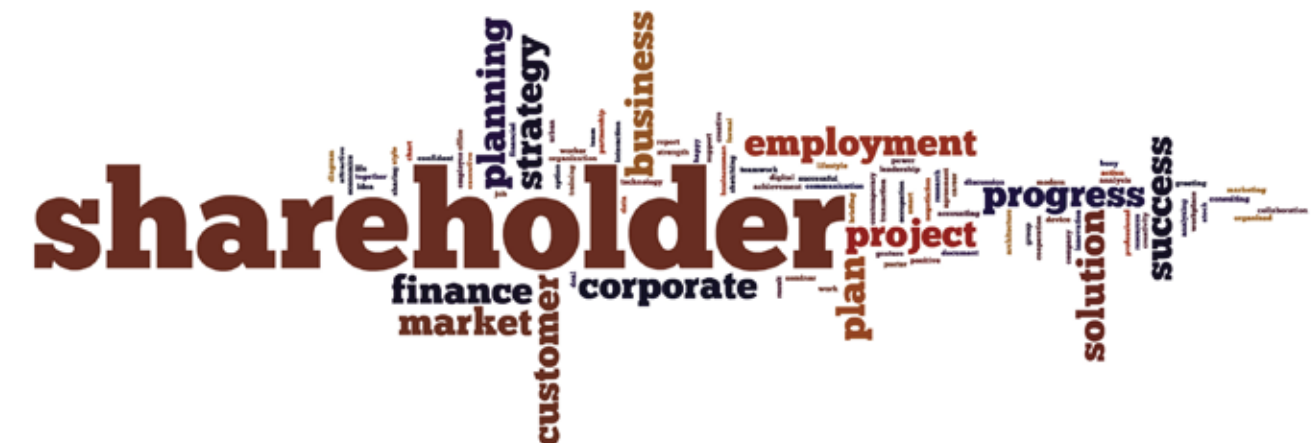
b. Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- Công ty chú trọng đến tính đầy đủ của việc công bố thông tin để các cổ đông có thể đưa ra những quyết định có căn cứ tại các cuộc họp cổ đông. Tất các thông tin liên quan đến quyền biểu quyết của cổ đông: nội dung vấn đề lấy ý kiến, mẫu phiếu biểu quyết, trình tự, quy tắc bỏ phiếu đều được thông báo chi tiết trên website công ty trước tối thiểu 10 ngày họp. Trước đó một tháng, toàn bộ cổ đông công ty đã được thông báo về cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Cổ đông thông qua thủ lao cho HĐQT và BKS tại mỗi kỳ đại hội;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thành viên HĐQT, BKS với số lượng ứng cử viên tương ứng số cổ phần nắm giữ được quy định tại Điều lệ công ty. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện qua phương pháp bầu dồn phiếu, cổ đông có quyền sử dụng toàn bộ số cổ phần có quyền biểu quyết để bầu chọn cho một ứng viên duy nhất;
- Biên bản ĐHĐCĐ mới nhất ghi nhận: cổ đông được hướng dẫn chi tiết thủ tục biểu quyết, cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và được giải đáp đầy đủ, tỷ lệ biểu quyết của cổ đông được tính toán căn cứ trên số lượng cổ phần mà mỗi cổ đông nắm giữ.
- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ, Biên bản kiểm phiếu được công bố trong vòng 24h ngay sau khi cuộc họp kết thúc.

c. Tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư được chú trọng và phát triển mạnh, không chỉ trong giai đoạn Đại hội cổ đông nói riêng, mà cả năm 2017 nói chung. Song hành với phương châm “Mang lại lợi ích dài hạn cho nhà đầu tư”, Everpia luôn coi cổ đông và các nhà đầu tư là bên liên quan quan trọng của công ty. Đối quan hệ giữa Everpia và các cổ đông cùng nhà đầu tư luôn được công ty chú trọng và thực hiện linh hoạt, nhằm tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư có thể cập nhật thông tin về công ty. Năm 2017, công ty đã diễn ra một số hoạt động như sau:

- Tiếp đón các nhà đầu tư, cổ đông đến trụ sở công ty, hoặc qua điện thoại, email để tìm hiểu và cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của công ty
- Duy trì sự liên kết, tiếp nhận các ý kiến, khuyến nghị từ nhà đầu tư
- Tích cực tham gia các hoạt động hội thảo đầu tư, hội thảo doanh nghiệp phát triển bền vững
- Thực hiện các báo cáo tình hình quản trị công ty và báo cáo thường niên định kỳ theo đúng quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp HCM. Các thông tin tài chính và phi tài chính được công ty công bố đầy đủ, kịp thời trên website của công ty và khi cổ đông có yêu cầu.



2.2. Đối xử bình đẳng đối với cổ đông

• Cổ phiếu và quyền biểu quyết

Toàn bộ số cổ phiếu của công ty đều là cổ phiếu phổ thông, các cổ đông công ty có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau

• Thông báo ĐHĐCĐ

- Tiểu sử của ứng cử viên thành viên HĐQT và BKS được cung cấp đầy đủ, chi tiết tại website công ty.

- Không chỉ tài liệu họp ĐHĐCĐ mà các tài liệu quan trọng khác được thực hiện công bố thông tin song ngữ Việt – Anh để tất cả các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, phân tích các thông tin. Đây cũng là nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và sự đối xử công bằng giữa cổ đông trong nước và nước ngoài

• Ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân:

- Khoản 1 Điều 34 Điều lệ công ty và Mục 7 Nguyên tắc Đạo đức kinh doanh Công ty quy định rõ “cấm thành viên HĐQT, nhân viên Công ty tiết lộ thông tin hoặc tài sản thông tin vô/hữu hình của Công ty.

- Thành viên HĐQT, người nội bộ và người có liên quan của công ty được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 03 ngày làm việc.

• Giao dịch với bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao: Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty quy định rõ trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi, cụ thể: yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty, yêu cầu thành viên HĐQT không bỏ phiếu trong các cuộc họp về hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích

• Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng: Công ty không có hỗ trợ tài chính nào cho bên thứ 3 không phải công ty con với mục đích để kiểm soát hoặc thu lợi nhuận

2.3. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan

• Everpia đã xây dựng, ban hành và công bố trên website công ty Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức.

• Chính sách bảo vệ các bên liên quan bao gồm: người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được báo cáo và trình bày chi tiết tại Báo cáo phát triển bền vững.

2.4. Công bố thông tin và tính minh bạch

• Báo cáo quản trị định kỳ 6 tháng cung cấp tới cổ đông cấu trúc sở hữu minh bạch bao gồm: thông tin về cổ đông sở hữu trên 5%; cổ phần sở hữu của thành viên HĐQT, BKS và các cấp quản lý quan trọng của công ty; thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên kết cùng các giao dịch với bên liên quan.

• Báo cáo thường niên cung cấp đầy đủ các thông tin tài chính và phi tài chính, khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty.



2.5. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

2.5.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

• Ngày 21/04/2017, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2021 đã được bầu với 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập đại diện cho một phần ba tổng số thành viên HĐQT.

• Cơ cấu HĐQT đảm bảo sự cân bằng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

• Hai thành viên HĐQT độc lập là người không có quan hệ với Công ty, các công ty thành viên hoặc các cán bộ có thể gây trở ngại trong việc đưa các quyết định độc lập nhằm phục vụ lợi ích cao nhất cho công ty. Tại các cuộc họp hoặc thông qua email, các thành viên HĐQT độc lập cập nhật định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra các ý kiến tư vấn, giúp Ban Giám đốc định hình chiến lược và đưa ra những quyết sách hợp lý, kịp thời.

2.5.2. Quyền tiếp cận thông tin của HĐQT

• Đối với các cuộc họp quý, tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp luôn được gửi tới các thành viên HĐQT trước 07 ngày. Đối với trường hợp lấy ý kiến qua mail, toàn bộ tài liệu liên quan luôn được gửi trước tối thiểu 03 ngày để HĐQT có đủ thời gian đọc, xem xét và đưa ra các ý kiến có giá trị cao.

• Để chủ động trong lịch làm việc của các thành viên HĐQT, lịch họp định kỳ hàng quý cùng các sự kiện quan trọng của công ty được lập và gửi tới toàn bộ thành viên HĐQT tại cuộc họp Quý IV năm liền trước.

• Các thành viên HĐQT độc lập có quyền tiếp cận riêng lẻ và độc lập các thông tin có liên quan thông qua Bộ phận Kế hoạch và Kế toán của công ty. Các thành viên HĐQT, đặc biệt các thành viên độc lập luôn được cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện, liên tục, kịp thời để tất cả các thành viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

2.5.3. Thù lao của HĐQT

• Mức thù lao cho HĐQT được Đại hội cổ đông thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm. Chi phí thù lao cho các thành viên HĐQT trong kỳ được trình bày chi tiết tại mục Báo cáo giám sát của Ban kiểm soát - Báo cáo thường niên và báo cáo trực tiếp tới cổ đông tại các kỳ đại hội.

• Các thành viên HĐQT nắm giữ vị trí điều hành không nhận thù lao, chỉ nhận lương tương ứng với chức vụ và trọng trách đảm nhiệm

2.5.4. Quản lý rủi ro

• Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, HĐQT triển khai các hoạt động nhằm bảo vệ khoản đầu tư của các cổ đông và tài sản công ty. Để tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành, HĐQT xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro thông qua việc xác định chủ thể cấu trúc, hệ thống giám sát phòng ngừa và theo dõi kết quả quản lý rủi ro. Định kỳ, căn cứ vào Báo cáo của bộ phận Kiểm soát nội bộ và công ty kiểm toán độc lập về hoạt động kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin; HĐQT điều hành đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và bảo vệ các tài sản quan trọng của Công ty khỏi các hành vi gian lận.

• Ngoài việc kiểm soát tính tuân thủ, để ngăn ngừa rủi ro, HĐQT và ban điều hành công ty ban hành Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức trong kinh doanh tới toàn thể CBCNV công ty và các đối tác, những người có quyền lợi liên quan nhằm phát triển một Everpia minh bạch và vững mạnh (ảnh minh họa)

• Ban Quản trị công ty xác định các rủi ro và biên pháp phòng ngừa **(Chi tiết xem ở trang sau)**

IV. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản lý công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thống lệ quốc tế tốt nhất, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Năm 2018, HĐQT trình ĐHĐCĐ dự thảo Quy chế quản trị nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của Công ty một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của công tác quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm soát nội bộ với mục tiêu:

- đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác,
- nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp,
- bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo giá trị bền vững cho cổ đông.

2.5.4. Quản lý rủi ro

Các rủi ro và biện pháp phòng ngừa:

RỦI RO CHIẾN LƯỢC	TÁC ĐỘNG		BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
RỦI RO VỀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	Chiến lược đầu tư thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến hệ lụy về vốn và dòng tiền. Hiện nay Everpia đang đầu tư vào một công ty con tại Hàn Quốc, tính khả thi và tiềm năng trong tương lai vẫn đang là một dấu hỏi lớn, khó có thể lường trước được những khó khăn trong quá trình vận hành.		Để hạn chế rủi ro này, các quyết định đầu tư đều được ban điều hành và hội đồng quản trị đánh giá một cách thấu đáo dựa trên quy mô thị trường mục tiêu như: khả năng mở rộng, năng lực cạnh tranh, hiệu quả tài chính, đặc thù công nghệ và các rủi ro liên quan trước khi thông qua quyết định đầu tư. Ngoài ra công ty còn có các kế hoạch dự phòng nhằm phản ứng kịp thời với những trường hợp xấu nhất có thể xảy ra.
RỦI RO VỀ CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG	Chiến lược thị trường có vai trò quyết định thị phần nói chung hay doanh số công ty nói riêng. Việc đánh giá sai thị trường mục tiêu sẽ dẫn đến các quyết định sai lầm về giá bán, thành phần khách hàng, kéo theo suy giảm doanh số, đánh mất lợi thế cạnh tranh và tính quy mô của kinh tế.		Để hạn chế rủi ro này, trước khi đưa ra các sản phẩm mới, ban điều hành và hội đồng quản trị luôn cần đánh giá thấu đáo về sức mua thị trường, thành phần khách hàng và vị thế của sản phẩm trên thị trường nhằm tạo ra các sản phẩm mang tính cạnh tranh cao, giá cả phù hợp đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng.
RỦI RO VỀ RÀO CẢN GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG	Chiến lược cạnh tranh không phù hợp với xu thế thị trường sẽ dẫn đến việc mất thị phần vào tay đối thủ. Sản phẩm chần ga của công ty có rào cản gia nhập thị trường thấp, do đó việc phải đối mặt với sự tham gia của nhiều công ty nước ngoài và công ty mới nổi là không thể tránh khỏi.		Để hạn chế rủi ro này, ban điều hành và hội đồng quản trị luôn cập nhật xu thế thị trường, hoạt động của các đối thủ để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp. Ban lãnh đạo công ty phải luôn chủ động đề ra định hướng hợp lý cho từng giai đoạn, từng ngành hàng, chú trọng tới chất lượng sản phẩm, năng suất sản xuất, quản trị chi phí nhằm củng cố và gia tăng năng lực cạnh tranh.
RỦI RO VỀ CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT	Chiến lược sản xuất không hợp lý, không nắm bắt được nhu cầu thị trường trong ngắn hạn sẽ dẫn tới việc sản xuất dư thừa, hàng tồn kho tăng cao, khó lưu chuyển, ảnh hưởng đến dòng tiền của công ty cũng như chất lượng và mẫu mã sản phẩm bị lỗi mốt.		Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật cung nhu cầu thị trường, tình hình kinh tế, thời tiết để đưa ra những chiến lược sản xuất phù hợp, tránh việc cung vượt cầu.
RỦI RO VẬN HÀNH	TÁC ĐỘNG		BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
RỦI RO KINH DOANH	Với một công ty sản xuất như Everpia, rủi ro về nợ xấu và hàng tồn kho tăng cao sẽ gây ảnh hưởng đến dòng tiền và nguồn vốn lưu động.		Xây dựng hợp đồng nguyên tắc về chính sách công nợ, sử dụng hệ thống ERP trong thống kê các chỉ tiêu công nợ, theo dõi nhắc nợ hàng ngày, trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đã giúp Công ty quản lý tốt các khoản phải thu của khách hàng.
RỦI RO TỶ GIÁ	Nguyên vật liệu của công ty phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là xơ polyester và vải đều được nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài bằng đồng USD. Vì vậy biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất trong kỳ.		Thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá thông qua các mối quan hệ với các Ngân hàng, thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu qua L/C nhằm phòng ngừa rủi ro khan hiếm ngoại tệ, có kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, chủ động trong việc tích trữ nguyên vật liệu nhằm hạn chế những thay đổi tỷ giá bất thường.
RỦI RO PHÁP LÝ	Ở Việt Nam, luật và các văn bản dưới luật thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ dẫn đến kết quả kinh doanh nhiều khi cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp và bị phạt bởi các cơ quan quản lý cũng hoàn toàn có thể xảy ra.		Để hạn chế những rủi ro về pháp lý, các bộ phận chuyên môn đã và đang tích cực thường xuyên trao đổi, cập nhật từ các cơ quan có thẩm quyền, rà soát các hợp đồng và các thoản thuận của Công ty trước khi được ký kết.
RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC	Hàng năm số lượng công nhân thôi việc và tuyển mới tương đối cao. Điều này dẫn tới rủi ro về nguồn nhân lực không đảm bảo chất lượng do chưa có kinh nghiệm, khiến cho năng suất lao động giảm đồng thời chi phí cho hoạt động đào tạo tăng.		Để hạn chế rủi ro nhân lực, Ban giám đốc luôn đề cao thực hiện quy hoạch nhân sự với chính sách đãi ngộ và định hướng lâu dài, thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ và khuyến khích thi đua khen thưởng công bằng công khai tạo động lực trong lao động và sáng tạo.
RỦI RO KHÁC	Các yếu tố rủi ro khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nếu xảy ra.		Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro như mua bảo hiểm tài sản, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh, an toàn lao động.



D - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1. Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG: TRƯƠNG TUẤN NGHĨA

Quốc tịch: Việt Nam

Bằng cấp: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng trường Paris Dauphine

Kinh nghiệm:

Ông có gần 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư. Với kiến thức chuyên sâu về kế toán và kiểm toán, ông đã áp dụng những kiến thức và kinh nghiệm của mình trong việc xây dựng, điều hành và kiểm soát các hoạt động của công ty.

Với những đóng góp của mình cho Công ty cho nhiệm kỳ vừa qua, ông Trương Tuấn Nghĩa được Đại hội đồng Cổ đông tin tưởng tiếp tục giao phó trọng trách Trưởng ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2017-2021.

ÔNG: KIM KYOUNG ROK

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán và Thương mại Quốc tế - ĐHQG Kangwon

Kinh nghiệm:

Ông Kim Kyoung Rok là thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2017-2021 theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 21/04/2017.

Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dệt may và tài chính tại nhiều nước trên thế giới, và đồng thời đang điều hành một Công ty tư vấn tư nhân tại Việt Nam từ năm 2009, ông Kim Kyoung Rok hỗ trợ rất nhiều cho công ty trong hoạt động tài chính kế toán, cũng như đưa ra những tham vấn quan trọng cho việc kiểm soát hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh Công ty ở nước ngoài.

ÔNG: CHOI HYUNG JOON

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán – Đại học Toronto

Kinh nghiệm:

Ông Choi Hyung Joon là thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2017-2021 theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 21/04/2017.

Từng giữ cương vị quản lý tại nhiều bộ phận chuyên trách như bán hàng, đầu tư, hay điều hành chung, ông Choi Hyung Joon có cái nhìn tổng quát rất tốt về tổng thể hoạt động của công ty, qua đó hỗ trợ tích cực trong việc đưa ra các điểm kiểm soát quan trọng trong việc quản trị rủi ro cho ban điều hành.

1.2. Hoạt động của BKS trong năm 2017

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2017 cụ thể như sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị... đảm bảo công khai, minh bạch.
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty: BKS đã kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, 6 tháng và cả năm, các báo cáo tài chính kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính, chất văn Ban điều hành và Hội đồng quản trị đối với những nội dung bất thường.
- Phối hợp với bộ phận Kiểm soát nội bộ trong việc thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo định kỳ.
- Kiểm tra kết quả chuyển đổi báo cáo tài chính năm 2015, 2016 và tiếp tục hỗ trợ tư vấn cho bộ phận Kế toán công ty chuyển đổi báo cáo tài chính năm 2017 theo tiêu chuẩn IFRS.
- Phối hợp với bộ phận Kiểm soát nội bộ hoàn thiện bộ quản trị rủi ro nội bộ theo đạo luật Sarbanes-Oxley, xây dựng và định kỳ rà soát việc thực hiện các điểm kiểm soát trọng yếu trước khi đơn vị kiểm toán PwC tiến hành đánh giá độc lập sau tư vấn vào quý 2/2018.

1.3. Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm Soát

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Công ty đã thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2017/NQ ngày 21/04/2017 gồm có:

Chính sách chi trả cổ tức bằng tiền: Everpia đã thực hiện thanh toán cổ tức của năm 2016 vào ngày 28/06/2017 với tỷ lệ 10% mệnh giá, tương đương 1.000 VNĐ/cổ phiếu. Tổng số tiền trả cổ tức là 41.920.159.250 VNĐ.

Mở rộng ngành nghề kinh doanh: Công ty đã thực hiện bổ sung đầy đủ các ngành nghề kinh doanh mới theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông cho Công ty vào tháng 7 – 8 năm 2017 và cho các chi nhánh vào tháng 11 – 12 năm 2017.

Thù lao cho HĐQT và BKS: Việc phân phối thù lao năm 2017 cho HĐQT và BKS đã thực hiện theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm, các thành viên HĐQT kiểm nhiệm chức danh điều hành tại công ty không nhận thù lao với tư cách là thành viên HĐQT, mà chỉ nhận lương tại các vị trí đương nhiệm tại Công ty.

Thu nhập HĐQT điều hành (gồm thành viên HĐQT kiêm nhiệm TGD và các chức danh quản lý tại công ty) năm 2017:

Khoản mục	Thực chi năm 2017(VND)
Lương	10.944.514.359
Thưởng (% lợi nhuận sau thuế)	0%

Thù lao cho các thành viên HĐQT không điều hành năm 2017:

Khoản mục	Thực chi năm 2017(VND)
Thù lao	238.799.999

Chi tiết cơ cấu lương, thưởng, thù lao cho từng thành viên HĐQT năm 2017 như sau:

Thành viên HĐQT	Chức danh	Thời gian làm việc	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Lee Jae Eun	Chủ tịch HĐQT / Tổng giám đốc	1/1/2017-31/12/2017	100%	0%	0%	100%
Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	1/1/2017-31/12/2017	100%	0%	0%	100%
Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT/ Giám đốc HCNS	1/1/2017-21/04/2017	100%	0%	0%	100%
Lee Je Won	Thành viên HĐQT/ Giám đốc CN HCM	1/1/2017-21/04/2017	100%	0%	0%	100%
Yu Sung Dae	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	21/4/2017-31/12/2017	100%	0%	0%	100%
Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	1/1/2017-31/12/2017	100%	0%	100%	100%
Ngô Phương Chí	Thành viên HĐQT	1/1/2017-21/04/2017	0%	0%	100%	100%
Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên HĐQT	21/04/2017-31/12/2017	0%	0%	100%	100%



1.3. Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm Soát (Tiếp theo)

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2017

Trong năm, các thành viên BKS đã có rất nhiều đóng góp trong việc thực thi giám sát, tư vấn quản trị Công ty. Năm 2017, BKS đã được chi trả thù lao tổng cộng 807.652.349 VNĐ. Chi tiết cụ thể như sau:

Khoản mục	Thực chi năm 2017 (VNĐ)
Thù lao	807.652.349
Công tác phí	0
Tổng cộng	807.652.349

GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

Hoạt động tài chính

Năm 2017, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Everpia được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. BKS nhận thấy các báo cáo thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về cơ bản, BKS đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 của công ty có sự tăng trưởng tương đối tốt. Tuy nhiên, các khoản chi phí bất thường phát sinh trong năm như khoản trích lập dự phòng cho khoản vay và đầu tư tại Công ty liên kết Texpia, chi phí đầu tư lớn vào các chương trình marketing, trích lập thêm do sự thay đổi chính sách của chính quyền địa phương,... với tổng giá trị lên tới 46,3 tỷ đồng, đã làm lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm nghiêm trọng.

Các chỉ số tài chính về thanh khoản, tỷ lệ nợ, hiệu quả sử dụng tài sản và hoạt động đều ở mức ổn định và an toàn.

Hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành công ty

BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của công ty. HĐQT và Ban Giám đốc đã vận hành công ty hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị luôn bám sát mục tiêu và định hướng phát triển đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt để đưa ra các quyết định, giải pháp triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

Công tác hạch toán kế toán của công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện các công tác cung cấp và công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở GDCK TP HCM.

Các hoạt động khác:

Thực hiện các thủ tục đóng cửa công ty con tại Đức và Campuchia:

- Công ty đã thực hiện xong các thủ tục hủy dự án đầu tư tại Đức.
- Đối với dự án tại Campuchia, vào quý 2/2017, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án đó cho một nhà đầu tư cá nhân tại địa phương. Mức giá chuyển nhượng được xác định bởi một đơn vị định giá độc lập sau khi đánh giá lại toàn bộ dự án. Theo hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng sẽ có trách nhiệm hoàn thành tất cả các nghĩa vụ pháp lý đối với nhà nước Campuchia. Hiện tại, Công ty đang đợi giấy tờ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ trên từ bên nhận chuyển nhượng để có thể hoàn thành thủ tục chấm dứt dự án này.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- Giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018
- Giám sát tình hình tài chính, xem xét báo cáo đánh giá của Kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi những vấn đề được bên kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm tra và đánh giá tính nghiêm túc, công bằng và minh bạch việc chi trả cổ tức cho cổ đông và phát hành cổ phiếu thưởng cho CBNV (nếu có).
- Giám sát hoạt động và các quyết định của Hội đồng quản trị, đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.
- Xem xét, giám sát các quy chế tài chính, quy chế hoạt động cũng như các quy định chính sách do HĐQT và Ban điều hành ban hành trong năm. Đồng thời, đảm bảo tính tuân thủ luật pháp và đánh giá sự ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông của việc thực thi các quy định này.
- Tiếp tục theo sát quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế
- Phối hợp chặt chẽ với bộ phận Kiểm toán nội bộ trong việc rà soát, phân tích định kỳ việc thực hiện cũng như tính hợp lý của bộ tiêu chuẩn quản trị rủi ro nội bộ kịp thời cập nhật và xử lý các sự vụ phát sinh.
- Giám sát tiến độ thực hiện các biện pháp đề xuất trong năm về quản trị rủi ro.
- Rà soát các báo cáo kiểm toán nội bộ; giám sát công việc của kiểm toán nội bộ
- Tham gia tư vấn trong việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã được đại hội cổ đông phê duyệt và đề xuất danh sách cho năm tiếp theo.
- Giám sát tiến độ cải tiến hệ thống ERP và hệ thống kế toán quản trị.
- Kết hợp với nhóm các chuyên gia tư vấn của Hàn Quốc giám sát quá trình cải tổ sản xuất, tư vấn cho Ban điều hành các chiến lược quản trị sản xuất hiệu quả, phù hợp với thực tế vận hành tại Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Giao dịch cổ đông nội bộ và người liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	
1	LEE BANG HYUN	Con trai chủ tịch HĐQT	-	0,00%	500.000	1,19%	Tăng tỷ lệ sở hữu do đã giao dịch mua 500.000 CP ngày 3/3/2017 đến 16/3/2017
2	KWON SUNG HA	CFO	262.325	0,62%	230.005	0,55%	Giảm tỷ lệ sở hữu do đã giao dịch bán 60.000 CP từ ngày 25/4/2017 đến ngày 25/5/2017
3	LEE HYUN JOO	Em gái chủ tịch HĐQT	200.530	0,48%	230.530	0,55%	Tăng tỷ lệ sở hữu do đã giao dịch mua 30.000 CP ngày 30/6/2017
4	LEE JUNG HYUN	Con trai chủ tịch HĐQT	-	0,00%	500.000	1,19%	Tăng tỷ lệ sở hữu do đã giao dịch mua 500.000 CP ngày 27/7/2017 đến 15/8/2017



E - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Song song với những nỗ lực về kinh doanh, Everpia vẫn luôn kiên định với các mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên lồng ghép phát triển bền vững vào các chiến lược kinh doanh ngắn, trung và dài hạn.

Với khao khát vươn tầm tới đẳng cấp quốc tế và khẳng định niềm tin cũng như sự chú trọng tới phát triển bền vững, năm 2017 là năm đầu tiên Everpia thực hiện lập báo cáo phát triển bền vững theo khung tiêu chuẩn quốc tế GRI standards của Tổ chức Sáng kiến báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI), căn cứ trên 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc.

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG (GRI 101-102-103)

1.1. Tổng quan về báo cáo

• Báo cáo phát triển bền vững công bố các thông tin, thành tựu đạt được về kinh tế, môi trường và xã hội của Công ty Cổ phần Everpia cùng các công ty con từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 (năm tài chính 2017). Trong phần báo cáo này, các vấn đề trọng yếu được xác định dựa trên việc phân tích mối quan tâm chủ yếu của các bên liên quan, và trình bày theo hướng dẫn báo cáo của GRI.

- Cấu trúc báo cáo: Báo cáo gồm 02 phần lớn:
 - i) Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung – giới thiệu và mô tả phương thức quản trị các vấn đề phát triển bền vững của Everpia.
 - ii) Công bố thông tin theo tiêu chuẩn cụ thể, bao gồm: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

• Thông tin liên lạc: Bà Đinh Thị Thanh Nhân – trưởng phòng Kế hoạch.

1.2. Thông tin về Everpia

Vui lòng tham khảo mục Giới thiệu về công ty.

1.3. Phương pháp quản trị

Everpia xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho riêng mình căn cứ trên các vấn đề trọng yếu được quan tâm hàng đầu của các bên liên quan, và được sắp thứ tự theo tính trọng yếu của mỗi vấn đề.



1.4. Sự tham vấn của các bên liên quan

Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực chăn ga gối đệm và bông tằm, chúng tôi đặt sứ mệnh và tôn chỉ làm việc của mình là “Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng – Kiến tạo giá trị - Phát triển thị trường”. Với mong muốn đưa đến khách hàng những sản phẩm chất lượng và tiện nghi, Everpia đã không ngừng sáng tạo và thử nghiệm với những mẫu chất liệu mới thân thiện với môi trường và vẫn đem lại trải nghiệm tuyệt vời cho người sử dụng, đồng thời liên tục cải tiến sản xuất, nói không với hóa chất trong quy trình sản xuất đệm bông ép, đảm bảo an toàn sức khỏe cho khách hàng, nhân viên và môi trường...

Những sáng kiến trên xuất phát từ việc lồng ghép hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững vào mô hình kinh doanh và văn hóa kinh doanh thực tế, trên nền tảng gắn kết thường xuyên và mật thiết với các bên liên quan nhằm đưa ra những định hướng hợp lý, tối ưu hóa sức mạnh tập thể.

Để xác định được các bên liên quan then chốt, chúng tôi phân tích toàn bộ chuỗi giá trị của doanh nghiệp, bắt đầu từ khâu huy động vốn, mua nguyên liệu đầu vào, cho đến giai đoạn sản xuất, và bán hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

Căn cứ trên mức độ ảnh hưởng của mỗi bên đến Everpia, cũng như mức độ phụ thuộc của họ vào Công ty, chúng tôi xác định các bên liên quan chính là những bên có mối tương tác hai chiều sâu rộng nhất, bao gồm:



1.5. Xác định các vấn đề trọng yếu:

Sau khi định vị được các bên liên quan then chốt, chúng tôi xây dựng nền tảng tham vấn với các bên liên quan thông qua một loạt các kênh khảo sát định kỳ hoặc theo chủ đề, đối thoại trực tiếp, hội thảo, phỏng vấn,... phù hợp với đặc thù của mỗi bên liên quan. Thông tin được tổng hợp thành những vấn đề lớn, và các giải pháp sẽ được đưa ra tương ứng, trên cơ sở trao đổi thẳng thắn và mang tính xây dựng nhằm tìm ra một giải pháp hoàn thiện, đem lại giá trị tối đa cho các bên liên quan.

Những vấn đề trọng yếu được tổng hợp và phân loại theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI 2016. Do đây là báo cáo phát triển bền vững đầu tiên của chúng tôi theo Bộ tiêu chuẩn GRI nên việc đánh giá chủ yếu căn cứ trên quan điểm và nhận thức của các bộ phận tương tác trực tiếp với các bên liên quan.

CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁCH THỨC THAM VẤN	VẤN ĐỀ QUAN TÂM	VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TƯƠNG ỨNG	HÀNH ĐỘNG CỦA EVERPIA
KHÁCH HÀNG & ĐẠI LÝ 	- Qua các cuộc khảo sát với khách hàngthông qua kênh đại lý, showroom - Tương tác trực tiếp qua website, mạng xã hội, đường dây nóng - Hội thảo khách hàng, phòng vấn trực tiếp với đại lý	- Cam kết về chất lượng sản phẩm - Giao tiếp và chăm sóc hậu mãi khách hàng - Các thông tin hướng dẫn rõ ràng, trung thực - Chính sách đào tạo và chăm sóc đại lý - Chính sách công nợ - Chính sách đổi trả hàng lỗi, hỏng	- An toàn và sức khỏe của khách hàng - Tiếp thị và nhân hiệu - Hiệu quả hoạt động kinh tế	- Kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên liệu đến khâu sản xuất bằng cách đặt ra tiêu chuẩn cụ thể cho nguyên liệu đầu vào, và thực hiện chặt chẽ khâu KCS. - Chuẩn hóa khâu nhân mác và bao bì, chú trọng minh bạch thông tin và hỗ trợ trải nghiệm cho người tiêu dùng - Thiết lập đường dây hỗ trợ online song song với việc hỗ trợ trực tiếp qua các cửa hàng - Đề ra các chính sách hỗ trợ thực tế và hữu ích cho đại lý, nhằm nâng cao năng lực và hình ảnh cho đại lý, bên cạnh đẩy mạnh hoạt động marketing một cách bài bản và toàn diện - Hỗ trợ tài chính song song với việc đánh giá và quản lý tốt dư nợ của đại lý
NHÀ CUNG CẤP 	Các cuộc họp, cuộc gặptrao đổi trực tiếp với nhà cung cấp	- Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp công bằng, minh bạch - Khả năng thanh toán - Năng lực sản xuất và tiêu thụ	- Hiệu quả hoạt động kinh tế - Thông lệ mua sắm - Chống tham nhũng	- Đưa ra tiêu chí lựa chọn rõ ràng, ưu tiên cho các NCC... - Lập đường dây nóng về đạo đức kinh doanh, kết hợp với bộ phận kiểm soát để phòng chống tham nhũng
NHÂN VIÊN 	Qua các cuộc đối thoại với NLD, trao đổi định kỳ với Công đoàn; đường dây nóng về đạo đức kinh doanh	- Việc làm, tiền lương và thưởng - Môi trường làm việc an toàn, bảo đảm cho sức khỏe - Được đào tạo nâng cao về chuyên môn, gia tăng giá trị bản thân - Chế độ phúc lợi và đóng bảo hiểm - Môi trường dân chủ, được nêu quan điểm cá nhân và được lắng nghe	- Việc làm - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp - Giáo dục và đào tạo - Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng - Tự do lập hội & thương lượng tập thể	- Xây dựng cơ chế lương thưởng, chế độ phúc lợi rõ ràng, công bằng - Chương trình đào tạo và nâng cao năng lực CBNV, xây dựng lộ trình phát triển cho CBNV - Chương trình an toàn và sức khỏe nghề nghiệp - Khuyến khích CBNV tham gia Công đoàn, các hội thông qua quy chế dân chủ, đối thoại định kỳ và quy chế hội nghị người lao động. - Thiết lập môi trường làm việc chuẩn mực theo tiêu chí quốc tế BSCL.
CỔ ĐỒNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ 	Họp ĐHCĐ, các cuộc gặp, giao tiếp qua mail và điện thoại. CBTT trên thị trường	- Minh bạch và kịp thời trong việc CBTT - Hiệu quả kinh tế và lợi ích cổ đông	- Chống tham nhũng - Hiệu quả hoạt động kinh tế	- Chuẩn hóa và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp - Xây dựng và củng cố hệ thống quản trị rủi ro nội bộ - Minh bạch và trách nhiệm trong việc công bố thông tin
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 	Gặp gỡ, thanh kiểm tra	- Tính tuân thủ các quy định pháp luật - Đóng góp cho nền kinh tế xã hội chung qua tạo việc làm, đóng góp NSNN	- Tuân thủ về KT - XH - Tuân thủ về môi trường - Năng lượng - Nước - Nước thải và chất thải	- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật - Tuân thủ các cam kết về môi trường, xã hội.
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG 	Qua các phương tiện truyền thông, đường dây nóng	- Quan tâm đến môi trường sống tại cơ sở kinh doanh - Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương - Có các chương trình đóng góp phúc lợi cho cộng đồng địa phương	- Cộng đồng địa phương - Nước thải và chất thải - Nước - Tuân thủ về môi trường	- Tuân thủ các cam kết về môi trường và xã hội - Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên - Đóng góp vào các chương trình phát triển cộng đồng địa phương

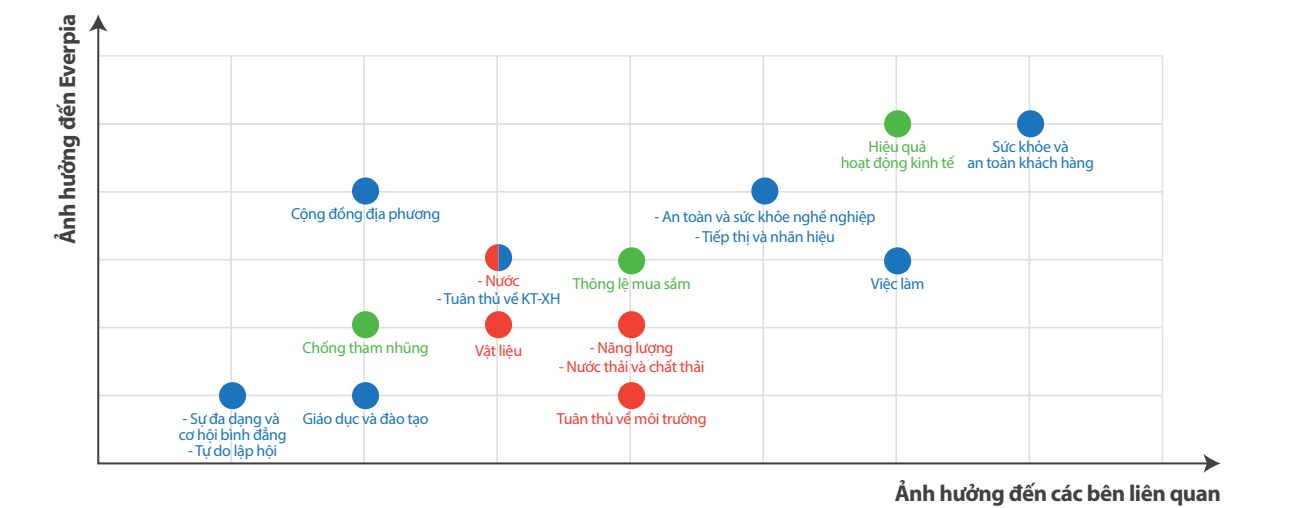
1.6. Các chủ đề trọng yếu – ma trận tính trọng yếu:

Mong muốn chung tay hướng tới 17 mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững tới năm 2030 của Liên hợp quốc, Everpia đã lồng ghép, tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) với các vấn đề trọng yếu của Công ty như sau:

TIÊU CHÍ	CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU	MÃ GRI	SDGS TƯƠNG ỨNG
KINH TẾ GRI 200 	- Hiệu quả hoạt động kinh tế - Thông lệ mua sắm - Chống tham nhũng	GRI 201 GRI 204 GRI 205	 8 - Tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững  12 - Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm  10 - Giảm bất bình đẳng
MÔI TRƯỜNG GRI 300 	- Vật liệu - Năng lượng - Nước - Nước thải và chất thải - Tuân thủ về môi trường	GRI 301 GRI 302 GRI 303 GRI 306 GRI 307	 13 - Hành động bảo vệ khí hậu  7 - Năng lượng sạch và giá hợp lý  6 - Nước sạch và vệ sinh  6 - Nước sạch và vệ sinh  15 - Cuộc sống trên mặt đất  15 - Cuộc sống trên mặt đất
XÃ HỘI GRI 400 	- Việc làm - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp - Giáo dục và đào tạo - Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng - Tự do lập hội & thương lượng tập thể - Cộng đồng địa phương - An toàn và sức khỏe của khách hàng - Tiếp thị và nhân hiệu - Tuân thủ về kinh tế - xã hội	GRI 401 GRI 403 GRI 404 GRI 405 GRI 407 GRI 413 GRI 416 GRI 417 GRI 419	 8 - Tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững  1 - Xóa nghèo  3 - Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc  4 - Giáo dục chất lượng  10 - Giảm bất bình đẳng  5 - Bình đẳng giới  16 - Xã hội hòa bình  11 - Thành phố và cộng đồng bền vững  12 - Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm  12 - Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm  16 - Xã hội hòa bình

Ma trận tính trọng yếu

Để đánh giá và sắp thứ tự ưu tiên cho các vấn đề trọng yếu, chúng tôi xem xét mỗi vấn đề trên khía cạnh hiện tại và tương lai: tác động thực tế tới doanh nghiệp và các bên liên quan cũng như tác động tiềm tàng đến giá trị doanh nghiệp trong dài hạn. Những tác động này sẽ được đánh giá theo ma trận ảnh hưởng đến Everpia và các bên liên quan, cụ thể như sau:



II. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

Là một doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu, chúng tôi thấu hiểu sứ mệnh của mình là “Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng” – đem lại những sản phẩm có giá trị sử dụng cao, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và hạn chế ít nhất tác động đến môi trường.

Theo đó, tất cả các hoạt động của Công ty đều hướng đến sứ mệnh này, với mục tiêu gây dựng tên tuổi dựa trên lòng tin của khách hàng và đối tác, gắn thành công của Công ty với thành công của các bên liên quan mật thiết. Hoạt động bền vững của chúng tôi trong kỳ báo cáo về 03 lĩnh vực cốt lõi là Kinh tế, Môi trường, và Xã hội sẽ được trình bày chi tiết trong các phần dưới đây:

1. Kinh tế (GRI 200)

1.1. Hiệu quả hoạt động kinh tế (GRI 201)

1.1.1. Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ (GRI 201-1)

	Các chỉ số
Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	GRI 201-1
Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	GRI 201-2
Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	GRI 201-3
Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	GRI 201-4

Tiêu chí	Giá trị (triệu đồng)
Doanh thu tạo ra	1.009.378
Tổng doanh thu được phân bổ	958.458
Trong đó:	
- Chi phí lương & phúc lợi nhân viên	196.149
- Chi phí vốn (cổ tức + lãi vay)	49.841
- Nộp NSNN	57.392
- Đầu tư cộng đồng	882
Doanh thu tạo ra chưa phân bổ	50.919

(Chi tiết số liệu vui lòng tham khảo phần Báo cáo tài chính)

Ra mắt từ năm 1999, thương hiệu chăn ga gối EVERON đã trở nên hết sức quen thuộc đối với người tiêu dùng Việt Nam, đặc biệt là đối tượng khách hàng trẻ đến trung niên, thu nhập khá.

Với ưu thế nổi trội về thị phần, cùng với sự đầu tư công phu cho thiết kế mẫu mã, nghiên cứu phát triển các chất liệu mới, EVERON đã ngày càng chinh phục được trái tim của khách hàng. Năm 2017, gần 22 triệu sản phẩm của Everpia được đưa đến tay khách hàng trên khắp thế giới thông qua các kênh phân phối bán hàng trong nước cũng như xuất khẩu, doanh số bán hàng đạt 994.4 tỷ đồng.



Tỷ suất lợi nhuận gộp được duy trì ở mức 33% trong điều kiện giá nguyên liệu cho các đơn hàng xuất khẩu và khách sạn cao hơn các sản phẩm truyền thống. Tổng chi phí giá vốn hàng hóa là 664,5 tỷ đồng.

Chi phí quản lý bán hàng cho hoạt động kinh doanh thuần túy (loại trừ các khoản trích lập đặc biệt) duy trì ở mức 22,8% trên doanh thu, tương ứng gần 227,1 tỷ đồng, sau hàng loạt những cải tổ đáng kể về mặt quản lý sản xuất như: sắp xếp hiệu quả hệ thống máy móc, cắt giảm và tối ưu hóa nhân sự sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng những nguồn lực hiện có.

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động marketing và quảng cáo nhằm đưa thương hiệu tới gần gũi hơn với người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh năm 2017 của công ty đã đạt được những thành công nhất định, đồng thời tạo đà cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Tiền lương và phúc lợi cho nhân viên

Hiểu được vai trò cốt lõi của sự phát triển con người đến thành công và sự phát triển của tổ chức, Everpia cam kết kiến tạo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, và chế độ đãi ngộ cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân tài.

Năm 2017, Công ty đã dành 156 tỷ đồng trả lương cho CBNV, trong đó 37 tỷ đồng cho bộ phận văn phòng và 119 tỷ đồng cho bộ phận sản xuất. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên mức 11,4 triệu đồng/người. Cũng trong năm 2017, Công ty đã triển khai 1 đợt khen thưởng nhân viên xuất sắc cho 10 cán bộ và 2 đợt thăng chức cho 32 cán bộ có thành tích làm việc tốt trong năm, với tổng chi phí khen thưởng là 56 triệu đồng và mức tăng lương bình quân là 27%.

Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn

Năm 2017 được đánh dấu là một năm đầu tư chiến lược cho hoạt động marketing và quảng bá hình ảnh Công ty, với nhiều chiến dịch quảng cáo lớn và quy mô được thực hiện. Công ty cũng đã phát hành thành công 150 tỷ trái phiếu chuyển đổi, có tài sản đảm bảo nhằm huy động vốn cho hoạt động marketing, nâng cấp hệ thống đại lý, cũng như mua sắm thêm trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Chi phí lãi vay vì thế đạt 7.921 tỷ đồng tăng 82,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong năm, công ty cũng đã chi 41,9 tỷ đồng tiền mặt để thanh toán cổ tức 10% cho cổ đông. Việc trả cổ tức bằng tiền mặt được công ty duy trì đều đặn hàng năm từ khi niêm yết cho đến nay, với tỷ lệ chi trả từ 10-20% mỗi năm. Năm 2016 ngoài phần cổ tức bằng tiền mặt, công ty trả thêm cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2:1, nâng số cổ phần lưu hành của Công ty từ 27.986.515 cổ phiếu lên 41.979.773 cổ phiếu.

Công ty cũng đang gấp rút chuẩn bị cho kế hoạch niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hàn Quốc nhằm huy động vốn cho việc mở rộng quy mô, cũng như khẳng định uy tín và tăng cơ hội thâm nhập thị trường xuất khẩu cho sản phẩm.



Các khoản thanh toán cho Chính phủ

Công ty Cổ phần Everpia luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của Nhà nước, và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với xã hội. Năm 2017, Everpia đã đóng góp cho nhà nước 65,8 tỷ đồng nghĩa vụ thuế các loại.

Đơn vị tính: Triệu đồng			
Năm	2015	2016	2017
Tổng thuế đã nộp trong năm	45.064	107.418	65.795

Chúng tôi hiểu trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng đất nước, và đang cố gắng hoàn thiện và phát triển chính mình để có thể đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của xã hội.

Các khoản đầu tư cho Cộng đồng

Với tâm niệm chia sẻ giá trị cho Cộng đồng để cùng phát triển và tiếp nối truyền thống về hoạt động cộng đồng, năm 2017 Everpia đã đóng góp 882 triệu cho hoạt động Giáo dục đào tạo tại các địa phương nơi Công ty hoạt động.

Nhiều suất học bổng đã được trao cho các học sinh nghèo vượt khó có thành tích xuất sắc tại Đồng Nai, huyện Khoái Châu, Yên Mỹ và Ân Thi tỉnh Hưng Yên. Công ty cũng tài trợ nhiều bộ bàn ghế cho trường THCS quốc tế Việt Nam – Hàn Quốc với mong muốn cải thiện điều kiện học tập cho các em học sinh, cũng như góp phần nhỏ bé của mình trong việc xây dựng mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai quốc gia.

1.1.2. Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu (GRI 201-2)

Biến đổi khí hậu đang gây ra những tác động rõ rệt đến thời tiết, khí hậu và môi trường Việt Nam.

Nền nhiệt bình quân 09 tháng đầu năm 2017 tương đối cao, điển hình như một số đợt nóng đỉnh điểm tới 41.5oC tại Hà Nội, vượt kỷ lục ghi nhận trong 40 năm qua. Vì vậy, doanh số bán hàng 09 tháng đầu năm không đạt được như kỳ vọng.

Đã có nhiều lo ngại về tình hình thời tiết cuối năm cũng sẽ duy trì nền nhiệt cao, và ảnh hưởng xấu đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên, trái với dự đoán, mùa đông năm 2017 lại mang tới những đợt rét kỷ lục kéo dài không chỉ tại Việt Nam, mà trên cả Châu Âu, Nga, Mỹ, Trung Quốc,... do ảnh hưởng từ sự chuyển dịch hiện tượng khí hậu toàn cầu từ El Nino – nước biển nóng lên sang La Nina – nước biển lạnh đi so với bình thường. Sự chuyển dịch này cũng đã gây ra hàng loạt các hiện tượng thời tiết cực đoan đáng sợ trên toàn cầu như lũ lụt, hạn hán, bão tuyết, bão và siêu bão.



Thiên tai diện rộng làm nền kinh tế, môi trường và con người bị tàn phá nghiêm trọng, gián tiếp làm giảm sức mua của thị trường. Tuy nhiên, hiện tượng mùa đông lạnh bất thường trên toàn thế giới lại góp phần làm tăng nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm chăn ga và bông tắm của Everpia. Doanh số bán hàng chăn ga những tháng cuối năm tăng vọt, và đơn hàng xuất khẩu cho các sản phẩm bông tắm làm áo jacket cũng tăng mạnh. Doanh thu quý 4/2017 tăng trưởng 36,5% so với cùng kỳ năm trước và là mức kỷ lục kể từ khi hoạt động, đẩy doanh thu cả năm tăng sát mốc 1,000 tỷ, tương ứng tỷ lệ tăng trưởng 15,1% so với 2016.

Mặc dù vậy, việc thời tiết bốn mùa có nhiều xáo trộn tiềm tàng nhiều rủi ro ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty có tính mùa vụ cao.

Đứng trước những thách thức như vậy, chúng tôi cũng đã chuẩn bị cho mình những chiến lược ngắn hạn và dài hạn để ứng phó với rủi ro và hạn chế các tác động có thể phát sinh.

Tiêu chí	Rủi ro	Cơ hội	Giải pháp
Nền nhiệt tăng	- Mùa đông thời tiết không lạnh, làm giảm nhu cầu tiêu thụ đệm, chăn ga và bông làm áo rét - Nhiệt độ tăng cao vào mùa hè ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất của người lao động	Có cơ hội tiếp cận thị trường xuất khẩu các nước ôn đới/cận nhiệt đới do nền nhiệt của họ cao lên, tương đương nền nhiệt mùa lạnh tại VN.	- Phát triển thêm sản phẩm có chất liệu nhẹ, thoáng, phù hợp với việc sử dụng điều hòa. - Trang bị thêm mái cách nhiệt, quạt gió, máy làm mát cho xưởng sản xuất; phân bổ kế hoạch sản xuất sang thời điểm khí hậu mát hơn.
Thiên tai như: bão lũ, hạn hán	- Ảnh hưởng tới thời gian và chi phí giao nhận hàng hóa		- Có dự phòng thời gian cho việc vận chuyển và sản xuất.
Các hiện tượng thời tiết bất thường khó dự đoán	- Khó dự đoán được tổng nhu cầu của thị trường để lên kế hoạch sản xuất	Cơ hội vận dụng điểm mạnh về quy mô để phản ứng nhanh với thị trường	Tăng tỷ trọng các đơn hàng đặt trước (pre-orders) để hạn chế phản biến động, bằng cách tăng ưu đãi cho các khách hàng đặt hàng trước.

1.1.3. Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác (GRI 201-3)

Chế độ phúc lợi ưu đãi là một trong những sức hút của Everpia đối với người lao động, bởi ngoài những chế độ phúc lợi theo luật định, Công ty còn thiết lập những chế độ đãi ngộ khác như: xe đưa đón tận nơi dành cho cán bộ cấp cao, xe bus đưa đón và phí gửi xe dành cho các CBNV tại Hà Nội, hỗ trợ chi phí đi lại cho công nhân, hỗ trợ chi phí gửi trẻ cho các cán bộ nhân viên có con nhỏ dưới 06 tuổi, phụ cấp thâm niên, tay nghề, chuyên cần, điện thoại, hay phụ cấp tăng thêm cho CBNV dưới điều kiện làm việc khắc nghiệt (ví dụ như trời nắng nóng cao độ, tăng ca liên tục,...).

Ngoài ra, Công ty có thông lệ tổ chức 2 hoạt động tập thể lớn hàng năm là Đại hội tổng kết cuối năm vào ngày 31/12 và Đại hội thể dục thể thao vào tháng 3. Đây là sân chơi ý nghĩa để các cán bộ nhân viên cùng gia đình được hội tụ, chia sẻ và tham gia các hoạt động chung, nâng cao tinh thần đoàn kết và rèn luyện sức khỏe. Nhiều phần quà ý nghĩa đã được trao tặng cho hầu hết các CBNV vào những dịp này.



Trong năm 2017, tổng giá trị tương ứng cho các chế độ phúc lợi đạt 47.5 tỷ đồng, bao gồm:

Loại phúc lợi	Tên phúc lợi	Giá trị (VND)	Tỷ trọng đóng góp của Công ty	Tỷ lệ đóng góp của NLD	Tổng cộng
Bắt buộc	Bảo hiểm xã hội	22.518.476.308	18% (trên tổng lương, phụ cấp)	8% (trên tổng lương, phụ cấp)	25.5%
	Bảo hiểm y tế	3.953.466.108	3% (trên tổng lương, phụ cấp)	1.5% (trên tổng lương, phụ cấp)	4.5%
	Bảo hiểm thất nghiệp	1.744.051.414	1% (trên tổng lương, phụ cấp)	1% (trên tổng lương, phụ cấp)	2%
	Phí công đoàn	1.628.503.533	2% (trên tổng lương, phụ cấp)	0% (trên tổng lương, phụ cấp)	2%
Tự nguyện	Khám sức khỏe	117.040.000	100%		
	Trợ cấp ăn ca	10.546.004.359	100%		
	Trợ cấp xe đưa đón	5.191.362.341	100%		
	Trợ cấp nuôi con nhỏ	274.650.000	100%		
	Teambuilding	1.046.462.154	100%		
	Các loại phúc lợi khác	496.565.231	100%		

1.1.4. Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ (GRI 201-4)

Công ty Cổ phần Everpia không được nhận các khoản hỗ trợ miễn thuế hay trợ cấp đặc biệt từ Chính phủ, mà chỉ hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ như các doanh nghiệp thông thường.

1.2. Thông lệ mua sắm (GRI 204)

Các chỉ số	
Tỷ lệ chỉ tiêu cho các nhà cung cấp địa phương	GRI 204-1

Với tâm niệm mang đến những sản phẩm chất lượng tốt nhất cho thị trường, Everpia cực kỳ chú trọng việc xây dựng một chuỗi cung ứng chất lượng và bền vững, bởi với những sản phẩm tiêu dùng như bông, chăn ga gối đệm, chất lượng nguyên vật liệu quyết định tới 90% chất lượng sản phẩm.

Do yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng khá cao nên đối với các nguyên liệu chính, rất ít nhà cung cấp nội địa đủ khả năng cung ứng cho Công ty. Vì vậy, tỷ lệ chỉ tiêu cho các nhà cung cấp địa phương còn khá khiêm tốn, mặc dù số lượng áp đảo.

Tỷ lệ chỉ tiêu cho các nhà cung cấp địa phương:

Nhà cung cấp	Số lượng	Tỉ lệ	Giá trị cung cấp	Tổng cộng
Nhà cung cấp nội địa	599	87%	380,5 tỷ đồng	49%
Nhà cung cấp nước ngoài	86	13%	400 tỷ đồng	51%

Với mặt hàng bông tấm, nguyên liệu chính được sử dụng là xơ polyester được nhập khẩu toàn bộ từ Hàn Quốc trong bối cảnh năng lực sản xuất của nền công nghiệp lọc hóa dầu nội địa chưa đáp ứng được nhu cầu của toàn ngành dệt may trong nước.

Với mặt hàng chăn ga gối đệm, Everpia tạo nền tảng dấu ấn thương hiệu của mình bằng việc ký hợp đồng cung cấp độc quyền vải in với đối tác Hàn Quốc. Các mẫu thiết kế sau khi được các chuyên gia của học viện thiết kế Everpia sáng tạo ra, sẽ được gửi sang Hàn Quốc để kiểm vải và in tại nhà máy của đối tác tại Hàn Quốc và Trung Quốc, tạo nên một chất vải rất riêng của Everpia. Quy trình này sẽ góp phần hạn chế hàng giả, hàng nhái thương hiệu Everon trên thị trường. Riêng đối với vải làm đơn hàng khách sạn, do đặc thù yêu cầu khá đơn giản về mẫu mã nên công ty cũng đang cố gắng mở rộng tìm kiếm nhà cung cấp tại Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng vừa để giảm giá thành và chi phí vận chuyển, vừa để tăng tỷ trọng nội địa hóa.

Đối với vải phụ và các nguyên phụ liệu khác như chỉ thêu, chun,... công ty có chính sách ưu tiên các nhà cung cấp địa phương, nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm, và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào bất kể nhập khẩu hay mua trong nước đều phải đạt được những tiêu chuẩn nhất định về nguồn gốc xuất xứ, có đầy đủ giấy tờ hóa đơn và chứng nhận chất lượng. Đây là những thủ tục cơ bản nhưng cần thiết để hạn chế việc lưu thông hàng hóa một cách bất hợp pháp.

Từ năm 2015, công ty đã triển khai chọn lựa các NCC theo chứng chỉ oeKo-Tex, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường của chuỗi giá trị, qua đó củng cố tính bền vững cho toàn bộ chuỗi cung ứng.

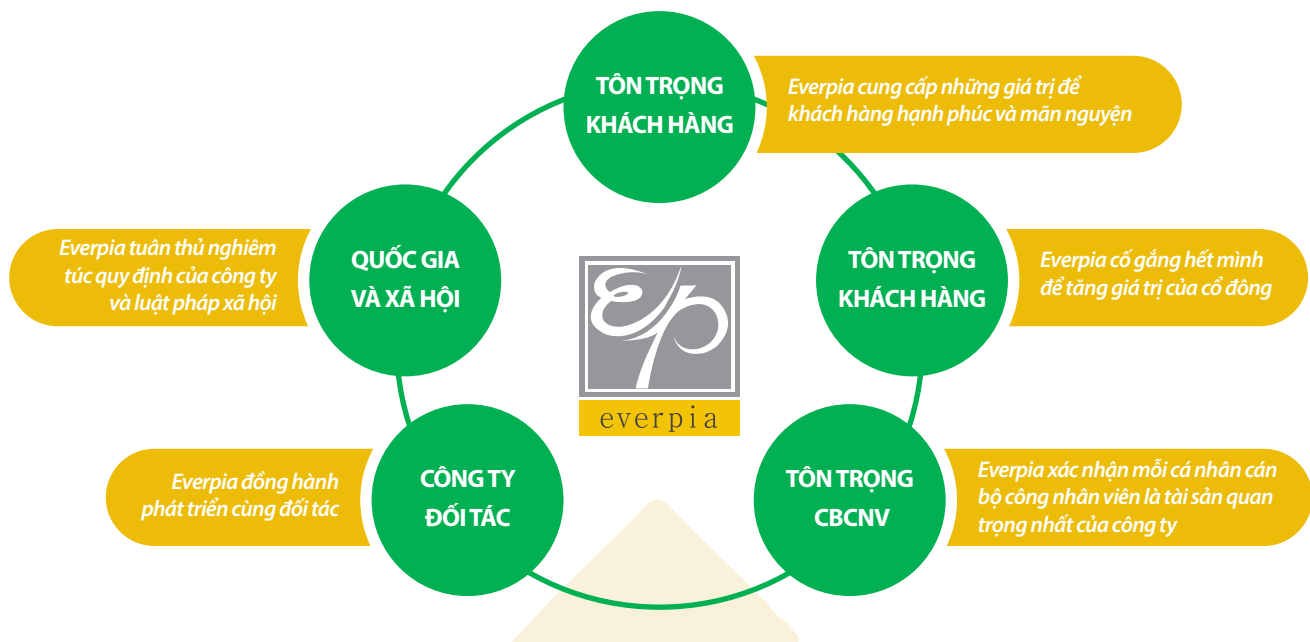


1.3. Chống tham nhũng (GRI 205)

Tham nhũng hối lộ là một vấn nạn toàn cầu, gây ra nhiều thất thoát lãng phí cho nền kinh tế và bóp méo sự công bằng xã hội. Công tác đấu tranh chống tham nhũng là một trong những chủ đề trọng tâm của Chính phủ Việt Nam trong những năm gần đây, làm dấy lên một làn sóng hưởng ứng rất tích cực trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp.

Từ đầu năm 2017, Công ty cổ phần Everpia phổ cập khung Đạo đức kinh doanh, thay thế cho bộ Quy tắc ứng xử trước đó, với những cam kết mạnh hơn từ ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty, được diễn giải ngắn gọn, súc tích trong bản Nguyên tắc Đạo đức kinh doanh và Phương án thực hiện Đạo đức kinh doanh.

Theo đó, Nguyên tắc đạo đức kinh doanh bao gồm những tôn chỉ hành động của Everpia với các bên liên quan trọng yếu:



Căn cứ trên 05 nguyên tắc cơ bản này, Everpia đưa ra Phương án thực hiện gồm 09 “Không” cho mỗi cán bộ nhân viên, được đích thân Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị gửi email thông báo tới toàn bộ đối tác, đại lý và khách hàng của Everpia, cũng như truyền thông cụ thể, rộng rãi cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bản cam kết về đạo đức kinh doanh với nguyên tắc 09 “Không” được ký bởi mỗi nhân viên, xác nhận việc tuân thủ, và được treo nhiều nơi trong công ty tại các địa điểm dễ quan sát, thường xuyên qua lại để cán bộ nhân viên dễ đọc lại và ghi nhớ.

Ban lãnh đạo công ty cũng đã thiết lập một đường dây nóng 24/7 về Đạo đức kinh doanh để thuận tiện cho việc tiếp nhận thông tin từ nhân viên, khách hàng và đại lý.

Ngoài ra, song song với định hướng trở thành một công ty toàn cầu, Everpia cũng có riêng một Chính sách Chống tham nhũng toàn cầu, áp dụng đối với tất cả các đơn vị thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của Everpia tại mọi quốc gia, mới mục tiêu đấu tranh với nạn tham nhũng, khôi phục niềm tin công chúng vào sự liêm chính của thị trường toàn cầu và thúc đẩy môi trường thương mại công bằng và cạnh tranh cho hoạt động kinh doanh.

Theo đó, Everpia nghiêm cấm hối lộ và tham nhũng trong tất cả các giao dịch kinh doanh của công ty, bất kể là với công ty tư nhân hay viên chức chính phủ. Phương án kiểm soát đưa ra là: i) Duy trì việc ghi chép và lưu giữ hồ sơ một cách đầy đủ và chính xác, trong một chế độ kế toán minh bạch và trung thực; ii) Thiết lập hệ thống kiểm soát kiểm toán nội bộ chặt chẽ, thường xuyên giám sát và đánh giá sự tuân thủ của nhân viên.

Văn bản cũng nêu định nghĩa cụ thể cho các khái niệm “bất cứ thứ gì có giá trị”, hay công bố về định nghĩa và yêu cầu thực hiện một cách minh bạch những giao dịch nhạy cảm như: Giảm giá, khấu trừ và chiết khấu; hay Quà tặng, khấu trừ trước và chiết khấu mà công ty cho phép trong phạm vi văn hóa kinh doanh để tránh sự nhầm lẫn với hành vi hối lộ tham nhũng.

Các chỉ số	
Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	GRI 205-1
Truyền thông và đào tạo về chính sách quy trình chống tham nhũng	GRI 205-2

2. Môi trường (GRI 300)

2.1. Vật liệu (GRI 301)

Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, Everpia đã chú trọng phát triển sản phẩm theo hướng chọn lọc các nguồn nguyên vật liệu tốt cho sức khỏe và hạn chế tác động lên môi trường, đồng thời yêu cầu các nhà cung cấp phải có sự chú ý nghiêm túc và đầy đủ tới môi trường bằng việc tuân thủ tiêu chuẩn Oeko-Tex.

Trong năm 2017, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp cụ thể liên quan đến việc cải tiến sản xuất trong khâu nguyên vật liệu, bao gồm:

- i) Bộ sưu tập chăn ga 2018 được thiết kế trên nền tảng sử dụng 04 chất liệu vải hiện đại bên cạnh chất liệu cotton truyền thống là: satin, tencel, modal và bamboo. Đây là những chất liệu thân thiện với môi trường, trong đó tencel và modal là các chất liệu vải sinh học cao cấp làm từ bột gỗ, tận dụng gỗ tái chế, giúp giảm thiểu phát thải ra môi trường mà vẫn đem lại trải nghiệm tuyệt vời cho người sử dụng.
- ii) Cán bộ nhân viên của Everpia cũng đã tự nghiên cứu cải tiến dây chuyền sản xuất đệm để đưa Everpia trở thành đơn vị đầu tiên sản xuất thẳng được mặt hàng đệm bông ép dày 18cm thay vì phải sử dụng hóa chất để dán chống 2 tấm đệm 9cm.
- iii) Trong ngành sản xuất bông tấm, cách thức sản xuất sử dụng keo không chứa formalin cũng đã được nghiên cứu và thử nghiệm thành công tại Everpia, nhằm giảm thiểu tối đa hóa chất trong quá trình sản xuất.
- iv) Năm 2018, Everpia sẽ chính thức sản xuất và phân phối các loại khăn và khăn lau làm từ chất liệu microfiber – các sợi xơ siêu mảnh và siêu nhỏ, có khả năng thấm hút tốt, độ bền cao và rất mềm mại, đặc biệt phù hợp với chức năng thấm khô, lau chùi.

Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng, vật liệu tái chế:

Một số loại nguyên vật liệu chính:

Loại nguyên liệu	Khối lượng	ĐVT
Xơ	4.989.525	kg
Resin	1.041.208	kg
Keo dán	7.081	kg
Vải	4.287.090	m
Túi	651.479	chiếc
Nhãn mác, catalogue	3.162.706	chiếc

Ngoài ra, công ty còn sử dụng gần 100 loại nguyên phụ liệu khác trong quá trình sản xuất, do đặc thù đa dạng về chủng loại sản phẩm với nhiều mẫu mã khác nhau.

Về vật liệu tái chế: Hiện tại, các nguyên liệu có thể tái chế được như bông, xơ làm đệm bông ép và bông tấm, hay sắt để làm đệm lò xo đều đang được tận dụng triệt để. Riêng đối với bông tấm làm từ xơ tái chế, Công ty đang hoàn thiện thủ tục xin cấp chứng chỉ RCS cho bông tái chế để xuất khẩu được những sản phẩm này cho tập khách hàng khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, gia tăng giá trị cho sản phẩm.

Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm:

Hướng tới phân khúc khách hàng mục tiêu là những người có thu nhập khá, Everpia mong muốn đem lại trải nghiệm tốt nhất cho người tiêu dùng, từ bao bì nhãn mác cho tới chất lượng sản phẩm. Vật liệu đóng gói sản phẩm chăn ga gối đệm được lựa chọn là túi nhựa trong, vừa lịch sự và bảo đảm an toàn cho các loại sản phẩm dễ bị ảnh hưởng bởi độ ẩm, vừa cho phép khách hàng có thể đánh giá trực quan màu sắc mẫu mã của sản phẩm bên trong. Túi nhựa có thể kết hợp với vải không dệt, hoặc nhựa giả da để tăng độ mềm và tính thẩm mỹ. Những túi nhựa được đầu tư kỹ lưỡng này cho phép người tiêu dùng có thể tái sử dụng bao bì cho nhiều mục đích khác, hoặc bảo quản sản phẩm cho những đợt sử dụng tiếp theo.

Với các đơn hàng đặt của khách hàng doanh nghiệp hoặc khách sạn, bao bì đóng gói sẽ theo yêu cầu của khách hàng. Với đơn hàng xuất khẩu, sản phẩm sẽ được đóng gói theo tiêu chuẩn xuất khẩu, với một lớp nilon bọc lót và đóng trong hộp các tông trước khi vận chuyển bằng container.

Việc sử dụng vật liệu đóng gói đã được Công ty tính toán kỹ lưỡng để vừa bảo quản tốt sản phẩm, vừa giảm lãng phí, hạn chế nhiều nhất tác động tiêu cực tới môi trường.

Các chỉ số	
Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	GRI 301-1
Vật liệu tái chế được sử dụng	GRI 301-2
Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	GRI 301-3

2.2. Năng lượng (GRI 302)

Cùng với biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng cũng đang là một vấn đề đáng quan ngại của nhiều quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Vì vậy, Everpia ý thức rất rõ sự cần thiết của việc sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn năng lượng nhằm giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Hai nguồn năng lượng chính được sử dụng tại Công ty là điện năng, xăng dầu và gas. Đo lường tại 3 nhà máy sản xuất của công ty tại Hưng Yên, Hà Nội và Đồng Nai, mức tiêu thụ năng lượng thực tế như sau:

	Lượng sử dụng năm 2017	Lượng sử dụng năm 2016	+/-
Điện (KW)	3.435.908	3.610.592	-174.684
Xăng (Lít)	73.845	71.160	2.685
Dầu (chạy xe + SX) (Lít)	554.629	569.225	-14.596
Gas (SX) (kg)	612.377	553.395	58.982

Tình trạng thiếu điện và cắt điện luân phiên vào mùa hè ảnh hưởng khá nhiều tới hoạt động sản xuất của công ty cũng như sức khỏe của CBNV. Để giải quyết bài toán này, ngoài việc chuẩn bị máy phát điện để phục vụ nhu cầu sản xuất liên tục, Công ty cũng chủ động dồn mạnh sản xuất vào thời gian trước và sau thời gian cao điểm mùa khô để giảm áp lực sản xuất trong thời gian nắng nóng, nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động, cũng như giảm áp lực tiêu thụ điện năng mùa cao điểm.

Sáng kiến và giải pháp tiết kiệm năng lượng:

Máy móc thiết bị:

- Định kỳ bảo trì bảo dưỡng để giảm thiểu việc tiêu thụ năng lượng.
- Sắp xếp máy móc hợp lý để tăng năng suất lao động, giảm thời gian vận hành.
- Nghiên cứu và tự chế tạo ra hệ thống giảm áp cho dây chuyền sản xuất bông tấm, giúp giảm tải cho hệ thống quạt hút cũng như hạn chế phân điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng.
- Sáng chế ra máy đóng bao tự động cho dây chuyền sản xuất bông hạt; máy lồng ruột chăn tự động giúp năng suất lao động tăng tương ứng 2,4 và 4 lần, giảm thời gian sản xuất và qua đó tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

Hệ thống chiếu sáng và điều hòa:

- Sử dụng toàn bộ đèn điện là đèn Compaq nhằm giảm lượng điện năng tiêu thụ
- Tắt toàn bộ hệ thống điện và điều hòa sau giờ làm việc (16h30' hàng ngày)
- Tắt điện trong các giờ nghỉ như: giờ ăn ca, giờ nghỉ giải lao giữa ca.

Điều phối xe:

Kết hợp các chuyến xe trên cùng tuyến đường để giảm quãng đường di chuyển.



Các chỉ số	
Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	GRI 302-1
Giảm tiêu hao năng lượng	GRI 302-4
Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	GRI 302-5

2.3. Nước (GRI 303)

Nguồn nước đầu vào của công ty đến từ 02 nguồn chính:

- Nguồn nước máy cung cấp bởi các công ty cấp thoát nước (Nhà máy Hà Nội + nhà máy Đồng Nai)
- Nguồn nước ngầm được xử lý qua hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư (Nhà máy Hưng Yên + nhà máy Hà Nội)

Do các nhà máy của Everpia đều được đặt trong các cụm/khu công nghiệp, nên hạ tầng nguồn nước cũng đã nằm trong quy hoạch của địa bàn, không gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái cũng như đời sống cộng đồng địa phương.

Lượng tiêu thụ nước máy:

Năm	2017	2016
Lượng tiêu thụ (m ³)	22.199	15.341



Với nguồn nước ngầm, việc khai thác của Công ty được thực hiện qua hệ thống giếng khoan, tuân thủ theo Giấy phép khai thác nước dưới đất, được cấp phép bởi Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương cho mỗi Nhà máy.

Do đặc thù sản xuất các sản phẩm nhạy với độ ẩm, lượng nước sử dụng trong sản xuất của Công ty gần như bằng không, chủ yếu là nước sinh hoạt, số lượng không nhiều. Vì vậy, việc đầu tư hệ thống tuần hoàn và tái sử dụng nước không mang lại nhiều ý nghĩa, trong khi chi phí đầu tư khá lớn.

Thay vào đó, chúng tôi tập trung vào các biện pháp hạn chế lãng phí nguồn nước sử dụng, cụ thể:

- Tuyên truyền ý thức tiết kiệm nước đến từng cán bộ nhân viên. Ghi nhận và đánh giá thái độ hành vi của cán bộ nhân viên trong công tác đánh giá nhân sự để nâng cao ý thức của CBNV.
- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh; định kỳ duy tu bảo dưỡng hệ thống giếng khoan và hệ thống cấp thoát nước nội bộ để tăng hiệu suất sử dụng, đảm bảo chất lượng nước, giảm lãng phí nước.

2.4. Nước thải và chất thải (GRI 306)

Là một công ty sản xuất ra sản phẩm chăm sóc sức khỏe, chúng tôi cực kỳ chú trọng đến việc bảo đảm sức khỏe con người, trong đó có công tác quản lý và xử lý nước thải và chất thải.

Tại mỗi nơi có nhà máy của Everpia hoạt động, chúng tôi đều nghiên cứu rất kỹ về tác động môi trường trước khi chính thức thực hiện, thông qua các Đề án bảo vệ môi trường và Bản cam kết bảo vệ môi trường, được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân cấp huyện tại địa phương.

Với mục tiêu hướng tới sản xuất có trách nhiệm, chúng tôi đã thuê riêng một bên tư vấn có chuyên môn, như Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ môi trường, hay Viện công nghệ mới trực thuộc Viện Khoa học và công nghệ, để tư vấn chuyên sâu về cách thức tổ chức sản xuất sao cho hạn chế ảnh hưởng tới môi trường tại địa bàn, các tác động tiềm ẩn tới môi trường và các biện pháp giảm thiểu tác động. Trong đó, các nội dung về nước thải và chất thải được mô tả hết sức chi tiết, từ giai đoạn xây dựng công ty cho đến khi công ty đi vào hoạt động ổn định, đi kèm với từng biện pháp ứng phó cụ thể.

Các chỉ số	
Lượng nước đầu vào theo nguồn	GRI 303-1
Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	GRI 303-2
Tuần hoàn và tái sử dụng nước	GRI 303-3

Các chỉ số	
Tổng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải	GRI 306-1
Sự cố tràn đáng kể	GRI 306-3
Vận chuyển chất thải nguy hại	GRI 306-4
Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi tổng lượng nước thải và/hoặc dòng nước thải	GRI 306-5

Công ty cũng đã ban hành và phổ biến Quy trình hướng dẫn phân loại, quản lý chất thải theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, trong đó phân định rõ trách nhiệm của mỗi phòng ban, bộ phận trong việc phân loại và xử lý rác thải. Quy trình này đã được truyền thông cận kề đến từng cán bộ nhân viên để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cả tập thể.

Định kỳ hàng năm, công ty tiến hành quan trắc môi trường định kỳ một cách toàn diện, nhằm phát hiện sớm những nguy cơ tiềm ẩn về môi trường, theo dõi và quản lý các tác động môi trường một cách kịp thời.

Với những cố gắng và nỗ lực của mình trong công tác quản lý tác động môi trường, Everpia đã được tổ chức chứng nhận đa quốc gia NQA cấp chứng nhận hệ thống quản lý môi trường đạt chuẩn BS EN ISO 14001:2004 cho toàn bộ 3 nhà máy, hiệu lực từ năm 2015 đến tháng 9 năm 2018.

Phương pháp quản lý

Đối với nước thải:

Everpia luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Căn cứ thực tế hoạt động, chúng tôi đã đăng ký lưu lượng xả nước thải với Sở tài nguyên và Môi trường tại địa phương và được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Do đặc thù của hoạt động sản xuất, nước thải của công ty hầu hết là nước thải sinh hoạt - phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ công nhân viên và nước mưa chảy tràn.

Với nước mưa, Công ty đã đầu tư hệ thống thoát nước hợp lý tại mỗi nhà máy. Mặt bằng công ty được thiết kế với độ dốc từng phần hợp lý, độ dốc toàn phần 2%, để nước mưa chảy tràn đều được thu xuống cống. Cống thoát nước có song chắn rác, hệ thống rãnh có nắp đậy và tách riêng khỏi hệ thống thoát nước sinh hoạt, đảm bảo hạn chế ngập úng trong khu vực công ty và không làm ảnh hưởng tới sự tiêu thoát nước của các khu vực lân cận.

Với nước thải sinh hoạt, công ty đã đầu tư một hệ thống bể xử lý nước thải quy mô với sự tư vấn và trực tiếp thi công bởi một đơn vị chuyên trách về xây dựng các công trình liên quan đến môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn như sau: nước thải được tập trung dẫn về bể điều hòa nhằm phân tầng nước thải, xử lý Nito qua bể sinh học thiếu khí anoxic, sau đó được sục khí tại bể sinh học hiếu khí aerotank nhằm oxy hóa các vi sinh vật hữu cơ thành bùn hoạt tính. Phần nước được xử lý sẽ được để lắng qua bể lắng và cuối cùng được khử trùng bằng Cloramin nồng độ 0.5% trước khi chảy ra hệ thống mương rãnh thoát nước chung của khu vực.

Cặn bã sau quá trình xử lý sẽ được xe vệ sinh đến hút và đưa đi xử lý tại khu vực chuyên biệt. Kết quả thử nghiệm của Viện sức khỏe nghề nghiệp và môi trường và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 đối với mẫu nước thải sinh hoạt đã qua xử lý từ hệ thống xử lý nước thải cho thấy, nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT. Vì vậy, nước thải của công ty không gây ảnh hưởng lớn tới hệ thống chứa nước nguồn nhận.



Đối với chất thải rắn:

Chất thải rắn của Công ty đến từ hai nguồn chính: i) Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên như: các loại chai lọ, giấy vụn, thực phẩm thừa,... ii) Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất, bao gồm: bông/vải/chỉ vụn, bìa carton, dây đai, lõi chỉ,...

Các nguyên phụ liệu vụn, thừa, bỏ từ quá trình sản xuất sẽ được các phân xưởng phân loại và thu gom hàng ngày sau ca làm việc, và hàng tuần sẽ được tổng kết bán cho Công ty thu mua phế liệu công nghiệp để tái chế thông qua Hợp đồng thu mua phế liệu công nghiệp.

Với các rác thải sinh hoạt, Công ty bố trí nhiều thùng rác để thu gom rác, đồng thời tăng cường tuyên truyền ý thức vứt rác đúng nơi quy định cho các cán bộ nhân viên. Cuối mỗi ngày làm việc, tổ lao công sẽ đi vệ sinh lại toàn bộ khu vực sản xuất và văn phòng, đồng thời thu gom rác từ các thùng rác để chuyển ra khu tập kết rác thải của Công ty. Riêng với thức ăn thừa và các rác thải hữu cơ từ nhà ăn, hàng ngày bếp ăn sẽ thu gom lại và bán cho một đơn vị tư nhân để làm thức ăn chăn nuôi. Công ty cũng ký một hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đối với các loại rác thải sinh hoạt còn lại với một đối tác chuyên trách để xử lý theo đúng quy định.

Đối với chất thải nguy hại

Với tiêu chí sản xuất và tiêu dùng phải an toàn, Công ty cam kết hoàn toàn không sử dụng hóa chất trong toàn bộ quá trình sản xuất chăn ga gối đệm. Riêng màng bông tấm, do đặc thù sản phẩm nên một số ít dòng sản phẩm cần sử dụng keo dính để sản xuất.

Vì vậy, chất thải nguy hại của Công ty phát sinh rất ít, hầu hết là bóng đèn, hộp mực in, dầu máy, giẻ lau dính dầu máy. Tất cả những chất thải nguy hại này đã được Công ty đăng ký Chủ nguồn thải với Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương, đồng thời ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại riêng với Công ty chuyên trách để thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động.

Việc phân loại chất thải thường và chất thải nguy hại cũng được thực hiện bởi hai tầng kiểm soát: i) cán bộ công nhân viên tự phân loại vào 2 thùng rác: rác thải thông thường và rác thải nguy hại; ii) cuối ngày bộ phận lao công sẽ thu gom và rà soát phân loại lại một lần nữa. Rác thải sau khi được phân loại sẽ được chuyển qua kho chứa chất thải, trong đó mỗi loại rác thải được phân một khu vực chứa riêng, và định kỳ hàng tháng sẽ được Công ty xử lý chất thải mang xe chuyên dụng đến chở ra địa điểm xử lý chất thải của đơn vị này. Tại đây, tùy theo đặc tính của từng loại chất thải, chúng sẽ được tái chế, phân tách, hóa rắn hoặc thiêu hủy, chôn lấp để hạn chế ảnh hưởng tới môi trường.

Định kỳ 06 tháng, Công ty thực hiện tổng hợp thông tin và báo cáo việc quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương.

Bụi, khí thải và tiếng ồn

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển hàng hóa hoặc quá trình sản xuất như: bụi vải qua các khâu cắt, may, chần, hay bụi bông trong quá trình đánh toi bông, thổi bông vào ruột chăn, ruột gối.

Với 25 chiếc xe tải cùng 7 xe con và 3 xe bus đưa đón CBNV hoạt động liên tục, lượng bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển hàng hóa là khá lớn. Để đáp ứng được nhu cầu vận chuyển cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giảm thiểu được tác động tiêu cực tới môi trường, Everpia đã thực hiện đồng bộ các giải pháp: i) Các phương tiện vận tải sẽ được kiểm tra phát thải khí theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6438-2001. ii) Tưới nước làm ẩm khu vực trong công ty và cổng công ty nhằm hạn chế bụi.

Để xử lý bụi bông, Công ty đã lắp đặt hệ thống hút bụi đồng bộ tại xưởng bông. Với xưởng ruột, công ty trang bị những tấm ráp lớn kết hợp với quạt thông gió để hút bụi bông bay trong không khí.

Tiếng ồn cũng là một vấn đề môi trường được quan tâm tại Everpia. Ngoài việc trang bị nút bịt tai cho các công nhân viên trực tiếp làm việc tại nơi có độ ồn cao như xưởng thêu, xưởng chần, chúng tôi đã nghiên cứu cách lắp đặt và bảo dưỡng máy móc để giảm thiểu độ ồn, rung như: tăng chiều sâu móng cho máy, lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, và định kỳ kiểm tra độ mòn, thay dầu bôi trơn cho máy.

Sự cố tràn đáng kể

Do đặc thù ngành sản xuất, công ty không sử dụng số lượng lớn dầu, nhiên liệu, hóa chất. Vì vậy không xảy ra sự cố tràn đáng kể.

| 2.5. Tuân thủ về môi trường (GRI 307)

Everpia cam kết luôn tuân thủ các quy định về môi trường. Các yêu cầu về đăng ký chủ nguồn thải, hay xin cấp phép khai thác nguồn nước hoặc xả thải đều được thực hiện nghiêm túc.

Định kỳ 06 tháng, Công ty thực hiện báo cáo về việc thực hiện giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, báo cáo quản lý chất thải nguy hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo đúng quy định.

Từ năm 2015 cho đến nay, Công ty không vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào về môi trường và không chịu bất kỳ khoản phạt hành chính nào liên quan, khẳng định cam kết mạnh mẽ của ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên.

| 3. Xã hội (GRI 400)

Ngoài vấn đề môi trường, vấn đề xã hội cũng được Everpia đặc biệt chú trọng. Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (BSCI) được lựa chọn làm kim chỉ nam cho các hoạt động văn hóa – xã hội của Công ty.



Việc lựa chọn một bộ quy tắc ứng xử có tiêu chuẩn cao, mang tầm quốc tế thể hiện quyết tâm cao độ của ban lãnh đạo công ty trong việc xây dựng một môi trường làm việc chuẩn mực, văn minh và dân chủ cho người lao động.

Năm 2015, Everpia đã được xếp hạng A – thứ hạng cao nhất về tuân thủ trong bộ tiêu chuẩn BSCI, với đánh giá hạng A cho tất cả 13 khoản mục cấu phần.

Tháng 3/2018, Everpia tiếp tục duy trì được xếp hạng A trong đợt đánh giá tiếp theo, hiệu lực đến 8/10/2019.

| 3.1. Việc làm (GRI 401)

Nguồn nhân lực có chất lượng là nền tảng cơ bản cho sự tồn tại và phát triển bền vững của cả Doanh nghiệp. Vì vậy Everpia tập trung phát triển nguồn nhân lực dựa trên 03 yếu tố: i) Chế độ đãi ngộ cạnh tranh; ii) Môi trường làm việc thân thiện, công bằng; iii) Lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng.

Các chỉ số	
Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	GRI 401-1
Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	GRI 401-2
Nghỉ thai sản	GRI 401-3

Nhờ đó, thâm niên bình quân của toàn bộ nhân viên Everpia là 6,82 năm, số lượng cán bộ công nhân viên có thâm niên cao trên 5 năm tại Everpia đạt tới 53%, trên 3 năm đạt 63%. Đây là những con số ấn tượng so với bình quân ngành may mặc tại Việt Nam.

Ngoài việc phát triển hoạt động kinh doanh nhằm cải thiện mức sống và điều kiện làm việc cho CBNV, đối với mỗi nhân viên nghỉ việc, Công ty đều tiến hành khảo sát ý kiến để xác định lý do cụ thể, nhằm hoàn thiện hóa môi trường làm việc và chế độ phúc lợi cho nhân viên. Trong năm 2017, Everpia tuyển mới 186 nhân viên, trong khi số lượng nghỉ việc là 224 nhân viên, tương ứng tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện là 17,2%. Thực tế, bắt đầu từ năm 2017, Công ty bắt đầu đẩy mạnh quá trình cải tổ sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả lao động. Do đó, xu hướng tinh gọn hóa bộ máy nhân sự có thể sẽ tiếp diễn trong thời gian tới.

Với đặc thù là công ty sản xuất hàng may mặc, tỷ lệ lao động nữ chiếm áp đảo, lên tới 57,7%, tương đương 752 người, và lao động nam chiếm 42,3%. 100% cán bộ nhân viên được phép nghỉ thai sản theo đúng quy định, bao gồm cả nhân viên nam và nhân viên nữ. Tỷ lệ quay lại làm việc sau thai sản chiếm 98%, đồng thời nhân viên được hỗ trợ tiền gửi trẻ 100.000 VNĐ/tháng cho đến khi trẻ bắt đầu vào tiểu học.



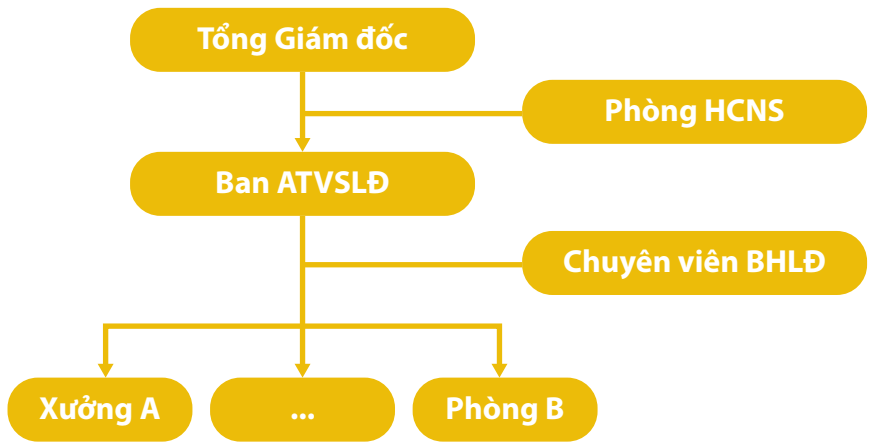
Với nhân viên chính thức, ngoài đãi ngộ bằng chế độ lương thưởng cơ bản thì sẽ được hưởng thêm các phúc lợi sau: i) phụ cấp trách nhiệm đối với những công việc đòi hỏi trách nhiệm cao; ii) Hỗ trợ tiền gửi xe máy 3.000 VNĐ/ngày; iii) Phụ cấp đi lại 10.000 VNĐ/ngày đối với công nhân; iv) Phụ cấp thâm niên cho CBNV từ 02 năm thâm niên trở lên; v) Phụ cấp chuyên cần; vi) Phụ cấp điện thoại; vii) Phụ cấp thu hút cho những cá nhân đặc biệt xuất sắc về làm việc tại công ty; viii) Phụ cấp độc hại, nguy hiểm áp dụng cho các công việc lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ix) Phụ cấp con nhỏ 100.000 VNĐ/tháng/cháu.

Ngoài ra, căn cứ trên việc đánh giá kết quả và thái độ trong công việc, hàng năm Công ty đều có đợt thưởng cho nhân viên xuất sắc có thành tích vượt trội, hoặc thưởng nóng cho những cán bộ nhân viên có cải tiến lớn trong công việc hay hành vi đặc biệt đáng tuyên dương. Điển hình như trong năm 2017, với sáng kiến chế tạo ra máy lồng ruột chần dành cho bông không kết dính giúp tăng 400% năng suất, bộ phận sản xuất ruột và cơ điện của Công ty đã được thưởng 10 triệu đồng, và tuyên dương trước toàn thể công ty.

3.2. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (GRI 403)

Là một công ty sản xuất, an toàn lao động là ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý hành chính nhân sự của Everpia. Chúng tôi đã tổ chức một bộ máy làm công tác an toàn vệ sinh lao động với sự tham gia của các cấp quản lý công ty, đại diện Công đoàn cho tới từng phòng ban, xưởng sản xuất. Mô hình cụ thể như sau:

Các chỉ số	
Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	GRI 403-1
Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	GRI 403-2
Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	GRI 403-3



Trong đó: Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo việc thành lập và định hướng hoạt động cho Ban An toàn Vệ sinh Lao động. Phòng Hành chính nhân sự là bộ phận tham mưu cho Tổng Giám đốc, và trực tiếp hỗ trợ các công tác thường trực cho ban An toàn vệ sinh lao động.

Thành viên của Ban ATVSLĐ gồm 2 đại diện của Công đoàn, trưởng phụ trách của một số phòng ban và xưởng sản xuất, cũng một số thành viên của phòng Hành chính nhân sự. Ban này sẽ cử ra một hoặc một tổ chuyên viên Bảo hộ lao động, chuyên phụ trách các công tác liên quan đến cấp phát, rà soát và giám sát việc sử dụng công cụ bảo hộ lao động trong sản xuất, và báo cáo các vụ tai nạn lao động (nếu có). Chuyên viên Bảo hộ lao động được quyền nhắc nhở, hoặc tạm đình chỉ làm việc trong trường hợp khẩn cấp đối với những người lao động không tuân thủ các quy tắc an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt là bảo hộ lao động.

Trưởng các phòng ban, bộ phận sản xuất có trách nhiệm phối hợp với Ban ATVSLĐ để truyền thông, đôn đốc cán bộ nhân viên của mình tuân thủ các quy tắc an toàn vệ sinh lao động.

Với cơ cấu sâu sát như trên, ban ATVSLĐ có thể phát huy tối đa vai trò quản lý, điều phối và giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trên toàn bộ công ty.



Các hoạt động liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp được chia thành 3 mảng chính:
i) Truyền thông đào tạo và đánh giá;
ii) Khám sức khỏe cho CBCNV;
iii) Đảm bảo vệ sinh nơi làm việc và ăn uống.

Về công tác truyền thông, đào tạo và đánh giá: Mỗi người lao động bắt đầu làm việc tại Everpia đều được công ty cấp phát đồ bảo hộ lao động tùy theo vị trí công việc đảm nhận, ví dụ: lao công sẽ được phát áo đồng phục, găng tay bông, khẩu trang, tấm đỡ đầu gối và khuỷu tay; hay đội cơ điện sẽ được cấp găng tay sắt, quần áo, giày bảo hộ lao động, mũ và khẩu trang để lắp và sửa máy; công nhân xưởng thù được cấp quần áo đồng phục, nút bịt tai cao su, khẩu trang để hạn chế tác động tiếng ồn. Phòng Hành chính nhân sự kết hợp cùng với Ban ATVSLĐ định kỳ tổ chức truyền thông về ý thức an toàn vệ sinh lao động cho các cán bộ công nhân viên, bao gồm việc sử dụng các công cụ bảo hộ lao động để bảo vệ sức khỏe, nâng cao ý thức cẩn trọng đối với các công việc nặng nhọc, có nguy cơ mất an toàn cao. Chuyên viên bảo hộ lao động rà soát định kỳ hàng tuần hoặc đột xuất việc tuân thủ của người lao động, báo cáo ban ATVSLĐ để có những giải pháp điều chỉnh hợp lý. Các nội dung quan trọng về an toàn vệ sinh lao động được tóm lược và trích dẫn trong bản Nội quy lao động, được phát cho toàn bộ nhân viên mới và treo ở các địa điểm hay qua lại như nhà ăn, xưởng, cổng ra vào công ty để các cán bộ nhân viên dễ đọc và ghi nhớ.

Công tác đào tạo: hàng năm Công ty đều thuê một đơn vị tư vấn chuyên môn về triển khai đào tạo đại trà toàn công ty về an toàn vệ sinh lao động, Tổng Giám đốc Lee Jae Eun cũng là một học viên của chương trình này. Sau đào tạo, các thành viên tham gia sẽ được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa huấn luyện. Sự tham gia của Tổng Giám đốc đã khẳng định ưu tiên đặc biệt của Everpia đến công tác an toàn, vệ sinh cho người lao động. Ngoài ra, định kỳ hàng năm Công ty cũng mời một bên thứ ba đến trực tiếp tại Công ty để đào tạo thêm về các nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, sơ cứu y tế để kịp thời ứng phó với sự cố và tai nạn lao động. Các đầu bếp được đào tạo riêng về an toàn thực phẩm, cách phối đồ ăn để tránh ngộ độc thực phẩm. Các cán bộ kỹ thuật trực tiếp tác nghiệp được đào tạo bài bản và kỹ lưỡng về quy trình sử dụng máy, phương pháp ứng phó khi gặp sự cố cơ bản nhằm tránh được những rủi ro về sức khỏe.

Công tác đánh giá được thực hiện thường xuyên bởi phòng Hành chính nhân sự với sự hỗ trợ của ban ATVSLĐ. Bộ phận HCNS lập sổ theo dõi công tác an toàn lao động – vệ sinh lao động cho từng năm, ghi nhận lịch sử đào tạo cho các CBCNV và theo dõi các sự kiện, sự cố phát sinh, ghi nhận các nhân viên có ý thức tốt hoặc ý thức kém để phục vụ đánh giá nhân sự cuối năm.



Về vấn đề thăm khám sức khỏe:

Các CBCNV khi được tuyển dụng phải đảm bảo có đủ sức khỏe để lao động thông qua việc xuất trình giấy khám sức khỏe. Đồng thời, định kỳ hàng năm, công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm liên tục theo dõi tác động của công việc đến sức khỏe người lao động, đánh giá những rủi ro tiềm ẩn và có những điều chỉnh công việc phù hợp với sức khỏe của mỗi CBCNV. Riêng với người lao động làm các công việc nặng nhọc độc hại, Công ty sẽ triển khai thêm 01 đợt kiểm tra sức khỏe nữa vào giữa kỳ do đặc thù công việc này có thể phát sinh những ảnh hưởng nghiêm trọng hơn các công việc thông thường. Tất cả những chi phí này đều được Everpia chi trả. Tính đến thời điểm hiện tại, qua kết quả của các đợt khám bệnh, Công ty chưa ghi nhận trường hợp nào người lao động bị mắc bệnh nghề nghiệp nghiêm trọng.

Về công tác đảm bảo an toàn và vệ sinh nơi làm việc:

Tại các xưởng sản xuất, các hướng dẫn về tiêu chuẩn 5S được dán ở nhiều nơi để các CBCNV có thể dễ dàng đọc và làm theo, đồng thời hướng các bộ phận sản xuất sau khi được đào tạo bắt buộc về 5S sẽ có trách nhiệm phổ biến lại, hướng dẫn thực hành 5S trong các hoạt động thực tế cụ thể. Tại bếp ăn tập thể, tất cả các nguyên liệu nấu ăn đều được mua từ các cơ sở tư nhân có đủ Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, hay chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với sản phẩm thịt. Thùng rác được bố trí thuận tiện cho việc sử dụng, và tất cả các nhân viên được yêu cầu vứt rác đúng nơi quy định.

Nhờ những nỗ lực liên tục nói trên, trong năm 2017, tại Everpia không ghi nhận trường hợp tai nạn lao động nào nghiêm trọng.

Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn:

Công đoàn trong Công ty cổ phần Everpia cũng có tiếng nói quan trọng trong công ty. Công đoàn đã lấy ý kiến tập thể, và đại diện Công đoàn đã cùng lãnh đạo công ty ký Thỏa ước Lao động tập thể, trong đó quy định rõ những cam kết của mỗi bên khi tham gia vào quan hệ lao động tại Everpia. Trong thỏa thuận này, nội dung về sức khỏe và an toàn lao động được đề cập trong Điều 4 về Trách nhiệm và nghĩa vụ của Người lao động và Người sử dụng lao động.

3.3. Giáo dục và đào tạo (GRI 404)

Bên cạnh việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, công tác giáo dục đào tạo là cực kỳ quan trọng trong việc rèn giũa và giữ chân các nhân sự chủ chốt.

Với bộ phận sản xuất, các nhân viên mới sẽ được huấn luyện trực tiếp để làm quen với thực tế công việc. Khi ra một mẫu sản phẩm mới, công nhân cũng sẽ được đào tạo thực địa để thực hành.

Với bộ phận văn phòng, tất cả nhân viên mới sẽ được tham gia một khóa đào tạo tân tuyển trong thời gian 03 ngày. Trong khóa đào tạo này, các bạn mới sẽ được tiếp xúc và làm quen với các phòng ban, tìm hiểu về công việc của mỗi phòng ban, quy trình tương tác trong công việc và văn hóa công ty. Sau đó, mỗi nhân viên sẽ được đào tạo trực tiếp tại phòng ban của mình về nghiệp vụ chuyên môn. Đây là một hướng đào tạo rất bổ ích, vì khóa đào tạo sẽ cho nhân viên tân tuyển một cái nhìn tổng quát về công ty, dòng lưu chuyển công việc, và đặc biệt là làm quen với văn hóa doanh nghiệp trước khi đi vào chi tiết công việc.

Một số nhân viên xuất sắc được lãnh đạo công ty xác định sẽ là nhân sự cốt cán và là thế hệ lãnh đạo kế cận sẽ được cử đi đào tạo tại Hàn Quốc. Đây là một trong những đầu tàu phát triển của khu vực Châu Á, và các nhân viên sẽ được học hỏi thêm về kỹ năng quản lý cũng như kiến thức chuyên môn ngành. Bình quân mỗi năm sẽ có 1-2 suất học bổng như vậy được công ty tài trợ cho nhân viên.

Định kỳ cuối mỗi năm, công ty sẽ triển khai đánh giá hiệu quả công việc cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, và bình bầu nhân viên xuất sắc. Việc đánh giá sẽ được thực hiện qua 2 bước: i) bản thân tự đánh giá và ii) quản lý trực tiếp đánh giá và xếp hạng lao động. Với bộ phận bán hàng, việc đánh giá sẽ căn cứ phần lớn vào chỉ tiêu tài chính là doanh số bán hàng. Nhờ vậy, việc đánh giá và xếp hạng nhân viên được thực hiện một cách minh bạch và công bằng, góp phần khuyến khích sự cố gắng của cán bộ nhân viên và tăng cường sự gắn bó với công ty.

Các chỉ số	
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	GRI 404-1
Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	GRI 404-2
Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	GRI 404-3

3.4. Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng (GRI 405)

Bình đẳng giới đang là một vấn đề xã hội rất được quan tâm tại Việt Nam. Đã có nhiều hàng lang pháp lý chính thống cũng như các phong trào lớn ủng hộ bình đẳng giới, đặc biệt là công bằng cho nữ giới. Tại Everpia, một môi trường có tới 57,7% là phụ nữ, từ lâu đã không còn khái niệm phân biệt giới tính trong công việc. Tỷ lệ lao động nữ nắm các vị trí quản lý từ trưởng phòng trở lên đạt 54%; từ trưởng nhóm trở lên đạt 45%, cụ thể:

Bảng cơ cấu lao động theo vị trí quản lý, nhóm tuổi và giới tính:

Chỉ tiêu	Nam	Nữ	Tổng cộng
Nhân viên	407	633	1044
Dưới 25 tuổi	82	133	215
Từ 25-30	91	137	228
Từ 30-40	109	187	300
Từ 40-50	81	157	238
Trên 50	44	19	63
Quản lý từ trưởng nhóm đến trưởng phòng	101	71	176
Dưới 25 tuổi	1		1
Từ 25-30	13	24	37
Từ 30-40	34	31	69
Từ 40-50	46	15	61
Trên 50	7	1	8
Quản lý từ trưởng phòng trở lên	38	45	83
Từ 25-30	5	2	7
Từ 30-40	13	31	44
Từ 40-50	11	11	22
Trên 50	9	1	10
Tổng cộng	546	749	1303



Từ bảng trên có thể thấy, cơ hội phát triển nghề nghiệp tại Everpia là tương đối bình đẳng cho tất cả mọi người, không phụ thuộc nhiều vào giới tính và độ tuổi. Ban lãnh đạo luôn theo dõi sát sao mọi cố gắng và nỗ lực của nhân viên, kịp thời ghi nhận và động viên những cán bộ có thành tích tốt và năng lực vượt trội.

Thù lao mỗi người được tính căn cứ trên khối lượng trách nhiệm công việc đảm nhận, và sẽ được điều chỉnh hàng năm theo mức độ hoàn thành công việc.



3.5. Tự do lập hội, quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể (GRI 407)

Tại Everpia, người lao động được quan tâm và trao quyền dân chủ. Chúng tôi có những quy định rõ ràng về Quy chế dân chủ cơ sở ở nơi làm việc, theo đó, Công ty sẽ phải công khai thông báo cho người lao động về: i) Phương hướng, kế hoạch và tình hình hoạt động kinh doanh và đầu tư, các chủ trương lớn về thay đổi phương thức quản lý và chuyển đổi doanh nghiệp; ii) Nội quy, quy chế, quy định, các chính sách về lương thưởng phúc lợi liên quan đến người lao động; iii) Thỏa ước lao động tập thể; iv) Việc trích lập và sử dụng các quỹ do người lao động đóng góp, mức phí Công đoàn và các loại bảo hiểm.

Người lao động có quyền cho ý kiến và quyết định nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể của công ty, cũng như tự do tham gia tổ chức Công đoàn, tổ chức nghề nghiệp khác.

Hình thức thực hiện quyền dân chủ là định kỳ và thường xuyên tổ chức đối thoại giữa ban lãnh đạo công ty với người lao động, hay tổ chức Hội nghị người lao động để tổng hợp ý kiến cho Công đoàn, bên cạnh việc duy trì Hộp thư góp ý và Đường dây nóng nội bộ của công ty. Chúng tôi cũng có những hướng dẫn cụ thể về Quy chế Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, và Quy chế hội nghị người lao động để thuận tiện và dễ dàng trong thực tế triển khai.

Những quy chế này được thống nhất với Công đoàn và lấy ý kiến biểu quyết của người lao động trước khi được chính thức ban hành. Theo đó, việc đối thoại được thực hiện tối thiểu hàng quý, với các nội dung cơ bản như: cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, trao đổi các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, điều kiện làm việc, hay các yêu cầu khác từ người lao động hoặc người sử dụng lao động. Trường hợp có vấn đề đột xuất phát sinh mà một trong hai bên yêu cầu cuộc đối thoại đột xuất, hai bên sẽ phải thu xếp tiến hành họp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày được yêu cầu.

Như vậy có thể thấy, nhân viên của Everpia được trao đầy đủ các quyền về dân chủ để có thể phát huy tối đa tiếng nói của tập thể, cùng hướng tới xây dựng một tổ chức vững mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

3.6. Cộng đồng địa phương (GRI 413)

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong những sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được sẽ chia mới có thể là thành công bền vững.

Tùy vào kết quả kinh doanh hàng năm, Everpia đều triển khai các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và an sinh xã hội, trong đó tập trung phần lớn vào lĩnh vực giáo dục – đầu tư cho thế hệ mầm non của đất nước. Năm 2017, ngoài những suất học bổng và bộ bàn ghế được gửi tặng các em học sinh tại nhiều địa phương trên cả nước, trong dịp tết nguyên đán Mậu Tuất vừa rồi, Công ty đã phát tặng gần 100 tấm chăn ấm tình thân cho người vô gia cư trên địa bàn Hà Nội với mong muốn được san sẻ một cái tết ấm áp đến cho nhiều người hoàn cảnh khó khăn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.



3.7. Sức khỏe và an toàn của khách hàng (GRI 416)

Tiêu chí sức khỏe và an toàn của khách hàng là tiêu chí hàng đầu xuyên suốt toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Everpia. Vì 1/3 thời gian cuộc đời của mỗi người gắn liền với chiếc giường và chăn ga gối đệm, nên chúng tôi hiểu rất rõ trách nhiệm của mình và do đó, đã đặt ra những yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm, từ khâu thiết kế, chọn nguyên liệu đầu vào cho tới khâu bảo quản sản phẩm.



Các chỉ số	
Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	GRI 416-1

Từ khâu thiết kế, Everpia đã ưu tiên lựa chọn những chất liệu thân thiện với người sử dụng như vải tencel, cotton,... được mua từ những nhà cung cấp chọn lọc, đáp ứng được yêu cầu về sức khỏe và môi trường theo chứng chỉ Oeko-tex. Nguyên liệu mua về được bảo quản trong kho nguyên liệu, được trang bị hệ thống hút ẩm, quạt gió và nhiệt độ đạt chuẩn. Khâu sản xuất cũng được thực hiện trong điều kiện vệ sinh lao động khắt khe. Với sản phẩm bông gòn làm ruột chăn ruột gối và bông tấm, công ty lắp đặt máy dò kim loại để loại bỏ những mảnh sắt còn sót lại, đảm bảo không mang lại cảm giác khó chịu cho khách hàng. Sản phẩm sau khi hoàn thiện được kiểm soát lại một lần nữa qua bộ phận kiểm tra chất lượng để loại bỏ những sản phẩm không đủ tiêu chuẩn.

Công tác đào tạo về tay nghề cũng như ý thức sản xuất có trách nhiệm cũng được chú trọng. Vì vậy, tất cả nhân viên của Everpia đều luôn tâm niệm về việc làm ra những sản phẩm có chất lượng, tốt cho sức khỏe của người sử dụng.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư vào hoạt động nghiên cứu phát triển, nhằm đem lại các sản phẩm có tiện ích cao cho người sử dụng, và ưu việt hơn trong việc chăm sóc sức khỏe khách hàng. Ví dụ như sản phẩm ruột gối Everon ADVANSA ULTRA được kết hợp một lớp than hoạt tính, tăng cường tính năng kháng khuẩn, chống nấm, ngừa vật ký sinh; hay sản phẩm gối chống ngáy Everon được làm bằng bông hạt, thiết kế với độ lõm nhất định giúp ngăn chặn cơn ngáy; sản phẩm gối Latex có phần gờ đỡ cổ, giúp nâng đỡ và mát xa cổ trong khi ngủ; phát triển đa dạng các sản phẩm đệm gồm đệm lò xo, đệm lò xo túi, đệm cao su, đệm sóng, đệm than hoạt tính,... với nhiều ưu điểm khác nhau đáp ứng được nhu cầu sử dụng của khách hàng.

3.8. Tiếp thị và nhãn hiệu (GRI 417)

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt, hàng giả hàng nhái trở thành một vấn nạn của toàn xã hội, Everpia hiểu mình có trách nhiệm phải bảo vệ người tiêu dùng và khách hàng của mình bằng cách minh bạch và tiêu chuẩn hóa nhãn hiệu sản phẩm, cũng như đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, truyền thông về sản phẩm chính hãng để người tiêu dùng có đầy đủ thông tin và lựa chọn.

Nhãn hiệu sản phẩm dịch vụ

Mỗi sản phẩm chính hãng của Everpia đều có tiêu chuẩn nhãn hiệu và được nhận diện rõ ràng. Nhãn hiệu gồm 5 phần:

i) **Mác thương hiệu:** Gồm 1 mác lớn bằng giấy bọc ngoài bao bì, gồm thông tin nhãn hiệu và tên sản phẩm (như ga chun hay ga chun trần,...) để khách hàng dễ nhận diện, và 1 mác nhỏ bằng vải được may vào mép sản phẩm. Mác nhỏ được thêu hình nhãn hiệu, ví dụ như Everon, Artemis,... để hạn chế bị làm giả.

ii) **Mã vạch:** Được dán trên mác hoặc bao bì sản phẩm, dùng để thống kê trong hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty, niêm yết giá bán, đồng thời là căn cứ để khách hàng có thể kiểm tra xem đây có phải sản phẩm chính hãng hay không. Đây là một biện pháp quan trọng trong việc ngăn ngừa hàng giả hàng nhái, bảo vệ người tiêu dùng.

Các chỉ số	
Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	GRI 417-1
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	GRI 417-4
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	GRI 417-5



iii) **Tem kiểm định chất lượng (Quality Pass):** Là tấm thẻ nhỏ bằng giấy cứng, xác nhận việc hàng hóa đã được thẩm định qua bộ phận Kiểm tra chất lượng của Công ty và đủ tiêu chuẩn lưu thông.

iv) **Thông tin sản phẩm:** Được in trên nền vải trắng và may vào mép sản phẩm. Thông tin bao gồm: tên sản phẩm, chất liệu, kích cỡ, tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ của công ty.

v) **Hướng dẫn sử dụng:** Được in trên nền vải trắng và may vào mép sản phẩm, nội dung hướng dẫn khách hàng cách sử dụng, vệ sinh và bảo quản sản phẩm để đạt được độ bền và chất lượng tối đa.

Nhãn hiệu được thực hiện đầy đủ cho từng sản phẩm, và được thiết kế ngăn gọn, bắt mắt, hỗ trợ thông tin tối đa cho người tiêu dùng.

Công tác truyền thông tiếp thị

Công tác truyền thông tiếp thị vừa nằm trong chiến lược thúc đẩy kinh doanh, quảng bá thương hiệu của Công ty, vừa là kênh thông tin rất tiện lợi và sinh động đến cho người tiêu dùng. Vì vậy, công tác này được Everpia đầu tư khá bài bản. Nhằm vào đối tượng mục tiêu là người tiêu dùng trẻ tuổi, bắt đầu lập gia đình, năm 2017 Everpia đã ký kết hợp đồng đại diện thương hiệu với diễn viên được yêu thích số 1 Hàn Quốc Kim Tae Hee. Với thông điệp "trở về nhà là trở về với sự êm ái cùng Everon", video quảng cáo với sự góp mặt của Kim Tae Hee đã nhận được sự quan tâm và hưởng ứng của đông đảo người tiêu dùng.



3.9. Tuân thủ về kinh tế - xã hội (GRI 419)

Với ý thức tuân thủ cao, trong năm 2017 Everpia không ghi nhận khoản tiền phạt nào đáng kể, cũng như không bị áp dụng các hình phạt phi tiền tệ trong việc thực hiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

Công ty chỉ phát sinh một số khoản liên quan đến lỗi nhỏ trong quá trình vận hành như: mất hóa đơn, chậm nộp thuế GTGT với tổng số tiền phạt cho tất cả các lỗi trong cả năm 2017 là 20,981,983 đồng. Đây là những rủi ro vận hành thường xuyên phát sinh trong các tổ chức quy mô lớn do khối lượng giao dịch nhiều, và tỷ lệ lỗi như trên là không đáng kể.





F - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của công ty bao gồm: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Toàn văn hai báo cáo này đã được công bố trên website công ty theo đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 18 được cấp ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lee Je Won	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	
Ông Kim Kyoung Rok	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Choi Hyung Joon	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Hong Sun	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc	
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Chi nhánh TP HCM	bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh TP HCM	miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



 Nguyễn Thái Thanh

 Phó Tổng Giám đốc

 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1



 Nguyễn Mạnh Hùng

 Kiểm toán viên

 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND				
MÃ SỐ	ASSETS	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		967.784.776.618	804.991.252.918
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.586.803.113	79.148.811.059
111	1. Tiền		40.605.973.113	48.648.811.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.980.830.000	30.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		187.860.000.000	73.140.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	187.860.000.000	73.140.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		245.392.766.521	243.742.976.292
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	219.073.543.239	180.180.602.822
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.249.395.885	6.071.660.749
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60.773.000.000	60.773.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.554.592.897	6.100.750.847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7, 8	(53.257.765.500)	(9.383.038.126)
140	IV. Hàng tồn kho	10	394.350.010.953	405.618.484.232
141	1. Hàng tồn kho		405.108.685.714	412.586.637.519
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.758.674.761)	(6.968.153.287)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.595.196.031	3.340.981.335
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	8.164.772.429	3.190.981.335
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		279.552.990	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.870.612	150.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		308.664.616.795	309.836.108.255
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	2.519.686.456	1.647.711.335
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.844.575.131	2.923.038.131
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1.324.888.675)	(1.275.326.796)
220	II. Tài sản cố định		275.586.750.070	285.736.663.309
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	266.371.606.845	274.781.108.969
222	Nguyên giá		530.905.577.919	505.473.867.741
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(264.533.971.074)	(230.692.758.772)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	71.919.283	83.274.958
225	Nguyên giá		113.556.756	113.556.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.637.473)	(30.281.798)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	9.143.223.942	10.872.279.382
228	Nguyên giá		40.266.572.356	39.451.177.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.123.348.414)	(28.578.898.494)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.638.200.000	2.638.200.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	2.638.200.000	2.638.200.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác	29.3	27.919.980.269	19.813.533.611
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		14.476.024.569	15.147.738.448
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		13.443.955.700	4.665.795.163
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.276.449.393.413	1.114.827.361.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		359.927.108.517	155.177.746.983
310	I. Nợ ngắn hạn		164.722.042.912	108.391.290.137
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	56.437.003.377	43.809.854.386
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	8.994.409.919	5.647.479.131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.289.156.808	26.760.029.293
314	4. Phải trả người lao động		14.998.237.891	11.454.147.070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.908.635.738	2.546.128.909
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	5.889.541.219	1.038.688.812
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	55.205.057.960	17.134.962.536
330	II. Nợ dài hạn		195.205.065.605	46.786.456.846
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.166.237.507	3.849.537.782
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	179.951.919.582	41.405.772.228
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	86.908.516	1.531.146.836
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	916.522.284.896	959.649.614.190
410	I Vốn chủ sở hữu	23	916.522.284.896	959.649.614.190
411	1. Vốn cổ phần	23.3	419.797.730.000	419.797.730.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.2	203.072.724.247	203.072.724.247
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.2	(49.000.000.000)	-
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		268.875.989	(172.241.448)
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		12.968.739.200	12.055.386.440
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.5	329.414.215.460	324.896.014.951
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế cuối năm trước		278.495.114.387	235.281.188.675
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		50.919.101.073	89.614.826.276
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.276.449.393.413	1.114.827.361.173



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2018



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	997.890.967.052	868.969.242.139
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(3.465.659.352)	(5.054.666.284)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	994.425.307.700	863.914.575.855
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(664.507.032.247)	(572.836.325.077)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		329.918.275.453	291.078.250.778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	14.402.530.080	14.457.940.475
22	7. Chi phí tài chính	27	(12.358.247.744)	(5.913.773.842)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(7.920.513.791)	(4.338.980.359)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	14	-	(9.740.391.052)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(128.845.594.279)	(82.114.536.494)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(139.845.737.949)	(96.447.072.433)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.271.225.561	111.320.417.432
31	12. Thu nhập khác		549.676.287	4.323.488.385
32	13. Chi phí khác		(570.674.656)	(2.153.863.240)
40	14. Lỗ khác		(20.998.369)	2.169.625.145
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.250.227.192	113.490.042.577
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(21.656.292.114)	(28.541.011.464)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	9.325.165.995	4.665.795.163
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.919.101.073	89.614.826.276
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	50.919.101.073	89.614.826.276
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.215	2.148
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	1.215	2.148



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2018



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND				
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		63.250.227.192	113.490.042.577
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		39.987.944.098	33.317.416.821
03	Các khoản dự phòng		50.449.838.015	7.613.866.755
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		246.407.100	(847.133.236)
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.714.536.783)	852.405.118
06	Chi phí lãi vay	27	7.920.513.791	4.338.980.359
08	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.140.393.413	158.765.578.394
09	Tăng các khoản phải thu		(41.349.683.220)	(13.832.597.823)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.147.841.725	(33.738.486.688)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		37.594.878.627	(297.785.985)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.383.074.015)	220.589.796
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.245.161.265)	(4.445.158.091)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	18	(29.882.615.153)	(37.481.419.321)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(5.011.626.873)	(4.615.814.228)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		106.010.953.239	64.574.906.054
	ƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(31.217.669.959)	(45.231.657.994)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		176.854.545	501.016.182
23	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(187.860.000.000)	(255.813.000.000)
24	Tiền thu cho vay, đầu tư ngắn hạn		73.140.000.000	330.965.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.121.417.402	9.692.731.378
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(142.639.398.012)	40.114.089.566

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Currency: VND				
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	22.564.158.603
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(49.000.000.000)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		271.536.356.044	133.024.350.793
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(92.138.933.362)	(171.947.736.743)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(34.078.570)	(25.057.953)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(41.920.159.250)	(55.897.044.106)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		88.443.184.862	(72.281.329.406)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		51.814.740.089	32.407.666.214
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	79.148.811.059	46.536.789.925
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		623.251.965	204.354.920
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	131.586.803.113	79.148.811.059


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BCTC HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 18 được cấp ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.303 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.341 người).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của các Công ty trong công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty TNHH Everpia Cambodia

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

Công ty TNHH Everpia Intermaru

Công ty con này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Intermaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Intermaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Đức.

Tại ngày 16 tháng 3 năm 2017, Công ty đã quyết định hủy kế hoạch đầu tư vào công ty con này.

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18-104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.000.000 đô la Mỹ (tương đương 22.710.000.000 VND), tương đương với 67% vốn điều lệ vào công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ di dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nhãn hiệu, kênh phân phối

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm	Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm	Kênh phân phối	15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm	Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm	Các tài sản cố định vô hình khác	4 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm	Chi phí hoàn trả mặt bằng	5 năm
		Tên miền	20 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số nhà xưởng và máy móc thiết bị tại nhà máy Đồng Nai để phù hợp với thời gian dự kiến di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa vào năm 2022 theo Công văn số 548/PTKCN-XNGĐ của Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai ngày 3 tháng 7 năm 2012. Ảnh hưởng thuần của thay đổi này đến năm hiện tại là làm tăng chi phí khấu hao lên một khoản là 4.656.708.311 VND.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tài Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty và các công ty con sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

TRỢ CẤP THỜI VIỆC PHẢI TRẢ

Trợ cấp thời việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thời việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thời việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thời việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục trong nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
 - Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CHÉCH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI PHÁT SINH DO CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ TIỀN TỆ BÁO CÁO CỦA CƠ SỞ NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG ĐỘC LẬP

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá +/- 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	132.442.000		670.761.319
Tiền gửi ngân hàng	40.473.531.113		47.978.049.740
Các khoản tương đương tiền (*)	90.980.830.000		30.500.000.000
	131.586.803.113		79.148.811.059

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 6%/năm (2016: các khoản tiền có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐỀN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	187.860.000.000	187.860.000.000	73.140.000.000	73.140.000.000
	187.860.000.000	187.860.000.000	73,140.000.000	73.140.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm. (2016: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		Đơn vị tính: VND	
		Ending balance	Beginning balance
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	217.987.110.420		178.974.195.038
- Công ty TNHH Everpia Cambodia	15.426.086.160		-
- Công ty TNHH Imarket Việt Nam	12.280.000.000		-
- Công ty TNHH Aeon Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	8.843.728.976		165.640.975
- Công ty TNHH Global Garment Sourcing	6.563.563.820		4.896.229.069
- Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	6.272.624.590		7.921.768.085
- Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	3.873.319.811		-
- Công ty TNHH RSCO	2.822.191.036		5.186.214.570
- Đại lý AT- 278 Phố Huế	2.335.358.729		4.904.525.592
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phú Trường Giang	1.985.647.843		8.660.898.816
- Các khoản phải thu khách hàng khác	157.584.589.455		147.238.917.931
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.086.432.819		1.206.407.784
	219.073.543.239		180.180.602.822
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.949.361.190)		(8.686.958.126)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty TNHH vận chuyển quốc tế Shenzhen East Pacific	1.830.925.551	296.709.740	
Công ty TNHH May Thời trang Ngân Hà	790.086.000	-	
Công ty Cổ Phần Đầu tư Và Xuất nhập khẩu Ngân Hà	729.000.000	-	
Công ty TNHH JM Điện Cơ Và Xây dựng Việt Nam	696.080.000	696.080.000	
Công ty TNHH Dong Ha	438.585.840	464.455.050	
Trả trước cho các đối tượng khác	4,764.718.494	4.614.415.959	
	9.249.395.885	6.071.660.749	
	(696.080.000)	(696.080.000)	

Dự phòng phải thu trả trước cho người bán ngắn hạn

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm
Cho bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	60.773.000.000
	60.773.000.000
	(25.365.588.640)

PDự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm
Ngắn hạn	Số đầu năm
Lãi tiền gửi và cho vay	8.356.777.708
Tạm ứng cho nhân viên	924.516.884
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	61.166.173
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	-
Phải thu ngắn hạn khác	212.132.132
	9.554.592.897
	(5.246.735.670)
	5.246.735.670
	4.307.857.227
	2.101.715.746
	6.100.750.847
	-
	2.279.711.500
	3.821.039.347
	893.491.200
	252.051.882
	98.599.640
	2.106.486.456
	493.945.953
	2.923.038.131
	(1.324.888.675)

Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi

Trong đó:

Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)

Phải thu khác từ các đối tượng khác

Dài hạn

Cho thuê máy móc

Cho vay xơ

Phải thu nhân viên

Ký quỹ, ký cược dài hạn

Phải thu dài hạn khác

Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi

9. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm
	Số đầu năm
	Giá gốc
	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Everpia Cambodia	15.426.086.160
Công ty Cổ Phần Texpia	66.019.735.670
Các khoản phải thu khác	24.236.570.612
TỔNG CỘNG	105.682.392.442
	51.099.738.267
	76.605.028.609
	65.946.663.687

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm
	Số đầu năm
	Giá gốc
	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	13.112.559.991
Nguyên liệu, vật liệu	230.960.014.911
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-
Thành phẩm	153.281.165.757
Hàng hóa	7.754.945.055
	405.108.685.714
	(10.758.674.761)
	412.586.637.519
	(6.968.153.287)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm
Số đầu năm	6.968.153.287
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	9.594.318.575
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.068.769.813)
Trừ: Bán công ty con	(2.735.027.288)
Số cuối năm	10.758.674.761

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND	
	Nhà xưởng và vật kiến trúc
	Máy móc thiết bị
	Thiết bị văn phòng
	Phương tiện vận tải
	Tài sản cố định khác
	Tổng cộng
Nguyên giá:	
Số đầu năm	182.094.947.025
- Mua trong năm	16.883.021.132
- Thanh lý, nhượng bán	-
- Giảm do bán công ty con	(872.561.600)
Số cuối năm	198.105.406.557
	264.284.562.856
	20.320.475.388
	28.772.553.933
	19.422.579.185
	505.473.867.741
	30.836.775.288
	(3.077.034.937)
	(2.328.030.173)
	530.905.577.919
	827.878.509
	83.309.986.181
	4.024.118.538
	4.585.512.469
	4.106.550.975
	96.854.046.672
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	
Tài sản sử dụng để thế chấp cho khoản vay và trái phiếu (Thuyết minh số 21.2, 21.3)	
	195.220.167.614
	165.373.614.672
	71.331.818
	5.670.290.909
	7.422.892.658
	373.758.297.671
Giá trị hao mòn:	
Số đầu năm	45.030.192.190
- Khấu hao trong năm	12.840.948.708
- Thanh lý, nhượng bán	-
- Giảm do bán công ty con	(55.431.200)
Số cuối năm	57.815.709.698
	150.505.357.334
	17.818.478.694
	(2.196.632.193)
	(932.148.792)
	11.714.288.710
	17.125.199.945
	12.683.717.678
	264.533.971.074
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	137.064.754.835
Số cuối năm	140.289.696.859
	107.575.166.212
	99.089.507.813
	8.827.626.167
	13.129.639.277
	8.183.922.478
	274.781.108.969
	6.738.861.507
	266.371.606.845

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Nguyên giá:		Đơn vị tính: VND
Số đầu năm		Thiết bị văn phòng
Thuê trong năm		
Số cuối năm		
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm		
Khấu hao trong năm		
Số cuối năm		
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		
Số cuối năm		

Đây là máy photo được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Tổng cộng					
Nguyên giá:					
Số đầu năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
- Mua trong năm	-	-	-	815.394.480	815.394.480
Số cuối năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	1.502.288.167	40.266.572.356
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	7.831.500.000	266.973.710	686.893.687	8.785.367.397
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	16.137.011.848	7.315.137.120	4.439.855.839	686.893.687	28.578.898.494
Hao mòn trong năm	1.226.248.025	516.362.880	801.839.015	-	2.544.449.920
Số cuối năm	17.363.259.873	7.831.500.000	5.241.694.854	686.893.687	31.123.348.414
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	7.357.488.152	516.362.880	2.998.428.350	-	10.872.279.382
Số cuối năm	6.131.240.127	-	2.196.589.335	815.394.480	9.143.223.942

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư:		Đơn vị tính: VND
Số đầu năm		Công ty Cổ phần Texpia
Số cuối năm		
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:		
Số đầu năm		
Phần lỗ sau khi mua công ty liên kết		
Số cuối năm		
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		
Số cuối năm		

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2017, Công ty và Công ty Cổ phần Texpia đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư ("Dự án"), qua đó, Công ty sẽ mua lại toàn bộ dự án sản xuất vải và vải dùng may khăn của Công ty Cổ phần Texpia, cụ thể: mua lại toàn bộ tài sản, máy móc thiết bị, các khoản nợ phải thu, nghĩa vụ nợ phải trả, đồng thời tiếp nhận lại toàn bộ lực lượng lao động hiện tại và duy trì các điều kiện và quyền lợi lao động hiện hành. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình tiến hành các thủ tục để mua lại Dự án nói trên.

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND
Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	
Tiền thuê mặt bằng	
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	
Bảo hiểm cháy nổ	
Phí quảng cáo	
Khác	
Dài hạn	
Tiền thuê mặt bằng (*)	
Tiền thuê đất ở Hòa Bình(**)	
Tiền nội thất showroom	
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	
Khác	

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

(**) Trong năm 2017, Công ty đã ký phụ lục sửa đổi hợp đồng mua bán tài sản cố định nhà cửa, vật kiến trúc ngày 26 tháng 12 năm 2013. Theo đó, toàn bộ giá trị hợp đồng được điều chỉnh là giá mua bán nhà ở và tài sản gắn liền trên đất.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	54.333.221.961	54.333.221.961	43.588.754.386	43.588.754.386
- EP International Company Limited	2.869.397.818	2.869.397.818	10.648.692.462	10.648.692.462
- Phải trả cho các đối tượng khác	51.463.824.143	51.463.824.143	32.940.061.924	32.940.061.924
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.103.781.416	2.103.781.416	221.100.000	221.100.000
	56.437.003.377	56.437.003.377	43.809.854.386	43.809.854.386

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND
Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Syrena Phú Quốc	
Công ty TNHH Hòa Bình	
Các đối tượng khác	
TỔNG CỘNG	

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Giảm do bán công ty con	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.954.458.996	24.073.177.900	24.544.830	23.839.114.643	3.163.977.423
Thuế nhập khẩu	573.239.843	522.063.908	-	1.095.303.751	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.436.698.823	21.656.292.114	-	29.882.615.153	14.210.375.784
Thuế thu nhập cá nhân	717.881.952	10.589.732.524	16.021.370	10.376.789.505	914.803.601
Các loại thuế khác	77.749.679	550.258.362	26.914.990	601.093.051	-
	26.760.029.293	57.391.524.808	67.481.190	65.794.916.103	18.289.156.808

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản hoàn thành

Chi phí quảng cáo

Chi phí phải trả khác chưa nhận được hóa đơn

Đơn vị tính: VND	
Số cuối năm	Số đầu năm
-	2.353.120.000
1.893.927.273	-
3.014.708.465	193.008.909
4.908.635.738	2.546.128.909

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngắn hạn

Lãi vay phải trả

Phải trả tiền coupon

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Phải trả ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND	
Số cuối năm	Số đầu năm
-	-
3.961.761.775	-
1.228.693.181	588.840.909
33.978.810	4.908.000
204.988.435	84.545.734
460.119.018	360.394.169
5.889.541.219	1.038.688.812
-	-
12.286.423.193	3.522.669.782
2.762.996.314	-
116.818.000	326.868.000
15.166.237.507	3.849.537.782

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Increase	Decrease	Chênh lệch tỷ giá
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Increase	Decrease	Chênh lệch tỷ giá
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	-	-	116.508.269.044	(77.882.377.885)	56.044.116
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	25.057.953	25.057.953	34.748.831	(34.078.570)	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	14.375.104.583	14.375.104.583	16.497.394.471	(14.256.555.477)	(118.549.106)
Vay từ đối tượng khác	2.734.800.000	2.734.800.000	-	-	(2.734.800.000)
	17.134.962.536	17.134.962.536	133.040.412.346	(92.173.011.932)	(62.504.990)
					(2.734.800.000)
					55.205.057.960
					55.205.057.960

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.3)	-	-	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Vay ngân hàng (Số 21.2)	41.371.023.397	41.371.023.397	5.028.087.000	(16.497.394.471)	50.203.656	-	29.951.919.582	29.951.919.582
Nợ thuê tài chính	34.748.831	34.748.831	-	(34.748.831)	-	-	-	-
	41.405.772.228	41.405.772.228	155.028.087.000	(16.532.143.302)	50.203.656	-	179.951.919.582	179.951.919.582
	58.540.734.764	58.540.734.764	288.068.499.346	(108.705.155.234)	(12.301.334)	(2.734.800.000)	235.156.977.542	235.156.977.542

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31/12/2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”)	25.080.714.544	USD 1.103.176	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 28 tháng 5 năm 2018	2.5%	Không yêu cầu
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”)	13.601.220.731	VND 13.601.220.731	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 11 tháng 2 năm 2018	5.5%	Không yêu cầu đảm bảo khoản vay
	38.681.935.275				

CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG DÀI HẠN

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31/12/2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	29.290.027.900	USD 1.457.488	Trong vòng 4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Lãi suất kỳ hạn 3 tháng + 2,7%/năm	Máy móc thiết bị được tài trợ; tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13.886.558.880	VND 13.886.558.880	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 11 năm 2020	3 năm đầu lãi suất cố định là 7%, sau đó lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 2%/năm	Máy móc thiết bị được tài trợ; tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	3.272.727.273	VND 3.272.727.273	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 1,3%/năm	Ô tô mua bởi khoản vay này
	46.449.314.053				

Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả 16.497.394.471
Vay dài hạn 29.951.919.582

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	150.000.000.000	7,5%	Đáo hạn vào ngày 30 tháng 8 năm 2022	-	-	-
TỔNG CỘNG	150.000.000.000			-		

Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2017/EVE-BVB giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên: vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ đồng.
Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:
- Tài sản gắn liền với đất của nhà máy Hưng Yên tại Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Tài sản gắn liền với đất của nhà máy tại Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội;
- Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hà Nội và tại nhà máy Hưng Yên;
- Tài sản cố định khác từ phương án phát hành trái phiếu năm 2017.

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: VND	
Năm nay	Năm trước
1.531.146.836	2.683.121.285
-	-
(1.444.238.320)	(1.151.974.449)
86.908.516	1.531.146.836

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.949.623.119	(108.571.925)	436.787.936.102	907.002.732.940
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89.614.826.276	89.614.826.276
- Chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	-	12.072.724.247	10.491.434.356	-	-	-	22.564.158.603
- Trích lập quỹ	-	-	-	5.677.153.321	-	(5.677.153.321)	-
- Cổ tức đã chia	139.932.550.000	-	-	-	-	(195.829.594.106)	(55.897.044.106)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	-	(63.669.523)	-	(63.669.523)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.571.390.000)	-	-	(3.571.390.000)
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	-	12.055.386.440	(172.241.448)	324.896.014.951	959.649.614.190

Năm nay							
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	-	12.055.386.440	(172.241.448)	324.896.014.951	959.649.614.190
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	50.919.101.073	50.919.101.073
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(49.000.000.000)	-	-	-	(49.000.000.000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	4.480.741.313	-	(4.480.741.313)	-
- Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(41.920.159.250)	(41.920.159.250)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	-	268.875.989	-	268.875.989
- Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	172.241.448	-	172.241.448
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.567.388.553)	-	-	(3.567.388.553)
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(49.000.000.000)	12.968.739.200	268.875.989	329.414.215.461	916.522.284.897

TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
Cổ phiếu quỹ (*)	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)	-	-
	573.870.454.247	573.870.454.247	622.870.454.247	622.870.454.247

(*) Trong tháng 12 năm 2017, Công ty đã mua lại 2.431.800 cổ phiếu quỹ.

CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	419.797.730.000	279.865.180.000
Tăng vốn trong năm	-	139.932.550.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	419.797.730.000	419.797.730.000
Cổ tức đã trả	(41.920.159.250)	(195.829.594.106)

ATheo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 02/ĐHĐCĐ2016/NQ ngày 24 tháng 6 năm 2016, vào ngày 27 tháng 7 năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2015 với tỷ lệ 50%. Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 13.993.255 cổ phiếu, tương đương số tăng vốn cổ phần 139.932.550.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2017/NQ ngày 21 tháng 4 năm 2017, Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2016: 10% mệnh giá (1.000 VND/1 cổ phiếu).

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/ĐHĐCĐ2017/NQ ngày 21 tháng 4 năm 2017 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

- Đô la Mỹ (USD)

- Euro (EUR)

- Won Hàn Quốc (KRW)

25. DOANH THU

DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu

Trong đó:

Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm

Doanh thu thành phẩm bông

Doanh thu chăn bông

Doanh thu bán hàng hóa khác

Doanh thu từ bán phế liệu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại

Chiết khấu thương mại

Doanh thu thuần

Trong đó:

Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm

Doanh thu thành phẩm bông

Doanh thu chăn bông

Doanh thu bán hàng hóa khác

Doanh thu từ bán phế liệu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Trong đó:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác

Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
41.979.773	41.979.773
41.979.773	41.979.773
41.979.773	41.979.773
-	-
-	-
(2.431.800)	-
(2.431.800)	-
-	-
39.547.973	41.979.773
39.547.973	41.979.773
-	-

Số cuối năm	Số đầu năm
505.990	678.776
-	162
1.703.462	-

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
997.890.967.052	868.969.242.139
671.163.206.864	508.516.212.616
231.005.866.122	262.368.040.097
54.555.363.670	78.501.474.216
37.609.432.302	19.076.994.595
455.622.892	506.520.615
3.101.475.202	-
(3.465.659.352)	(5.054.666.284)
(2.971.198.134)	(821.166.454)
(494.461.218)	(4.233.499.830)
994.425.307.700	863.914.575.855

667.697.547.512	503.461.546.332
231.005.866.122	262.368.040.097
54.555.363.670	78.501.474.216
37.609.432.302	19.076.994.595
455.622.892	506.520.615
3.101.475.202	-
3.938.300.388	3.734.356.001
990.487.007.312	860.180.219.854

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi từ thoái vốn
Lãi tiền gửi, tiền cho vay
Lãi chênh lệch tỷ giá
Cổ tức, lợi nhuận được chia

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm
Giá vốn thành phẩm bông
Giá vốn chăn bông
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác
Điều chỉnh khấu hao cho tài sản thuộc hạng mục di dời

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá
Chi phí tài chính khác

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí quảng cáo
- Chi phí khác

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
1.381.572.833	-
8.582.936.962	10.452.656.820
4.214.420.285	3.781.683.655
223.600.000	223.600.000
14.402.530.080	14.457.940.475

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
480.931.418.492	378.028.139.940
105.965.890.332	136.563.985.175
38.927.392.125	49.478.253.855
34.438.549.123	8.765.946.107
4.243.782.175	-
664.507.032.247	572.836.325.077

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
7.920.513.791	4.338.980.359
4.428.530.930	1.559.424.497
9.203.023	15.368.986
12.358.247.744	5.913.773.842

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
4.816.696.228	2.504.655.564
42.110.500.234	29.577.137.363
2.828.177.642	2.632.355.455
33.462.798.645	38.706.700.582
34.566.481.987	-
11.060.939.543	8.693.687.530
128.845.594.279	82.114.536.494
62.635.335.569	58.802.551.694
8.303.761.085	7.360.652.744
16.709.914.645	19.655.395.932
52.196.726.650	10.628.472.063
139.845.737.949	96.447.072.433
268.691.332.228	178.561.608.927

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
512.495.158.258	479.652.272.869
196.149.450.249	169.057.422.824
39.987.944.098	33.317.416.821
57.345.614.878	61.586.419.352
97.926.274.096	19.331.673.012
903.904.441.579	762.945.204.878

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Everpia Korea có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nước sở tại bằng 10% lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các báo cáo thuế của Công ty và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CHI PHÍ THUẾ TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Năm trước
21.656.292.114	28.541.011.464
(9.325.165.995)	(4.665.795.163)
12.331.126.119	23.875.216.301

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

Tổng lợi nhuận thuần trước thuế

Thuế TNDN theo thuế suất 20%

Các khoản điều chỉnh tăng:

Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN

Các khoản lỗ của các công ty con không chịu thuế

Các khoản lỗ của các công ty liên kết không chịu thuế

Các khoản điều chỉnh tăng khác

Các khoản điều chỉnh giảm:

Các chênh lệch tạm thời

Thu nhập không chịu thuế TNDN

Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết

Lãi từ thoái vốn công ty con

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Chi phí thuế TNDN

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

THUẾ TNDN HOÀN LẠI

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Doanh thu chưa thực hiện	245.738.636	117.768.182	127.970.454	117.768.182
Các khoản giảm trừ doanh thu chưa phát hành hóa đơn	98.892.244	846.699.966	(74,807.722)	1.393.630.658
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.151.734.952	1.393.630.658	1.305.109.752	846.699.966
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.661.228.543	1.876.607.625	6.784.620.918	1.876.607.625
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.342.821.143	704.533.956	1.638.287.187	704.533.956
Chi phí phân bổ dự phòng hoàn trả mặt bằng	110.519.852	-	110.519.852	-
	13.610.935.370	4.939.240.387	9.218.700.441	4.939.240.387
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(166.979.670)	(273.445.224)	106.465.554	(273.445.224)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	13.443.955.700	4.665.795.163		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			9.325.165.995	4.665.795.163

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	1.500.000.000	16.040.000.000
		Thu tiền cho vay	1.500.000.000	3.640.000.000
		Doanh thu gia công	1.168.155.045	2.851.649.941
		Lãi cho vay	3.697.024.170	4.157.661.832
		Thanh lý tài sản	-	400.000.000
		Doanh thu dịch vụ	2.699.524.473	880.000.000
		Mua hàng hóa	1.990.950.060	809.950.000
		Mua máy tính	18.639.508	-
		Mua nguyên vật liệu	156.971.015	-
		Doanh thu bán hàng hóa	70.620.870	2.706.060
		Bán nguyên vật liệu	358.719.642	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay trình bày tại thuyết minh số 7, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu về cho vay và lãi cho vay là 30.612.324.310 đồng liên quan đến số tiền công ty liên kết – Công ty Cổ phần Texpia- còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Số 6.1) Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Gia công	59.113.327	1.206.407.784
		Doanh thu dịch vụ	648.087.098	-
		Doanh thu bán NVL	358.719.642	-
		Doanh thu bán hàng hóa	20.512.752	-
			1.086.432.819	1.206.407.784
Phải thu ngắn hạn khác (Số 9) Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5.246.735.670	1.549.711.500
		Thanh lý tài sản	-	330.000.000
		Cung cấp dịch vụ	-	400.000.000
			5.246.735.670	2.279.711.500
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Số 7) Công ty Cổ phần Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60.773.000.000	60.773.000.000
			60.773.000.000	60.773.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Số 17) Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	2.103.781.416	221.100.000
			2.103.781.416	221.100.000

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn từ 1 đến 8 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	18.572.752.683	17.009.454.229

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.919.101073	89.614.826.276
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	50.919.101.073	89.614.826.276
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.907.263	41.718.323
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	41.907.263	41.718.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.215	2.148
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.215	2.148

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 95,86% tổng doanh thu trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

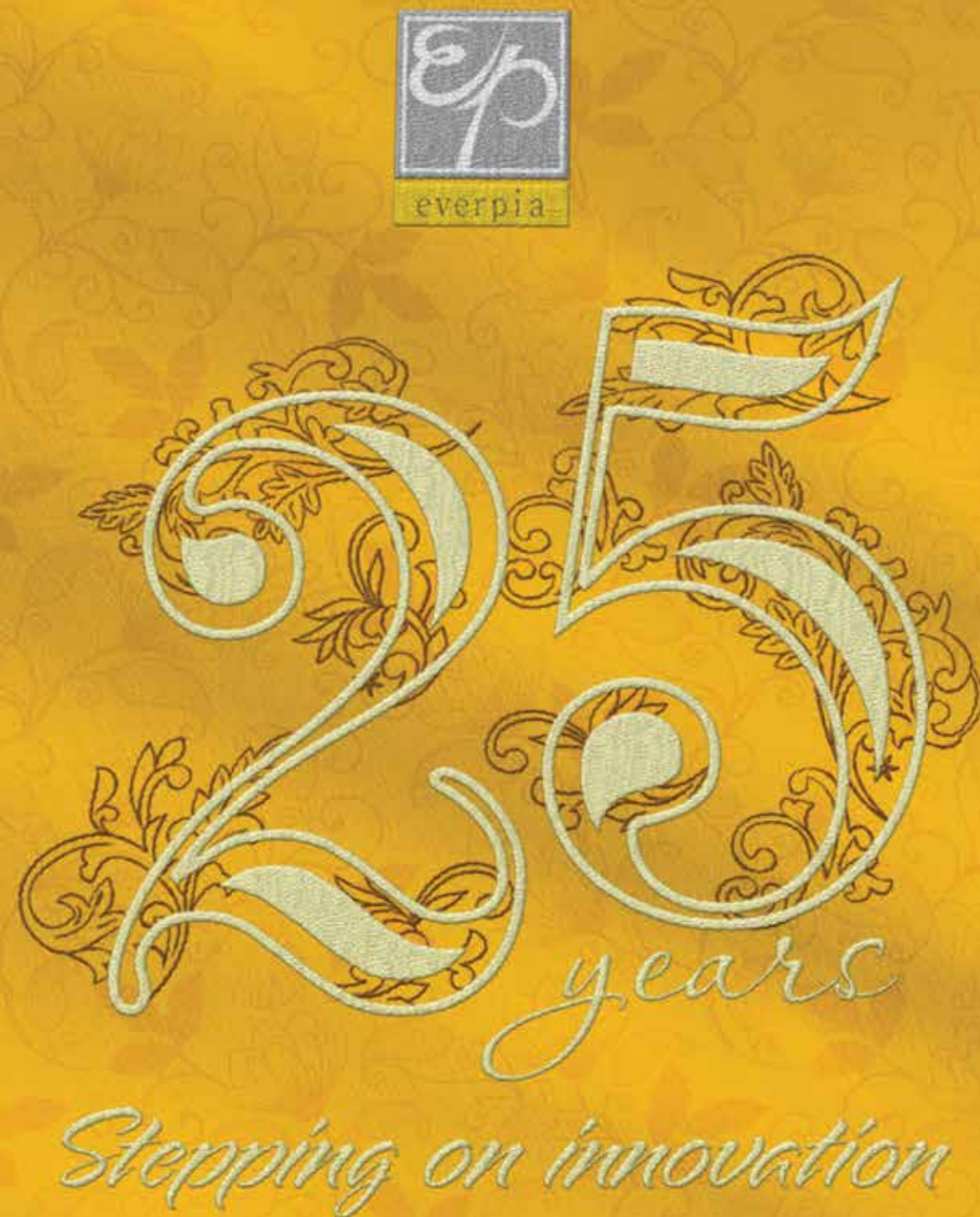


Lee Jae Eun
Tổng giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC

- Mọi thông tin tài chính liên quan trong báo cáo này đều lấy nguồn từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của công ty CP Everpia.
- Các thông tin về thị trường, về năng lực sản xuất đều lấy nguồn nội bộ công ty cổ phần Everpia. Các nhận định trong Báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra Báo cáo.